



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 66

Số: **16**

(2775)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY, 20 - 4 - 2013

SÍNH LỄ

Truyện ngắn của LÊ THUẬN THẢO

(Xem bài trang 6)



Minh họa của THÀNH CHƯƠNG

TIẾNG NÓI NHÀ VĂN

LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG CÀNG PHỤC DỤNG CÀNG MẤT MÁT

Nhà văn TRẦN BẢO HƯNG

LÊN Mộc Châu (Sơn La) vào giữa tháng 2 âm lịch, nghe nói có lễ hội truyền thống Hết Chá của dân tộc Thái, chúng tôi rất hào hứng. Theo đồng bào địa phương, đây là một lễ hội tâm linh, có tính chất tạ ơn hoặc cầu nước, là lễ hội linh thiêng và mang đậm bản sắc của cư dân bản địa.

Hào hức đến dự, nhưng rồi chúng tôi thất vọng ngay, vì nó nhom nhem, chẳng phải truyền thống mà cũng chẳng ra hiện đại. Đêm khai mạc lễ hội là những bài hát mới; ca ngợi quê hương, đất nước mà người ta có thể hát bất cứ ở đâu, kết hợp với một vài tiết mục hát múa dân tộc đã được cải biên, "nâng cao". Cũng có một đôi nam thanh, nữ tú dẫn chương trình, màn giới thiệu quan khách từ tỉnh, đến huyện, thị trấn, xã... Rồi vị lãnh đạo địa phương đọc diễn văn khai mạc, lãnh đạo trao cờ và tặng phẩm lưu niệm cho 12 đội văn nghệ của các bản và tiểu khu tham gia biểu diễn như cung cách của một hội diễn. Người ta thường nói "bình cũ rượu mới", nhưng với những gì được chứng kiến ở đêm khai mạc lễ hội thì bình đã mới và rượu cũng mới.

Đối với các lễ hội truyền thống, đêm khai hội thường diễn ra rất thiêng liêng, trọng đại - đó chính là phần lễ với những nghi lễ có tính chất bắt buộc, những diễn xướng tín ngưỡng tạ ơn thần linh, cầu mong một cuộc sống no đủ, làm ăn thuận lợi, thành công. Sau phần lễ là phần hội, với các chương trình biểu diễn nghệ thuật gồm những tiết mục hát múa, diễn xướng dân gian truyền thống đặc sắc của cư dân bản địa. Đối chiếu với những tiêu chí thông thường của một lễ hội truyền thống, thì lễ hội Hết Chá chỉ còn mỗi cái tên. Ngoài ra là một vài trò chơi dân gian được diễn ra vào ngày hôm sau như: kéo co, đẩy gậy... Vì vậy, lễ hội không hấp dẫn, thu hút được công chúng. Hầu như không có những người dân trung niên và cao niên của địa phương đến dự. Các du khách cũng bỏ ra về, vì để xem, nghe hát mới thì họ chả cần lặn lội lên đây. Du khách trẻ thì lại càng ngán ngẩm. Tôi đã thấy một tốp bạn trẻ đốt lửa trại và hát hò chỉ cách nơi diễn ra lễ hội khoảng vài ba trăm mét.

Người dân địa phương và du khách không quan tâm đến hội Hết Chá được phục dựng, vì nó không phải là lễ hội mà họ yêu mến, sáng tạo và lưu giữ từ bao đời nay. Đối tượng được tôn vinh là các thầy mo, thầy cúng không còn hiện diện trong lễ hội, các nghệ nhân dân gian, chủ thể của lễ hội cũng bị lãng quên. Có thể nói, không gian thiêng và chủ thể của lễ hội đã không còn, lễ hội chỉ còn là một cái xác vô hồn.

(Xem tiếp trang 2)

HƯỚNG TỚI KỶ NIỆM 65 NĂM BÁO VĂN NGHỆ

TÔI THƯỜNG NGHĨ VỀ BẠN BÈ NHƯ VẬY

VŨ TÚ NAM

NHÃN dịp kỷ niệm 65 năm ngày *Văn nghệ* ra mắt bạn đọc, giờ lại những trang nhật ký, tôi nhớ lại toàn bộ cán bộ công nhân viên của báo vào thời kỳ cuối năm 1970. Ban phụ trách báo khi đó gồm: đồng chí Hoài Thanh là chủ nhiệm, tôi là thư ký toà soạn, và hai uỷ viên ban biên tập là chị Cẩm Thanh và anh Đào Vũ.

Những năm 70, báo *Văn nghệ* đã trải qua chiến tranh phá hoại ác liệt của Mỹ. Đầu cửa vào trụ sở 17 Trần Quốc Toản vốn nhỏ hẹp khi ấy, chúng tôi phải cho xây một hầm trú ẩn nổi cũng bé nhỏ tới tấp, mỗi người được mua một cái ghế gỗ (giả hai mươi đồng, do phòng hành chính trị sự quy định) để ngồi bệt trong hầm khi báo động. Mỗi phóng viên chính của báo được cấp một mũ sắt; bác Nguyễn Tuấn là cộng tác viên đặc biệt cũng được cấp mũ sắt, với chiếc mũ này bác Nguyễn đã xông xáo viết những bài ký nổi tiếng *Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi*.

Lái xe Đinh Xuân Châu đã nhiều lần gan góc trương cờ "báo chí" cho xe commăngca đi tạt vòng vượt cầu phao sông Hồng trong khi máy bay Mỹ gầm rú. Sau này, năm 1973, Châu đã đưa một đoàn gồm tôi, chị Cẩm Thanh, các anh Bùi Hiến, Ngô Văn Phú vào vùng Quảng Trị mới giải phóng. Nhớ lại ngày đó có đoạn gặp phải đoạn đường nhiều mìn, Châu phải lái chậm, cần theo vết xe đã đi trước, rất căng thẳng. Sau này anh Đinh Xuân Châu đã mất vì bệnh ung thư. Hôm đến nhà thăm khi anh bệnh nặng, bụng trướng to, anh nắm tay tôi trào nước mắt. Tôi không khi nào quên những kỷ niệm đối với anh Châu cũng như các đồng chí lái xe khác ở Hội Nhà văn sau này.

Đây là kỷ niệm trong chiến tranh. Còn về mặt nghề nghiệp, báo *Văn nghệ* khi đó đã gặt hái được những thành tựu đáng kể. Mở cuộc thi thơ mà những người được giải cao đều ở chiến trường, gia đình và bạn bè lính giải hộ. Đó là Phạm Tiến Duật, Hoàng Nhuận Cầm... Nguyễn Duy từ xa đã đọc thơ dự thi qua điện thoại cho Hữu Nhuận chép. Tổ thơ hồi đó gồm nhà thơ Phạm Hồ là tổ trưởng, các biên tập



Toàn soạn báo Văn nghệ trong dịp kỷ niệm 20 năm (1968)

viên khác có anh Vĩnh Mai và chị Xuân Quỳnh... Thời gian nghiệt ngã đã tiễn đưa tất cả các thành viên tổ thơ ngày ấy về với vịnh hằng. Tổ văn xuôi năm 1970 gồm anh Võ Huy Tâm là tổ trưởng, cùng các anh chị Nguyễn Thị Ngọc Tú, Xuân Trinh, Hoài An, Trần Hoài Dương, Văn Ngọc, Ngô Ngọc Bội là các biên tập viên. Cho đến hôm nay chỉ còn lại chị Ngọc Tú yếu đau và anh Ngô Ngọc Bội vẫn khoẻ. Riêng anh Văn Ngọc ở Nam Bộ xa xôi, tôi không có liên lạc, chỉ nhớ hồi đó anh nhiều tuổi, sức yếu, rất hiền lành và tận tụy công tác.

Tổ lý luận - phê bình do anh Khải Vinh là tổ trưởng, có chị Thiểu Mai và anh Trang Nghị. Nhiều người làm báo *Văn nghệ* thời đó hẳn vẫn nhớ tiếng cười hờ hớ của Trang Nghị khi có chút rượu vào... Còn tôi vẫn nhớ tiếng cười của anh vào một đêm trăng năm ấy, khi mấy anh em theo thuyền câu mực ở vịnh Hạ Long. Thuyền ra tít biển xa, chúng tôi vừa câu vừa ăn mực, uống rượu...

Thời gian khắc nghiệt lại đã "xoá sổ" tổ lý luận - phê bình, cắt đứt tiếng cười hã

hê của Trang Nghị và những lo toan công việc của Thiểu Mai, Khải Vinh.

Các anh Nguyễn Tuấn (mỹ thuật), Nguyễn Thành Đại (sân khấu), Hồng Phi (sân khấu), Trung Sơn (điện ảnh), Phan Thanh Nam (âm nhạc) luân phiên nhau phụ trách tổ nghệ thuật. Công việc rất đều đặn hàng tuần. Hiện nay chỉ còn anh Trung Sơn tóc bạc phơ lùi thúi một mình (vợ anh là chị Đoàn ở phòng hành chính trị sự báo, mất đã lâu) và nhạc sĩ Phan Thanh Nam ở tận Sài Gòn. Tổ mỹ thuật trình bày có hoạ sĩ Nguyễn Bích là tổ trưởng, các anh Phạm Hữu Trí, Lê Chính làm mise, và chị Kim Oanh. Ảnh Phất (khắc gỗ) và anh Nguyệt Diệu (chụp ảnh) ở ngoài biên chế báo. Vài năm gần đây, tôi thường được gặp anh Diệu ở cuộc liên hoan báo đón xuân mới. Anh Nguyễn Bích, chị Kim Oanh... đã mất, còn các anh chị khác không thật rõ tin tức. Tôi vẫn nhớ từng nụ cười của các anh.

Tổ thời sự do nhà thơ trào phúng Nguyễn Đình làm tổ phó. Có thêm các anh Hữu Nhuận và Ngô Sinh Nhựt. Hữu Nhuận cho đến nay vẫn bền bỉ sưu tầm,

tim kiếm tư liệu văn học. Còn anh Nguyễn Đình đã mất vì bệnh ung thư, không kịp chờ đến ngày giải phóng miền Nam. Tôi nhớ mãi hình ảnh anh Nhựt, là thương binh, cụt một tay, rất tận tụy công tác.

Nhắc đến phòng hành chính trị sự của báo là nhớ trưởng phòng Phan Thắng, cán bộ tập kết, sống lẻ loi xa gia đình. Anh là người đã lo cơm áo gạo tiền cho anh chị em, lo nhà in và giấy in cho báo. Sau giải phóng, anh đã về miền Nam đoàn tụ gia đình. Phòng hành chính trị sự thời ấy còn có các chị Thịnh, chị Đoàn, chị Nhi, chị Á. Các chị đều hiền lành, chăm chỉ làm việc. Anh Dịch và anh Quyền đánh máy cho báo; hồi ấy làm gì có máy vi tính! Các anh đánh máy thật giỏi. Người làm công tác liên lạc cho báo là anh Văn Kim Tùng, người dân tộc thiểu số. Anh rất thật thà, chăm chỉ. Với chiếc xe đạp tông tọc, anh đi khắp nơi quanh Hà Nội. Anh thường cười nheo nheo đôi mắt, xưng "mình" với tôi và bác Hoài Thanh. Có lần anh bảo tôi: "Mình vừa ở chỗ Hoài Thanh về"! Mỗi lần anh đến nhà, tôi thường mời anh ăn kẹo và uống trà. Anh ăn uống hồn nhiên như trẻ thơ. Thế mà Văn Kim Tùng sau này đã có cái chết bi thảm vì bị bệnh trầm cảm. Cơ quan thương tiếc anh, nhận con gái anh vào làm việc sau đó.

Thời gian trôi qua thật nhanh. Ban phụ trách báo *Văn nghệ* năm 1970, nay chỉ còn tôi và chị Cẩm Thanh. Bác Hoài Thanh và anh Đào Vũ đã ra đi cả rồi. Mỗi ngày nào, mùa đông 1972, tôi còn trẻ đội mũ sắt trực chiến cùng anh em báo trong 12 ngày đêm chống B52. Đến nay tôi đã 85 tuổi. Trí nhớ đã kém đi, phải nhờ đến nhật ký mới hình dung lại được những năm 70 ấy. Nhưng với các anh các chị đã cùng làm báo với tôi, dù đã mất hay đang sống, tôi luôn nhớ tới với lòng biết ơn chân thành và sự quý mến của tình đồng nghiệp.

Mỗi đời người có sự đóng góp không ai có thể thay thế. Mỗi con người mang những niềm vui và khổ đau chẳng giống với ai. Tôi thường nghĩ về bạn bè như vậy.■

LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG...

(Tiếp theo trang 1)

Công bằng mà nói, không chỉ có lễ hội Hết Chá ở Mộc Châu (Sơn La) bị biến tướng, mà hầu hết các lễ hội truyền thống ở nhiều địa phương khi phục dựng cũng diễn ra tình trạng đáng buồn này. Nguyên nhân thì có nhiều, một phần vì những người có trách nhiệm phục dựng không hiểu hết ý nghĩa, bản sắc của lễ hội truyền thống, nhưng chủ yếu là do mục đích phục dựng đã khác - quá khác với mục đích nguyên thủy của lễ hội truyền thống. Vì vậy mà họ đã "Nhà nước hóa, hiện đại hóa" và đặc biệt là "thương mại hóa" các lễ hội truyền thống. Ở đâu cũng do cơ quan nhà nước đứng ra tổ chức, lồng vào những mong muốn, những ý đồ đôi khi phi văn hóa của địa phương. Mục đích quảng

bá du lịch thu lợi nhuận gần như trở thành mục đích chính của cơ quan đứng ra tổ chức lễ hội. Vì vậy mới xảy ra những chuyện cười ra nước mắt như lễ hội Khai ấn đến Trấn đầu năm ở Nam Định. Một triều đại hiển hách ba lần đánh thắng quân Nguyên Mông đã bị chìm lấp trong lễ hội tưởng niệm triều đại ấy; người đi dự hội chỉ còn tâm niệm mong được thăng quan tiến chức. Và để đạt được mục đích, để bắt mắt thiên hạ, người ta sẵn sàng thuê các nghệ sĩ chuyên nghiệp về biểu diễn. Chủ thể lễ hội trở thành khán giả bất đắc dĩ. Ở lễ hội Hết Chá vừa qua, nhiều người nói với tôi không ít diễn viên là người của Trung tâm văn hóa huyện Mộc Châu. Buồn cười nhất là cô gái dẫn chương trình mặc áo dân

tộc Mông lại cao đến hơn 1m70 - thừa tiêu chuẩn của một người mẫu, trong khi do đặc điểm sinh hoạt và cư trú, phụ nữ Mông thường rất thấp.

Do vậy muốn giữ gìn được các lễ hội truyền thống, điều cốt tử nhất là phải trả lại lễ hội cho nhân dân - những chủ thể đích thực của các lễ hội này. Phải tôn trọng không gian thiêng và những diễn xướng văn hóa tâm linh - lý do cốt yếu hình thành và phát triển, tồn tại của lễ hội. Nhà nước chỉ đóng vai trò quản lý và uốn nắn nếu nội dung lễ hội có yếu tố mê tín dị đoan không phù hợp với xã hội hiện nay. Nếu làm được như vậy thì lễ hội truyền thống sẽ có sự hấp dẫn với nhân dân địa phương và du khách gần xa. Và như vậy, mục tiêu bảo tồn văn hóa và thu ngân sách đều được bảo đảm. Đừng làm một cách thiếu hiểu biết và thực dụng, khiến cho càng phục dựng các lễ hội truyền thống càng biến dạng, thậm chí biến mất.■

T.B.H

VĂN NGHỆ SỸ CẢ NƯỚC ĐÓNG GÓP Ý KIẾN DỰ THẢO SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP NÊN BỔ SUNG 2 ĐIỂM TRONG ĐIỀU 4 HIẾN PHÁP SỬA ĐỔI

Nhà văn - Dịch giả VŨ PHONG TẠO

Là một đảng viên gần 50 năm tuổi đảng của Đảng Cộng sản Việt Nam, là một chiến sĩ thực thụ đã từng cầm súng, viết báo, viết văn tại Sư đoàn 2 và Quân khu 5 trên chiến trường Khu 5, trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên 10 năm (1965-1976), tôi hoàn toàn tán thành 3 điểm ghi trong Điều 4 của Hiến pháp sửa đổi, là

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

2. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình.

3. Các tổ chức của Đảng và đảng viên hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Song, để cụ thể hoá quan điểm có cơ sở lý luận và thực tiễn vững chắc và phong phú, rất cơ bản và rất quan trọng nêu trên, đưa những tư tưởng lớn ấy đi vào cuộc sống, tôi đề nghị cần hiến định (hiến pháp quy định rõ ràng) điểm 2 và điểm 3, bằng việc bổ sung thêm hai điểm cụ thể nữa trong Điều 4 này.

Điểm 2 (chưa có trong Hiến pháp 1992, lần này được bổ sung) đã ghi rõ "Đảng gắn bó với nhân dân, phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình".

Theo tôi, ở tầm vĩ mô, nên cụ thể hoá điều này bằng quyền hạn và trách nhiệm của người lãnh đạo cao nhất của Đảng trước Quốc hội.

Điều 95 (sửa đổi, bổ sung Điều 105) ghi "Chủ tịch nước có quyền tham dự các phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, của Chính phủ". Vậy tại sao Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam lại không có quyền này, để kiểm tra xem đường lối, chủ trương của Đảng đã được Nhà nước triển khai, cụ thể hoá, thực hiện như thế nào trong xã hội?

Quốc hội có quyền chất vấn Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng chính phủ, thì tại sao lại không có quyền thay mặt nhân dân cả nước, thay mặt cử tri cả nước "chất vấn Tổng Bí thư của Đảng", được toàn dân ta suy tôn với niềm kính trọng tin yêu là một nhân vật cao nhất trong "tứ trụ triều đình"?

Điểm 3 đã ghi rõ "Các tổ chức Đảng và đảng viên hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật".

Điểm này rất đúng, nhưng còn chung chung quá, nhân dân khó "giám sát" việc gắn bó với nhân dân và phục vụ nhân dân của đảng viên. Vì thế, theo tôi, nên cụ thể hoá bằng một quy định cụ thể mà ai cũng có thể tận mắt quan sát và có thể trực tiếp "giám sát" được mọi đảng viên của Đảng về quan điểm tư tưởng, phẩm chất đạo đức, tác phong lối sống của những tế bào sống động của Đảng. Hơn nữa, đó còn là "những công bộc vừa hồng vừa chuyên" mẫu mực nhất, trong sáng nhất, đáng tin cậy bậc nhất của chế độ pháp chế xã hội chủ nghĩa của chúng ta; thể hiện sinh động nhất sự lãnh đạo của



Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh công bố Hiến pháp của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ngày 1-1-1960

Đảng ta, bằng chân lý "Đảng viên đi trước, làng nước theo sau".

Từ những suy nghĩ trên đây, tôi kiến nghị nên bổ sung hai điểm 4 và điểm 5 vào Điều 4 về xác định vai trò lãnh đạo nhà nước và xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam, với hai nội dung như sau:

"4. Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam có quyền tham dự các phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, của Quốc hội, của Chính phủ. Khi có trên 50% đại biểu Quốc hội nhất trí yêu cầu, Quốc hội có quyền và nghĩa vụ chất vấn Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam về trách nhiệm của Đảng trước nhân dân về

những quyết định của mình.

5. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có quyền và nghĩa vụ tổ chức và tập hợp ý kiến của nhân dân đóng góp xây dựng các tổ chức Đảng và đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Mọi đảng viên của Đảng, nhất là những đảng viên có chức có quyền, đều phải gương mẫu thực hiện tốt nghĩa vụ công dân tại nơi mình cư trú."

Thêm hai điểm này, Điều 4 sẽ hoàn chỉnh hơn, vừa hiến định về quyền về vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa hiến định về nghĩa vụ, về trách nhiệm của Đảng trước chế độ, trước Tổ quốc, trước toàn dân tộc.■

Ý KIẾN NGẮN

CẦN TIẾP TỤC KHẲNG ĐỊNH VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT

VĂN học, nghệ thuật vừa là mục đích, vừa là động lực phát triển của xã hội. Nghị quyết 23/NQ/TW của Bộ Chính trị cũng đã khẳng định: "Văn học, nghệ thuật là lĩnh vực rất quan trọng, đặc biệt tinh tế của văn hóa...". Văn học, nghệ thuật thuộc về thượng tầng trong mối quan hệ biện chứng giữa hạ tầng cơ sở với thượng tầng kiến trúc. Vì vậy Hiến pháp cần khẳng định rõ vai trò, trách nhiệm của Nhà nước và xã hội cho sự phát triển văn học, nghệ thuật trong sự phát triển nói chung.

Trong lịch sử nền văn minh nhân loại, các tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật từ thời cổ đại như nền văn minh Hy Lạp - La Mã đến các nền văn minh thời Phục hưng, nền văn minh Ánh sáng của châu Âu và các nền văn minh hiện đại, văn học, nghệ thuật đều được nhà nước các thời đại hoặc các thế lực quyền lực mạnh nhất của các quốc gia quan tâm, đầu tư và thực hiện. Chính vì vậy mà cho đến hôm nay loài người mới có được những kiệt tác, công trình văn học, nghệ thuật có giá trị trường tồn, trở thành di sản của nhân loại. Tại các điều về văn hóa, văn học, nghệ thuật, Hiến pháp năm 1959, 1980, 1992 của nước ta đều ghi cụ thể việc Nhà nước đầu tư hoặc "Nhà nước khuyến khích và giúp đỡ", hoặc cũng nêu rõ hoạt động văn nghệ đều được "khuyến khích phát triển..."

Nhưng cho đến Hiến pháp sửa đổi lần này không nêu vai trò chủ thể là Nhà nước trong việc đầu tư cho phát triển văn học, nghệ thuật; mặt khác cũng chỉ nêu lên yêu cầu chung chung về mục đích đối với phát

triển văn học, nghệ thuật... Cụ thể như sau:

Hiến pháp năm 1959, Điều 34 nêu rõ chủ thể đối với lĩnh vực này: "... Nhà nước khuyến khích và giúp đỡ tinh sáng tạo của những công dân theo đuổi sự nghiệp khoa học, văn học, nghệ thuật và các sự nghiệp văn hoá khác".

Hiến pháp năm 1980, Điều 44 chỉ rõ lĩnh vực được khuyến khích: "... Các hoạt động văn nghệ chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp đều được khuyến khích phát triển, nhằm giáo dục đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, giáo dục đạo đức, tư tưởng, tình cảm cách mạng, nâng cao trình độ thẩm mỹ và thoả mãn nhu cầu về văn hoá của nhân dân".

Hiến pháp năm 1992, Điều 32 nêu rõ chủ thể đầu tư và đối tượng được đầu tư (cả 2 lĩnh vực): "... Nhà nước đầu tư phát triển văn hoá, văn học, nghệ thuật, tạo điều kiện để nhân dân được thưởng thức những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị..."

Dự thảo sửa đổi Hiến pháp hiện nay, Điều 64 chỉ nêu chủ thể đối tượng được chăm lo là văn hóa mà không có văn học, nghệ thuật: "1... Nhà nước và xã hội chăm lo xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nhân văn, dân chủ..." (...) "2. Phát triển văn học, nghệ thuật đáp ứng nhu cầu tinh thần đa dạng và lành mạnh của nhân dân, góp phần bồi dưỡng nhân cách và tâm hồn của con người Việt Nam..."

Như vậy có thể coi đó là bước giảm và hạn chế trách nhiệm của Nhà nước trong việc đầu tư, hỗ trợ

cho phát triển văn học, nghệ thuật. Nghị quyết 23-NQ/TW ngày 16-6-2008 của Bộ Chính trị về "tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới" đã nhấn mạnh: "Tập trung mọi nguồn lực xây dựng nền văn học, nghệ thuật Việt Nam tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng nhân cách con người Việt Nam đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng về chân, thiện, mỹ của các tầng lớp nhân dân, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" (...) "Văn học, nghệ thuật là lĩnh vực rất quan trọng, đặc biệt tinh tế của văn hóa, là nhu cầu thiết yếu, thể hiện khát vọng chân, thiện, mỹ của con người; là một trong những động lực to lớn, trực tiếp góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam..."

Vì vậy, Hiến pháp lần này cần viết và thể hiện rõ vai trò của Nhà nước trong việc đầu tư cho phát triển Văn học, nghệ thuật. Bởi, nếu không có vai trò này, Văn học, nghệ thuật sẽ khó khăn trong hoạt động và có thể do yếu tố thị trường chi phối. Văn học, nghệ thuật cũng như các lĩnh vực khác một khi bị thị trường chi phối thì mục đích của việc phát triển và ý nghĩa xã hội sẽ khó được bảo đảm như mục đích và định hướng.■

HÀ HUY CHƯƠNG
(Hội VHNT tỉnh Hải Dương, 66 Quang Trung, TP Hải Dương)

BÊN CỘT MỐC SỐ 0

Bút ký của NGÔ MINH

1. CỘT mốc số 0 đường Hồ Chí Minh lịch sử nằm ở ngay Thị trấn Lát, huyện Tân Kỳ, Nghệ An, được Bình đoàn 559 xây dựng như một tượng đài sừng sững. Một nét đẹp cao vút, khỏe khoắn, oai hùng của lịch sử đất nước gọi lên trong lòng du khách bao niềm cảm xúc. Tân Kỳ nghĩa là mới và lạ. Đó là tính ngữ chỉ những sự vật xuất hiện làm mọi người ngạc nhiên, thích thú. Còn Tân Kỳ trong bài ký này là tên của một huyện vùng núi tỉnh Nghệ An được tách ra từ huyện Nghĩa Đàn ngày 19-4-1963. Đến năm 2013 này, huyện Tân Kỳ tròn 50 tuổi. Vào dịp tháng Tư lịch sử, cả huyện đang náo nức chuẩn bị kỷ niệm ngày sinh của mình. Vâng, quê hương Tân Kỳ của tôi tuy còn nghèo, nhưng như tên gọi của nó, cũng có rất nhiều sự mới mẻ, lạ lùng. Nó chứa đựng trong lòng biết bao trầm tích lịch sử. Và cũng là mảnh đất khởi đầu cuộc sống của người viết bài ký này...

Tôi lúc 24 tuổi đời, đang thi tốt nghiệp Đại học Thương nghiệp Hà Nội, thi được công nhận tốt nghiệp đặc cách để lên đường vượt Trường Sơn vào Nam đánh giặc. Đợt đó tôi nhập ngũ theo lệnh tổng động viên, tất cả cho cuộc chiến cuối cùng. Trải 100 ngày hành quân bộ vượt đèo leo núi Trường Sơn thăm thẳm mới đến Lộc Ninh, cách Sài Gòn 100 cây số ở phía Tây. Đánh trận gần 4 năm, tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn, sau đó do duyên phận, tôi lại trở về đúng nơi xuất phát của con đường Trường Sơn lịch sử. Cây số 0 - Lát - Tân Kỳ. Năm 1977, ở Huế, tôi lấy vợ là người làng Sẻ, xã Nghĩa Đồng ở bên Sông Con, cũng là ở bên cột mốc này.

Như thế là tôi đã đi được một vòng đường Hồ Chí Minh - Trường Sơn huyền thoại, để theo vợ về với mạch nguồn sông Con. Đó là lần đầu tiên vợ tôi dắt tôi về ra mắt bà con họ hàng. Đến bến Phà Sen, tôi bàng hoàng khi thấy một tốp công nhân hơn chục người lấm lem dầu mỡ, đang trần lưng kéo cáp đưa con phà nặng trĩu sang sông. Tôi đã từng qua nhiều con phà khắp đất nước như phà Bãi Cháy, phà Bến Thủy, phà Gianh, phà Quán Hàu... nhưng chưa từng thấy ở đâu phà lại kéo bằng sức người như ở đây. Mỗi người có một cái dây chèo, một đầu buộc vào cái móc sắt, móc vào đường cáp bằng thép to như cổ tay giăng từ bờ này sang bờ kia sông. Đầu kia buộc ngang lưng người. Hai tay nắm lấy cái dây chèo ấy mà kéo. *Hò dô ta... này, Hò dô ta... này...* Chiếc phà cứ nhích từng tí một nặng nhọc, dẫu dài. Tôi xúc động ngồi thẩn thờ hàng giờ bên bờ sông xem người kéo cáp, mặc dù đã tắt mặt trời. Hỏi vợ: Phà kéo cáp này có từ bao giờ, em biết không? - Vợ tôi bảo: Lắm lắm rồi, từ khi em còn học vỡ lòng đã có rồi!... Nghĩa là đã mấy chục năm nay rồi, những người kéo cáp Phà Sen vẫn nắm chặt cái dây chèo ấy, ngày đêm đưa phà sang sông... Phà chở ô tô đưa bộ đội ra tiền tuyến, chở cam nông trường Sông Con về xuôi, chở người Tân Kỳ bên sông qua về mua bán, thăm hỏi nhau... Tất cả đều đi về trên hai bàn tay của người kéo cáp nắm sợi lửa bỏng cháy như vậy, dù đạn bom, bão lũ...

Đêm hôm đó tôi thức làm được bài thơ *Người kéo cáp Phà Sen* tặng quê vợ. Bản thảo viết xong để trên bàn viết rồi theo vợ đi thăm bà con cô bác. Khi trở về không thấy bài thơ đâu cả. Hỏi trong nhà cũng không ai biết. Hai ngày sau, ông Võ Duy Hậu, người ông bên ngoại vợ mới đưa bản thảo bài thơ đến. Vừa vào cổng ông đã vuốt chòm râu bạc, cất giọng ngâm: *Tháng năm đi mấy chuyến phà sang / Bên bến sông Con em đi lấy chồng / riêng các anh những người kéo cáp / một thời trai neo giữa lòng đường... / Những chuyến phà xuyên năm lửa bom / xe gạo đạn và trai làng ra trận / những chuyến phà ngày đêm thăm lạng / cam nông trường nặng đong về xuôi... / Không ca-nô, tìm anh làm mây nổi / tay cuộn sẵn nắm sợi lửa nóng bùng...*

Rồi ông Hậu cười bảo tôi: Ông nghe nói con Tâm lấy cháu là người làm thơ, về quê vợ lần đầu, đến thăm không gặp, nhưng thấy bài thơ đọc thích quá, ông liền "trộm" về chép, rồi đi ngâm cho bà con Nghĩa Đồng nghe mấy ngày nay, ai cũng thích... Tôi lại ngạc nhiên lần nữa. Ở cái làng miền núi heo hút này, sao lại có người thích thơ đến vậy? Hỏi ra mới hay, ông Hậu là người đàn hát ngâm thơ nổi tiếng khắp vùng từ thời chống Pháp...

Dòng sông Con đã ám ảnh tôi từ hôm ấy...

2. Sông Con chảy qua đất Tân Kỳ, Nghệ An là một con sông rất lạ. Ở đất Nghĩa Đàn sông mang tên Hiếu, đến Tân Kỳ thành sông Con. Đã là Con thì phải Hiếu, tên sông hay ý nguyện con người? Sông Lam là sông Mẹ, sông Cả, nên mới có Con, có Hiếu. Đi hết huyện Tân Kỳ, sông Con bỗng chảy ngược lên vùng núi Anh Sơn xanh thẳm như lưu luyến không chịu từ giã đại ngàn. Đoạn sông chảy ngược này dài hơn 60 cây số mới chịu đổ vào sông Lam ở ngã ba Cây Chanh. Hai bờ sông "chảy ngược" ấy tuy rất nhỏ bé về kích thước, nhưng đó là mạch Đất Thiêng. Xưa kia ở đoạn đầu sông Con thuộc xã Nghĩa Bình có rất nhiều đền thờ như đền Đức Ông, Đức Bà, đền Chính, Đền Đơn, Đền Eo... Những năm 60 của thế kỷ trước, các đền thờ Thần Phật đều bị đập phá tan hoang vì người ta cho rằng thờ cúng là mê tin dị đoan, là không cách mạng. Bây giờ chỉ còn lại ngôi Đền Đơn trên núi Rô. Nghe nói đền thiêng lắm. Ngày nào bà con các xã Nghĩa Bình, Nghĩa Đồng... cũng đến đây hương khói nguyện cầu...

Dọc sông Con từ đầu huyện đến cuối huyện Tân Kỳ có 99 đỉnh núi tụ về một hướng. Trong dãy núi có tên là Lèn Rôi ấy có một hệ thống hàng chục hang động rất hoang sơ, kỳ vĩ. Các nhà khảo cổ đã tìm thấy trong Hang Chùa hàng trăm loại công cụ có hình dạng rìu đá, dao đá, chày đá... của người Việt cổ. Sử sách chép rằng các hang động ở Lèn Rôi ấy cũng đã từng là nơi cất giấu vũ khí, nơi trú quân tập luyện, chính là "căn cứ địa" của nghĩa quân Lam Sơn - Lê Lợi. Lê Lợi đã đưa quân từ Lam Sơn (Thanh Hóa) về đây để xây dựng lực lượng kháng chiến lâu dài, và *tầm nhìn địa - chiến - lược* ấy đã mang lại những trận đại thắng quân Minh lẫy lừng nhiều năm sau đó. Xuất phát từ đây, nghĩa quân Lê Lợi đã diệt thành Trà Lưng, Khả Lưu, Bồ Ải, Trà Lân... Theo sử sách, tất cả những trận đánh ấy, Lê Lợi đều xuất quân từ căn cứ Bãi Lữ, bãi Tập Mã, đồng Voi, núi Đốn, núi Cột Cờ, ở những thành lũy trên đất Tiên Kỳ, Giai Xuân... bên sông Con. Trong áng hùng văn *Bình Ngô Đại Cáo* lẫm liệt của Nguyễn Trãi, có nhắc tên miền đất sông Con - Tân Kỳ: *Miền Trà Lân trúc chẻ tro bay...* Đó là những trầm tích lịch sử. Đó là sự khắc tạc, tồn vinh vĩnh cửu của lịch sử.

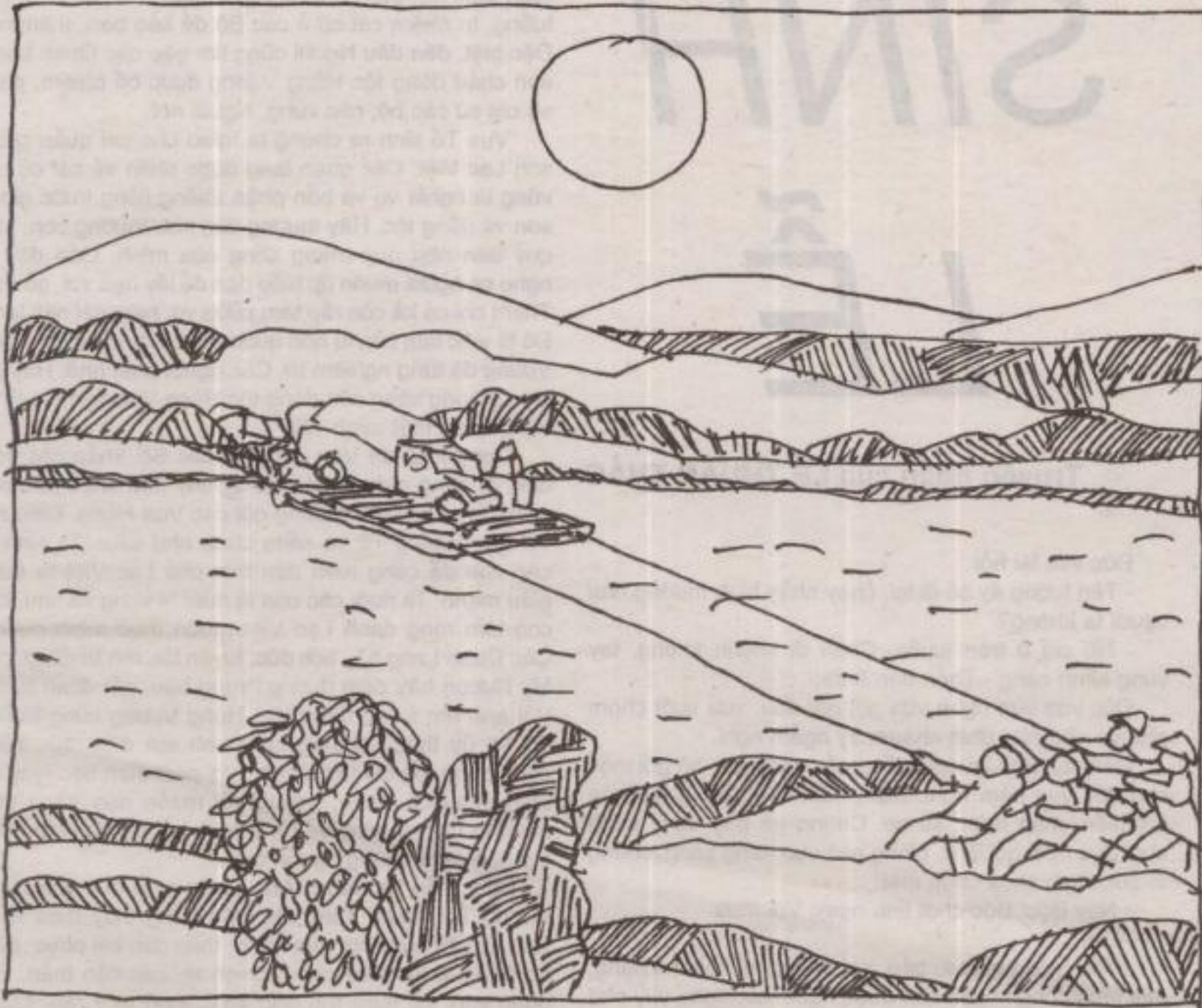
Tân Kỳ còn là vùng hưởng ứng chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi hơn 124 năm trước (1885- 1887). Vua Hàm Nghi và cận thần không đến Tân Kỳ, nhưng nhiều làng xã ở Tân Kỳ đã theo lời chiếu của Vua vùng lên đánh Pháp. Về hát dặm ở làng Sen, Làng Sẻ (Nghĩa Đồng) quê vợ tôi kể chuyện dân xây làng kháng chiến rất cụ thể: *Làng Sen ta đó... / Đắp thành đắp lũy / Đắp lũy trong lũy ngoài / Chùa lỗ hoa mai / Cũ năm thước một / Đã làm cho tối / Đứng tưởng công lên / Xây hai bức thành / Cũng gần một tháng...* Khi phong trào Cần Vương thất bại, nhiều lãnh tụ Cần Vương ở Hà Tĩnh, Nghệ An đã lánh vào vùng núi Tân Kỳ để tránh sự bắt bớ của giặc Pháp và để nuôi dưỡng lực lượng...

Thời chống Pháp, người Tân Kỳ đã ghi tên mình vào bằng vàng lịch sử bằng những chiến tích oai hùng. Bên dòng sông Con, tại làng Sẻ, dưới chân núi Vực Lỗ, xã Nghĩa Đồng có một xưởng quân giới rất lớn gọi là "Xưởng Huỳnh Thúc Kháng" thành lập từ năm 1947, thời của lương quốc tướng quân Nguyễn Sơn từ Trung

Quốc về làm tư lệnh Liên khu IV. Xưởng chuyên sản xuất các loại vũ khí như móc-chê (súng cối) 60 ly, đạn móc-chê 60 ly, súng Bazoka, rồi lựu đạn, mìn... để cung cấp cho Việt Minh trên địa bàn miền Trung, Thượng Lào và chi viện cho công cuộc Nam Tiến. Xưởng quân giới đó đông tới 300 công nhân. Xưởng có một cơ sở sản xuất ở làng Ga bên kia sông Con. Gia đình bên ngoại vợ tôi có người con nuôi tên là Nguyễn Văn Ngọc, người Hà Nội gốc, lúc đó làm kỹ thuật chế tác vũ khí. Năm nay bác Ngọc đã 90 tuổi, vẫn còn khỏe và minh mẫn lắm. Bác sống ở Thanh Xuân, Hà Nội, vẫn thường xuyên liên lạc với mấy cậu ruột vợ tôi, với chính quyền, bà con làng Sẻ để cung cấp những chi tiết về xưởng vũ khí Huỳnh Thúc Kháng cũ. Trong một chuyến du lịch cách đây đã 6 năm, bác Ngọc đã vô Huế thăm vợ chồng tôi. Bác kể thời đó xưởng Huỳnh Thúc Kháng tiếng đề, búa chan chát suốt ngày đêm, người vào ra tấp nập, thế mà bọn quân báo của Pháp không hề hay biết. Đó là một dấu ấn lịch sử của 9 năm đánh Pháp trên đất Tân Kỳ. Những người già ở làng Sen, làng Sẻ, làng Ga còn kể những kỷ niệm nóng hổi về những mối tình của người công nhân quân giới năm xưa. Ông Phan Nhật Lệ, Câu lạc bộ thơ Tân Kỳ đã có thơ ký ức về xưởng quân giới ấy: *Ngày kháng Pháp sông bùng tỉnh lại / Xưởng công binh đóng tại Vực Lỗ / Rộn ràng trên bến dưới đờ...*

Thời chống Mỹ, điểm son chói đỏ trên đất Sông Con là "Cây số 0" nơi khởi đầu con đường Hồ Chí Minh huyền thoại. Lịch sử cũng có một sự trùng hợp lạ kỳ. Gần 1.000 năm trước, vào thời Lý, con thứ 5 của Lý Thái Tổ là Uy Minh Hầu Lý Nhật Quang, trấn giữ châu Nghệ An (11-1041) đã dùng sức dân mở con đường thượng đạo trên đất Tân Kỳ. Con đường ấy đã góp phần quan trọng vào chiến thắng của vua Lê Thái Tông đánh tan quân Chiêm Thành ở cửa biển Ô Long mùa xuân năm Giáp Tý (1044). Sang thời chống Mỹ, người Tân Kỳ lại một lần nữa xẻ núi, băng rừng mở đường thượng đạo: Đường Hồ Chí Minh lịch sử. Ngày 9-9-1964, trên một bãi đất hẹp dưới chân núi Dong, Trung đoàn 98 công binh đã bỏ nhát cuộc đầu tiên mở đường Hồ Chí Minh. Nơi xuất phát điểm ấy là "Cây số 0" tại ngã ba Thị trấn Lát bên sông Con. Cuối năm đó, con đường bí mật ấy mới mở được 16 cây số. Thế mà một năm sau (10-1965) đoàn xe chở vũ khí lương thực đầu tiên đã chuyển bánh vào Nam. Con đường mòn mang tên Bác vươn tới tận Lộc Ninh, phía tây Sài Gòn chính là cột xương sống vững chãi để dân tộc ta làm nên thắng lợi vĩ đại năm 1975 - *đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào...*

Một câu chuyện lạ lùng nữa bên sông Con là trong kháng chiến chống Mỹ có một Sư đoàn xe đạp thổ mang tên Tân Kỳ tồn tại trong 3 năm ròng... Hồi đó, đang diễn ra đàm phán bốn bên ở Paris, để tăng áp lực lên bàn đàm phán, Mỹ huy động máy bay đánh phá miền Bắc vô cùng ác liệt, nhất là địa bàn Quân khu Bốn. B52 Mỹ thả bom liên tục ngày đêm. Tất cả xe ô tô phải huy động hết cho việc chở hàng vào Nam, nên hậu cần tại chỗ ở Tân Kỳ gặp rất nhiều khó khăn. Tỉnh Nghệ An đã có sáng kiến tổ chức lại lực lượng xe đạp thổ theo cách làm trong vận chuyển chi viện chiến dịch Điện Biên Phủ năm xưa. Đầu năm 1972, Sư đoàn dân công xe thổ huyện Tân Kỳ được thành lập, làm lễ ra mắt trong rừng Lim cạnh Cầu Rôi hiện nay, do một ủy viên thường vụ huyện ủy làm "Sư trưởng". Lúc này ở Tân Kỳ có rất nhiều đơn vị bộ đội, cơ quan, đoàn thể, kho tàng của tỉnh, của Quân khu 4 đóng quân, lại có hơn 2 vạn dân Vĩnh Linh đất lửa sơ tán ra theo chương trình K10, K8. Nghĩa là nhu cầu lương thực, thực phẩm... cung cấp hàng tháng tăng gấp 4-5 lần bình thường. Tất cả đều phải vận chuyển từ các kho ở Diễn Châu, Đô Lương, Yên Thành, Quỳnh Lưu lên, từ Nghĩa Đàn về. Vì thế việc thành lập Sư đoàn dân công xe đạp thổ là một quyết sách lớn của người Tân Kỳ... Sư đoàn được tổ chức cứ một xã là một đại đội, dưới đại đội là trung đội,



tiểu đội. 1.500 chiến sĩ dân công vốn là nông dân cày ruộng, cả đời chưa bao giờ một lần đạp xe đạp, thế mà họ đã luyện tập để nhanh chóng làm chủ được chiếc xe Phươg Hoàng chở 2-3 tạ hàng đi cả trăm cây số vượt đèo Trường Trám, Ba Xanh, Trường Dong, Ba Quanh... đưa hàng về tập kết ở các kho cơ quan huyện, xã. Có người thổ đến 3- 4 tạ một chuyến, được tuyên dương "Dũng sĩ vận tải".

Mảnh đất Tân Kỳ suốt 7 năm ròng (1968 - 1973), đã nhường nhà, nhường giường, nhường cơm sẻ áo cho Vĩnh Linh tuyến đầu Tổ quốc. 20 vạn người Vĩnh Linh sơ tán ra Tân Kỳ theo kế hoạch K.8, K10 của Trung ương. Đất dành cho hàng ngàn hộ dân Vĩnh Linh canh tác; trường cấp I, II, III dành cho hàng vạn con em Vĩnh Linh học; bệnh viện dành cho người Vĩnh Linh đau ốm chữa bệnh,... Nghĩa là từ bát cơm, hạt muối, người Tân Kỳ đã biết lo gấp đôi, gấp ba vì nghĩa tình cách mạng. Vì thế mà mỗi gia đình Tân Kỳ đều đã trở thành nơi đi về thân thiết của hàng vạn con em Vĩnh Linh. Ngược lại từ khi có người Vĩnh Linh đến ở, người Tân Kỳ mới biết kỹ thuật trồng cây lưu niên; biết trồng cây hồ tiêu, cây huỳnh tinh (dong), biết chế biến bột sắn lọc, biết làm bánh bột lọc nhân đậu, nhân tôm,... Trong mỗi hộ ở các làng quê Tân Kỳ hôm nay, ai cũng có vườn hồ tiêu. Đó là nét mới ở Tân Kỳ trong nhận thức về kinh tế hộ gia đình. Ông cha ta bảo *Một đêm nằm bằng năm ở*, hưởng chi đây ròng rã 7-8 năm liền trong mưa bom bão đạn! Nên tình cảm Vĩnh Linh - Tân Kỳ đến hôm nay vẫn vô cùng gắn bó. Cho đến tận bây giờ hai huyện năm nào cũng cử đoàn thăm viếng nhau. Huyện thăm huyện, xã thăm xã, người ở chung nhà, chung vườn thăm nhau... Một thầy giáo cấp 3 ở Đông Hà, Quảng Trị trước đây từng đưa các em học sinh tuyến lửa Vĩnh Linh đi Tân Kỳ đã viết cuốn tiểu thuyết *Những ngày K.8* rất cảm động. Năm 2004, lễ kỷ niệm 50 năm ký Hiệp định Gienève, Quảng Trị, Vĩnh Linh tổ chức rất trọng thể. Hàng trăm đoàn đại biểu khắp cả nước được mời dự, trong đó có đoàn đại biểu Tân Kỳ. Cái đó nói lên một điều hệ trọng: Huyện miền núi Tân Kỳ tuy nghèo và nhỏ, nhưng đã dự phần quan trọng vào những vấn đề trọng đại nhất của đất nước!

3.

Ngày tôi theo vợ về quê, trên sông Con chưa có một chiếc cầu nào bắc qua. Huyện Tân Kỳ như một ốc đảo không có đường ra. Nhưng mạch đất sông Con lại là đất tốt rất phù hợp với các loại cây công nghiệp như cà phê, mía, cao su, cam, bưởi... Mạch đất ấy có nguồn tài nguyên quý giá là mỏ đất sét "nguyên thổ" ở xã Nghĩa Hoàn để sản xuất gạch ngói tốt không có nơi nào sánh

được. Thời Pháp, nhiều điền chủ Pháp đã đến bên sông Con mở đồn điền cà-phê, chăn nuôi bò thịt. Như đồn điền Cu-đúc chiếm đất từ Vực Lổ trở lên Nghĩa Đồng, Nghĩa Bình; đồn điền Koong-be chiếm đất từ Vực Lổ đến Trại Lát; đồn điền Balazon mở trên đất ở phía Nam Sông Con... Đến thời miền Bắc giải phóng, trên đất Tân Kỳ nhiều nông trường được thành lập. Nông trường Sông Con nổi tiếng do cán bộ miền Nam, đa phần là Thừa Thiên Huế, Quảng Trị "tập kết" khai phá. Họ trồng nên những "rừng cam" và cà phê mênh mông. Hồi đó diện tích cam Nông trường sông Con lên tới gần ngàn héc ta. Vợ tôi kể rằng, tuổi nhỏ đi chăn *tru* (trâu) thường lên vào rừng cam chơi trốn tìm rồi hái trộm cam ăn thỏa thuê. Thời ấy, cam sông Con là một thương hiệu nổi tiếng, được dùng để bán cung cấp tem phiếu khắp miền Bắc... Tất cả đều được chuyển bằng ô tô sang phà Sen, đi qua "cây số 0" về đường 7 ra Bắc hay lên Nghĩa Đàn về đường 8...

Thời hội nhập, kinh tế huyện Tân Kỳ vẫn dựa vào nguồn mạch sông Con làm trục chủ đạo. Cam không ăn khách nữa thì chuyển hướng sang trồng mía, cà-phê, cao su... Các Nông trường mới như An Ngãi, Vực Rỗng được thành lập, sau đó chuyển đổi thành hai công ty là Công ty nông nghiệp Sông Con và Công ty nông nghiệp An Ngãi, mấy năm nay làm ăn có lãi. Huyện xác định, ngoài lúa, lạc, đậu... hai cây công nghiệp hàng đầu của Huyện là mía và cây cao su. Diện tích mía của toàn huyện hiện nay hơn 11.000 héc ta. Đường do Nhà máy đường Sông Con sản xuất là một thương hiệu mạnh, chiếm lĩnh thị trường khắp miền Trung, vào cả Huế, Đông Hà, Đà Nẵng. Nhà máy sản xuất có năm đạt 24.000 tấn đường kính trắng và 12.000 tấn phân lân hữu cơ. Nghĩa là Công ty đã tạo ra được vòng tròn khép kín, khai thác hết tất cả các lợi ích từ cây mía phục vụ sản xuất và cuộc sống, biến cây mía thành cây xóa đói giảm nghèo chủ lực của bà con nông dân Tân Kỳ. Sau mía là cây cao su. Huyện cử người vào Quảng Trị, Huế học trồng cao su tiểu diện. Đến nay Tân Kỳ đã có gần 2.000 héc ta cao su. có hộ đã trồng được từ 5 đến 10 héc ta cao su tiểu diện. Mở mắt ra là thu bạc triệu...

Ngoài thương hiệu đường kính trắng, đất sông Con còn góp cho thị trường cả nước một loại hàng hóa đặc biệt: *Gạch ngói Cửa 1*. Ngói Cửa lợp nhà có đường rãnh âm dương thẳng tắp, đập chân lên không vỡ, đánh rơi không vỡ. Ngói Cửa đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp mác nhãn hiệu hàng hóa với lô-gô hình quả cầu, trên có dòng chữ "Ngói Cửa". Nhìn cái lô-gô tôi nghĩ ngay đến tham vọng của người Tân Kỳ: Muốn sản phẩm của mình vươn ra toàn cầu! Ngói Cửa đang cạnh tranh ngang

ngửa với ngói Quảng Ninh, Đồng Tâm Long An, Hà Nội, Đồng Nai... Có mặt khắp các tỉnh miền Trung, trong nam ngoài bắc và đang vươn đến các thị trường Thái Lan, Lào, Campuchia. Ngói Cửa lợp nhà để lâu đời không bị mùn hóa nhờ chất đất sét nguyên thổ Đồng Nậy, Sông Con. Bây giờ Vùng Cửa đã thành khu Tiểu thủ công nghiệp của huyện và làng Cửa đã thành *Làng nghề ngói Cửa - Nghĩa Hoàn*. Làng nghề này hiện đứng trong top 3 làng nghề giàu có nhất, dẫn đầu của tỉnh Nghệ An. Làng quê heo hút xứ Cửa 30 năm trước, bây giờ là một thị tứ sầm uất, nhà nào cũng đúc bê tông hai ba tầng, nhà nào cũng xe con xịn, phương tiện sinh hoạt cao cấp không thua gì Hà Nội, Vinh. Cái làng bé nhỏ bên đường với mấy trăm hộ dân ấy mà có đến 30 ô tô vận tải hàng hóa, 6 xe vận tải hành khách Bắc-Nam, có cả xe giường nằm cao cấp, 10 máy xúc, máy ủi chuyên dụng, hơn hai chục chiếc ô tô con sang trọng v.v... Chủ nhân ô tô tải, ô tô con ấy là công nhân làng nghề. Đó là con số mà có lẽ ít làng quê Việt Nam có được!

Tân Kỳ thời đổi mới, kinh tế phát triển nên sông Con cũng đổi thay diện mạo. Xe chở mía, chở đường kính, chở ngói gạch Cửa, chở hàng hóa tiêu dùng ngược xuôi trên con đường trục từ Vinh - Đô Lương - Lát - Cửa - Sen - Nghĩa Đàn... nhộn nhịp suốt ngày đêm. Từ đó, Phà Sen kéo bằng cáp và nhiều con đò ngang trên sông Con không còn nữa. Thay vào đó là những chiếc cầu bê tông vĩnh cửu, cầu dây văng kiên cố. Đầu tiên là Cầu Rỗi bắc qua sông Con từ Rừng Lim - Lát sang đầu Lèn Rỗi đưa vào sử dụng hơn 10 năm nay. Có cầu qua sông, ai cũng mừng. Vợ chồng tôi từ Huế về thăm ông bà ngoại không còn phải đứng chờ *Người kéo cáp Phà Sen*, không còn phải chờ mua vé từng chặng Huế - Vinh, Vinh - Lát, Lát - Cửa như trước mà xe vào vèo thẳng từ Huế ra đến tận chợ Sen cạnh nhà...

Từ làng Sẻ, quê vợ tôi, qua sông Con về Cột mốc số 0 bây giờ có tới hai chiếc cầu. Cầu Sen - bê tông vĩnh cửu - bắc trên tuyến phà xưa đã đưa vào sử dụng từ năm 2010. Chiếc cầu treo dây văng từ Núi Rô qua sông Con đến Nghĩa Đồng đã giải tỏa được những chuyến đò Rô cũ nát, ngày đêm chở người và xe máy sang ngang vô cùng nguy hiểm. Nhớ hồi đi đò, người ta kê tấm ván mỏng manh từ đò xuống mép nước, thế là người quang gánh cổng kình, người cưỡi xe máy, người đi bộ cứ chen lẫn, xô đẩy, rú ga lên đò như làm xiếc. Trên núi Rô có ngôi đền Đơn thiêng lắm. Người dân thấp nhang khấn vái đêm ngày cho sự bình an sông nước. Bây giờ đã có cầu Rô, cầu Sen bắc qua, chắc Thần Phật thỏa lòng. Trước đó, sau vụ đắm đò ngang chết người ở An Ngãi, huyện đã đầu tư bắc cầu dây văng An Ngãi vững chắc. Có một chiếc cầu bê tông nữa cũng đã bắc qua sông Con ở cuối huyện, nơi giáp huyện Anh Sơn. Đó là cầu Tân Lâm - Phú Sơn. Thế là chỉ trong vòng chưa đầy 10 năm, trên Sông Con đã mọc lên 5 cây cầu hiện đại và rất nên thơ.

Đứng bên Cột mốc số 0, tôi băng khuâng nghĩ về cái vòng tròn lịch sử đã cho tôi được về ăn cơm Tân Kỳ, uống nước sông Con, được sống ý nghĩa hơn với chiều sâu Tổ quốc. Từ Cột Mốc số 0 - Lát, có thể ra Bắc, vào Nam mà không cần về QL 1A. Tân Kỳ không còn cảnh "không có đường ra" nữa mà đã bắt đầu thời hội nhập cùng các miền quê đất nước.

Có lần tôi mời nhà thơ, nhạc sĩ Nguyễn Trọng Tạo, nhà thơ Vĩnh Nguyên về thăm gia đình ở Nghĩa Đồng bên Sông Con. Hai nhà thơ đã vô cùng ngạc nhiên ngồi uống rượu suốt đêm nghe bác Huyền gái của tôi hát ca trù. Thời trẻ, bác Huyền là đào nương đi hát khắp ở Vinh, Diễn. Bây giờ tuổi đã 86, dù không đàn phách gì, giọng ca của bác vẫn mùi mẫn. Bác ca toàn bài ca trù cổ. Chỉ có điều bác không hề hay biết đó là những bài ca trù do tài danh Nguyễn Công Trứ sáng tác: *Chí tang bồng hện với giang san - Đường trung hiếu chữ quân thần là gánh vác - Thơ rằng: Đã mang tiếng ở trong trời đất - Phải có danh gì với núi sông - Nợ đèn sách đem nghiên bút giá xong - Cầu xe ngựa lúc đi về mới tỏ - Duyên ngư thủy hội long vân còn đó - Miếng đỉnh chung cho biết mùi đời - Nhấn trăng rủ gió đưa người - Bể nhàn đơn quế cho rồi liền tay - Trán ai ai có kém ai...*

Nghe bác Huyền hát ca trù, tôi soi xuống sông Con, băng khuâng nghĩ, mạch đất sông Con đã sinh ra những con người luôn tha thiết với quê hương, cuộc sống. Đứng bên Tượng đài Cột mốc số 0 cao lớn; tôi cứ nghĩ miên man về một thành phố Lát sầm uất tương lai... Vâng, Tân Kỳ, nơi có Cột Mốc của đời tôi, miền đất khởi đầu những con đường lịch sử gian nan ấy, đang đổi thay từng ngày, mới lạ hơn từng ngày... ■

THƯỢNG Lâu Đình tĩnh lặng.

Đêm xuân này trăng lu.

Đức ngài Hùng Vương Thứ Mười Tám nằm trên võng gai. Võng khoan thai đưa nhẹ nhẹ. Lão Bộc biết rằng Ngài đang thức. Võng gai, có dây tơ nối với cột hiên đình, Đức Ngài chỉ việc vuốt khe khẽ sợi dây là võng nhẹ đưa. Tiếp thêm dầu trầm vào bọng đăng, khẽ nhẹ bắc cho đèn sáng hơn, lão Bộc lại lùi ra, khoanh tay, đứng bên tấm lịa, nhìn ra cửa lầu. Nhựa trầm cháy tỏa hương thơm dịu dịu, ngọn đèn vừa khêu tỏa ánh sáng bập bùng làm bóng lão in lên vách lầu lay động. Tiếng con tắc kè bông làm tổ trên bông cây chò già đã cất ba tiếng gọi bạn. Lão Bộc nghĩ: Đêm đã vào khuya! Con tắc kè thăm cái lạnh của đêm xuân làm nó hứng tình? Hay nó đã ngủ thiếp đi trong cô đơn để đến thức giấc giật mình gọi bạn? Ngoài xa nữa có cây phong lan mỏng rỗng nào vừa nở hoa tỏa vào đêm xuân một làn hương ngọt ngào hòa cùng hương cây mộc bên hiên âm thầm thơm lặng lẽ. Lão Bộc thở dài khẽ như một giấy xao xuyên, lão nói với lòng mình: Mùa xuân đã đến, mùa xuân đang chín, xôn xao, rạo rực, đem theo niềm khát khao, hi vọng của muôn loài.

Lão Bộc có cha làm Bộ Chính, thuộc Bộ Cửu Đức(1) xa ngài kia. Từ tấm bé Bộc đã được cha dạy cho những bài học võ lòng về các thế võ gia truyền và làm quen với những miếng đánh, miếng đỡ cơ bản của các thế côn, quyền, cung, nỏ. Bẩm sinh trời phú, mới mười tuổi khiếu thao lược của Bộc đã nổi tiếng như sóng cồn: Bộ Cửu Đức mới xuất hiện thần đồng võ. Trong một lần kinh lý, đức Tiên Vương nhìn thấy Bộc thoàn thoát múa gậy dưới đêm trăng rồi đem lòng thương mến. Bộc được theo Tiên Vương về kinh đô Phong Châu, được các Lạc Tướng kèm cặp, chỉ bảo. Mỗi một tuần trăng có ba ngày Mộc lại được các Lạc hầu đến giảng về kinh sách. Chẳng bao lâu, Bộc đã trở nên một trang thiếu sinh tài ba nổi trội. Về võ, Bộc tinh thông cả thập bát ban. Năng khiếu bẩm sinh hòa quyền cùng các thế võ được dạy bài bản, nhiều lần các Lạc Tướng đã xin đức Vua cho Bộc theo kèm bên ngựa đi trấn an dẹp loạn một vài nơi. Khi lên Bộ Vũ Định, một mình Bộc xuyên rừng vào hang lèn thẳm sâu bắt tướng phi... Bộc là người nổi trội, đứng hàng đầu trong lớp thiếu sinh. Vóc người chắc khỏe, gương mặt khôi ngô, tính tình điềm đạm, nói năng khiêm lời, đặc biệt là đức trung thực thẳng thắn. Nhiều lần Bộc được Tiên Vương ban thưởng, mười sáu tuổi Bộc đã được bàn việc cùng các Lạc Tướng. Mười tám tuổi Tiên Vương cho làm cận vệ, được theo bên ngựa hầu cận bất kể ngày đêm. Tiên Vương băng hà, Lang Cả lên nối ngôi, xưng là Hùng Vương Thứ Mười Tám vẫn chọn Bộc làm cận vệ và từ bấy vua tôi luôn gần gũi bên nhau.

Lo việc nước trăm bề, nhiều đêm đức vua không ngủ, chỉ có nhà vua và Bộc như hình với bóng. Những lúc ấy vua kê cao gối gỗ mộc hương, nằm trên võng gai lác nhẹ, cho tâm hồn chìm trong tĩnh mịch đêm thâu mà luận suy, tính toán, hoạch định việc nước việc đời. Còn nhớ năm xưa, khi giặc buồm đen vào quây phá, cướp của, giết người già, hãm hại đàn bà con trẻ, cả một bộ Ninh Hải dân khóc như rí, tiếng kêu than thấu trời dậy đất. Lạc Tướng, Lạc Hầu trấn giữ Bộ ấy đã nhiều phen dùng sức, dùng mưu nghênh địch, nhưng lũ giặc thiện chiến, biết lợi gió để căng buồm, biết chùng con nước ròng nước rặc mà vào ra, biết dựa vào đảo nhỏ đảo to mà ẩn nấp, lại có tướng giặc thạo phép độn giáp xuất quỷ nhập thần cho phép lũ quân như sói lang tha hồ man rợ làm cho quan quân Ninh Hải nhiều phen thất điên bát đảo. Đức vua Hùng Vương Thứ Mười Tám cùng Bộc, bí mật về Ninh Hải đóng vai người đi đổi cá lấy rượu để điều nghiên thực tế suốt cả một tuần trăng. Đức vua cứ lần la gặp các già làng, các Bộ chính mới rượu và hỏi chuyện:

- Rượu của ta có nhiều và ngon lắm! Ai có cá to mang ra ta đổi cho.

Hỏi trăm người, trăm miệng đều nói:

- Giặc chiếm mất biển rồi, dân chỉ còn biết ngày ngày lác thúng, nhặt con tép, con moi. Không dám vào lộng ra khơi, không bắt cá to được.

- Sao không đánh đuổi quân giặc mà giữ biển?- Đức vua hỏi.

Thần dân đều nói:

- Đã đánh! Đánh nhiều trận rồi! Nhưng đánh trong bờ thì ta thắng, đánh ngoài biển thì ta chưa thắng được vì nó có thuyền to, buồm đen căng như đám mây báo bão. Thằng tướng giặc, mặt đỏ như vỏ tôm he, thân to như ông đùng ông đoàng, cầm ngang ngọn giáo, đứng đầu mũi thuyền, phát cờ đốc chiến, trông nó vừa dữ tợn vừa hung hăng, bao nhiêu cung nỏ bắn tên vào, tên không xuyên thủng người nó được.

SÍNH LỄ

Truyện ngắn của LÊ THUẦN THẢO

Đức vua lại hỏi:

- Tên tướng ấy có đi lại, chạy nhảy bình thường như người ta không?

- Nó chỉ ở trên tuyến. Chân đi khệnh khạng, tay vung kênh cang - Thần dân thưa.

Đức vua vừa nghe vừa gật gật đầu, vừa vuốt chòm râu lòa xòa phơ phất chau mày ngẫm nghĩ.

Đêm ấy, Bộc lại dựng lều, mắc võng gai, kê gối mộc cho đức vua nằm nghỉ. Đêm nồm biển, trong gió hòa hơi biển, mẩn mẩn, se se. Chùng gà gáy sang canh chợt đức ngài gọi Bộc, giọng nhà vua sang sảng, chừng tỏ đức Ngài chưa chợp mắt:

- Này Bộc! Bộc chợt tỉnh ngay. Vội thưa.

- Dạ!

- Tên tướng giặc to béo, oai phong, đi khệnh khạng, mũi tên không xuyên qua được người nó, nghe vậy nhà ngươi có suy đoán gì không?

Lão Bộc lặng im chốc lát, như để lựa lời thưa, ngắn gọn nhất. Bộc nói:

- Thưa đức vua, vậy có thể là tên tướng giặc ấy có mang theo vật che thân làm cho người nó to thêm, bộ hành chậm chạp, mũi tên khó xuyên qua.

Nghe tới đây, đức vua vùng dậy, vỗ đùi nói với Bộc giọng rất nhẹ nhàng:

- Lời nhà ngươi nói, trùng với ý ta rồi!

Bất chợt nhà vua hỏi Bộc, câu hỏi như không liên quan gì đến việc đánh giặc:

- Ta nghe nói thử thiếu thời, nhà ngươi từng có lần thi lặn qua rào Mỹ Châu - Hộ Độ ở quê nhà. Năm trước người ta lại đồn rằng nhà ngươi lặn một hơi qua Ngã Ba sông Bạch Hạc, lại còn mò vào các hang động dưới đáy cửa Lô Giang để bắt cá Anh Vũ cho dân làm gỏi tế thần Hạc Trắng, có đúng vậy không?

- Tâu bệ hạ? Đùng vậy đấy ạ.

- Vậy ra nhà ngươi có biệt tài hay có phép thuật gì mà ở dưới nước được lâu vậy?

- Thần chỉ bắt chước các bậc ngư phủ hàng cha chú ở quê nhà trong Bộ Cửu Đức mà thôi. Người ta cất những ống trúc nhỏ cỡ ngón tay rồi nối lại với nhau. Khớp nối được làm bằng cây ruột gà, một loại giấy leo mềm, dẻo, có nhựa keo mà hầu như trong vương quốc ta rừng, rậm nào cũng có, tạo thành cây trúc bách phân có hàng trăm đốt thông nhau làm ống thở. Lúc lặn sâu xuống cá hoặc mò ngọc trai, ngư phủ ngậm vào miệng ống để thở còn đầu kia gắn vào phao câu cho nổi lên mặt nước. Cẩn lặn sâu thì nối ống thở dài cho đến lúc nào ngư phủ cảm thấy tức ngực, khó thở thì không lặn tiếp nữa.

- Vậy nhà ngươi có thể bày cho các ngư phủ của Bộ Ninh Hải cách lặn như thế để đục thủng đáy thuyền giặc được không?

- Bẩm được ạ.

Nhờ chước ấy mà dẹp tan hàng dầy thuyền to nhỏ của lũ giặc cướp buồm đen.

Sau chiến công ấy, Bộc được vua ban thưởng một vuông khổ điều đỏ thắm như hồng đồng, được dệt nên bởi những sợi tơ rút ra từ kén những con tằm chuyên ăn lá cây dâu tía, nhả ra kén hồng, lại được các mỹ nữ vùng Tiên Cát với đôi tay ngọc ngà kỳ công trau chuốt dệt nên. Loại lụa ấy đức vua dùng may áo ngự bào và để ban thưởng cho những ai có công lớn với nước nhà.

Bộc được theo đức Hùng Vương Thứ Mười Tám đi kinh lý khắp mười lăm bộ trong cõi bờ Lạc Việt. Đến đâu đức Vua cũng về với dân, hòa với các bộ lão, già làng, Bộ Chính trong bữa tiệc vui, trong chén rượu buồn để nghe ngóng thời sự dân tình. Người phủ dụ dân hãy hiền thảo làm ăn, chăm lo nghèo khó, là lãnh đùm là

rách đằm ấm thương yêu. Người gặp các Lạc hầu, Lạc tướng, tri nhậm cát cứ ở các Bộ để bảo ban, thăm hỏi. Đặc biệt, đến đâu Người cũng tìm gặp các Quan Lang, con cháu dòng tộc Hùng Vương được bổ nhiệm, phân về cát cứ các bộ, các vùng, Người nói:

"Vua Tổ sinh ra chúng ta, giao cho cai quản giang sơn Lạc Việt. Các quan lang được phân về cát cứ các vùng là nghĩa vụ và bổn phận thiêng liêng trước giang sơn và dòng tộc. Hãy thương dân như thương con; Hãy quý dân như quý mạng sống của mình. Gần đây ta nghe có người muốn ức hiếp dân để lấy ngà voi, gỗ quý. Thậm chí có kẻ còn rắp tâm cướp vợ, hiếp gái nhà lành. Đó là việc làm của lũ hôn quân vô đạo mà các bậc Tiên Vương đã từng nghiêm trị. Các người phải nhớ: Hãy giữ lấy sự trong sáng của dòng tộc Hùng Vương như giữ sự sáng trong mắt mình vậy.

Trong kinh đô Văn Lang và các Bộ, khắp các thần dân, ai cũng ghi tạc lời phủ dụ quý như châu báu của các đấng tiên vương dòng dõi các Vua Hùng. Điều răn với các Hoàng Tử và công chúa như sau: "Ta sinh ra các con để cùng toàn dân làm cho Lạc Việt ta thêm giàu mạnh. Ta nuôi các con là nuôi hi vọng về sau, các con làm rạng danh Lạc Việt muôn thuở thịnh cường. Các Quan Lang hãy tích đức, luyện tài, rèn trí dũng, các Mỹ Nương hãy đảm đương, trung hậu, nét đoan trang. Với anh em trong dòng tộc, Hùng Vương cũng truyền đời lời ủy thác: "Chúng ta là anh em một nhà, trong cùng dòng tộc chỉ trên cảnh dưới phải đùm bọc nhường nhịn nhau đã đành, nhưng với muôn dân càng phải nhường nhịn thương yêu hết mực bởi tất cả con dân Lạc Việt đều chung nguồn cội..."

Được hầu hạ đấng Minh Quân như đức vua Hùng Vương Thứ Mười Tám, lão Bộc cũng thấy thỏa lòng. Đức Vua trị nước nghiêm minh, thần dân bá phục, trăm họ đồng lòng, triều chính chỉnh tề, các cận thần, các quan văn, võ theo thứ bậc phục tùng răm rắp. Muôn dân trăm họ chịu khó làm ăn. Hòa bình là dân nông trồng cấy cày cấy chăm chỉ; Có giặc là dân binh tầm võng, cung nỏ dựng lũy đắp thành, kẻ trước người sau xông lên liều thân giết giặc, giữ yên bờ cõi Lạc Việt ngàn năm.

Vài năm nay, công chúa Mỹ Nương cập kê đôi tám, có sắc đẹp tuyệt trần cá lặn chim sa. Đã đẹp người, nàng còn đẹp nết, đã khéo tay canh củi và may, lại được giọng hát ca, múa lượn, thường dạy các cung nữ và con gái các quan trong kinh đô Văn Lang những điệu Xoan, điệu ví. Những lần được theo cha kinh lý các bộ, các vùng, bao giờ nàng cũng nhập tâm bất chước và mang về kinh đô những làn điệu mới. Tính nàng khảng khái nhưng cũng giàu đức thương người. Có lần về Bộ Vũ Ninh, khi thuyền Ngự của đức vua neo trên sông Cầu Giang trong một đêm trăng thanh gió nhẹ chợt nghe trong bờ bãi ven sông ai đó cất lời ca:

"Thân em như khóm lúa tám xoan/ Đã bị ngâm nước mặn lại bị chan nước phèn" mắt Mị Nương ngán ngán lệ, nàng xót xa cho thân phận của cây lúa đồng Lạc Việt và nỗi truân chuyên của thân phận con người.

Hay tin Mỹ Nương đến tuổi cập kê, hàng trăm chàng trai tuổi tú trong vương quốc rập rình xin làm phò mã: Người thì văn tài, người thì giỏi võ, người thì giàu có, người thì hào hoa... Nhưng khi biết tin Sơn Tinh, vị chúa miền non cao và Thủy Tinh, vị chúa miền nước thẳm đều đánh tiếng xin đức vua được đón Mỹ Nương về làm vợ thì tất cả tự rút lui vì thấy mình chưa xứng tầm so tài độ sức. Sơn Tinh và Thủy Tinh đều tự thấy mình tương xứng với tài sắc chim sa cá lặn của công chúa Mị Nương. Hai chàng trai tài ba nổi tiếng, tuy chưa được làm phò mã nhưng Thủy Tinh đã tuyên ngôn hùng hồn rằng: "Ta có tài hồ gió gọi mưa, vẫy biển nước dâng, đe sông sông cạn. Ta có đội thủy binh hùng hậu hăng hà sa số quân. Ta có tướng Bạch Tuộc trăm voi vào chiến trận có thể xuất chưởng làm mờ biển cả, làm tối tâm một vùng nước đặc sánh như đêm đen, đối phương có mạnh như kinh ngư, như cua kình, như ông Ngừ biển cả... lập tức bị bắt, bị ăn tươi nuốt sống. Ta có tướng thuồng luồng sức mạnh vô song, vẫy như mái chèo quạt nước đùng đùng, đuôi như tấm sét đánh đầu chết đây, bụng ăn không biết no, mỗi lần há miệng đớp có thể nuốt sống hàng trăm sinh mạng: Ta có... Ta có..." Nghe tiếng Thủy Tinh oang oang khoe sức, khoe tài chúng dân Lạc Việt vô cùng hoảng sợ khi nhớ đến những cơn mưa dầm dề hàng tháng ròng làm thối đất chết cỏ, đồng điền ngập úng, núi sạt đất lở cơ cực lắm than. Bất kể đêm ngày lời Thủy Tinh oang oang vang khắp nương rãnh khe ngòi sông suối, vừa khoe tài, vừa thách thức. Đó là lời thách thức đối với Sơn Tinh hay là lời hăm dọa với cả mọi thần dân? Trong khi đó trên đại

ngàn xanh thăm Tản Viên, Sơn Tinh cùng quân gia ngày ngày cần mẫn luyện phép nâng đất, làm cho dòng Đà Giang hẹp lại, cho Ba Vì gần với Hoàng Liên ở Phương Bắc, cho Ba Vì gần với Trường Sơn ở Phương Nam tạo nên biên lũy bảo vệ kinh đô Phong Châu, làm phen đậu chỏ che phía Bắc, phía Tây, phía Nam giang sơn cấm tử. Nâng đất đến đâu, chàng cho trồng cây đến đó, cây mọc nên rừng. Đất ngăn nước, cây giữ nước tạo ra nhiều làng vui, bản ấm no lành.

Mãi không thấy Sơn Tinh đáp lời, Thủy Tinh càng đắc chí, chàng như đã cầm chắc phần thắng về mình, lại huênh hoang về ra những tương lai huyền hoặc: "Khi cưới được My Nương kiều diễm ta là phò mã tể ba dũng lược của nhà nước Lạc Việt, quyền thế uy danh lừng vang bốn cõi, ta sẽ vợ vét hết vàng lụa trong cõi nhân gian và châu báu trong bốn bể, xây cho nàng Biệt Điện Tướng Phủ nguy nga, tráng lệ, sang trọng đệ nhất thế gian. Ta sẽ mang ngọc trai châu báu chốn thủy cung làm vật cầu thân nhờ cậy Nam Tào ban cho nàng trường sinh bất lão. Ta phong nàng làm hoàng hậu miền biển thẳm. Ta sai nàng Tiên Cá luyện cho nàng giọng hát của biển khơi hòa trong dàn hợp xướng mê ly của những thần tiên cánh sóng có những đôi môi hồng như san hô, làm cho bao nhiêu thủy thủ tài ba đắm đuối chốn trùng khơi chẳng nhớ rời xa..."

Tựa đầu vào chiếc gối mộc gỗ thơm tì, tòa hương diu diu, nhà vua suy tư lặng yên. Thấy chiếc võng chao nhẹ, tưởng nhà vua đã ngủ, lão Bộc rón rén lại gần khẽ khàng tèm tèm đắp bằng da báo gấm. Chợt tiếng đức vua sang sàng cất lên, ngài chưa ngủ, tiếng nói rõ ràng, trong sáng, sang trọng: "Này lão Bộc! Ngày mai ta cho thiết triều công bố trước cung đình, trước Lạc Hầu, Lạc Tướng và đông đảo thần dân kinh đô Văn Lang lời thách cưới nàng My Nương với Sơn Tinh, Thủy Tinh. Nhà ngươi có cao kiến gì muốn nói với ta chăng?"

Lão Bộc chấp tay cung kính: "Bẩm đức vua, thần tưởng rằng việc đó đức ngài đã nghị đàm với các bậc trưởng lão, các quan lang, Lạc Hầu, Lạc Tướng ở kinh đô và khắp cõi Lạc Việt ta rồi!"

Tiếng đức Vua sang sàng: "Có, ta có nghị đàm, có nghe nhiều đề xuất tư vấn, nhưng chưa thuận tai, có người bảo hãy thách cưới nhiều rượu thịt cho toàn Lạc Việt tụy lụy no say trong ba bốn ngày vui vẻ. Nhưng ta nghĩ no say rồi nước nhà Lạc Việt có cường thịnh hơn không? Có người khuyên nên thách cưới thật nhiều trâu bò, lợn gà, xiêm y, đàn địch, ngọc ngà, lụa là, châu báu, cho Lạc Việt nên giàu, muôn dân trưng diện, ăn chơi vui vẻ thỏa sức quên đời, lạc thú say sưa... Vậy thì bỏ bê đồng ruộng, ai cấy bữa cấy hái, ai chăn tằm dệt vải, ai trấn giữ biên cương..."

Có người khuyên ta thách cưới trái Đào Trường Thọ, ăn được trái đó, nhà vua trẻ mãi thiên thu, giữ ngôi báu mãi mãi của mình. Ôi! Thế ra bằng khuyên ta tham quyền cố vị ư.

Có người bảo, hãy thách cưới viên ngọc gia bảo của Vua Thủy Tể để khi ngậm vào miệng có thể rẽ nước mà đi như trên cạn, thu vào tầm mắt biết bao nhiêu sản vật,

phong cảnh kỳ thú chốn thủy cung. Nếu vậy ta say ngắm cảnh lạ mà quên vương quốc này ư? Có người bảo ta hãy thách cưới "Duy nhất giác mã". Đó là cái sừng độc nhất của con ngựa mọc sừng. Ngày ngày mài sừng đó trong nước uống có thể dư sức mỗi đêm tận hưởng lạc thú hàng trăm mỹ nữ cung tần. Hùng Vương Thử Mười Tám trở thành ông vua đệ nhất phong độ dưới gầm trời Văn Lang, vượt trội ấy xưa nay không ai sánh kịp. Để rồi hậu thế chê cười ta là ông vua đệ nhất trụy lạc ư?

Chao ôi! My Nương công chúa là con ta, nhưng nàng cũng là thần dân Lạc Việt. Gả nàng cho ai phải được mẹ đất cha trời chứng giám, phải chọn được phò mã có tài ba giúp nước, giúp triều đình an dân, giúp cho bách tính muôn nơi an hưởng thái bình, tiếng hoan ca ấm no của khắp mười lăm Bộ toàn cõi Lạc Việt, từ Nam ra Bắc, từ Đông lên Đoài. Ta suy tư mãi chọn ai một trong hai chàng Sơn Tinh và Thủy Tinh làm phò mã để giúp ta làm cho nước thịnh dân giàu? Giờ thìn hôm nay tại dinh Hy Cương, dưới chân núi thiêng Nghĩa Lĩnh và làng tằm của Tiên tổ dòng dõi Hùng Vương ta sẽ trịnh trọng ra lời thách cưới với hai chàng một cách công khai và rõ ràng trước toàn thể văn võ bá quan trong triều đình và đông đảo thần dân chúng giám. Lễ dẫn cưới gồm cả linh vật và báu vật. Linh vật là vật truyền thống thờ cha trời mẹ đất.

Ta chọn "Một trăm ván cơm nếp, hai trăm đệp bánh chưng". Giang sơn ta có biển rộng, sông sâu, rừng rậm chứa hàng hà sa số báu vật trầm tích ngàn năm. Báu vật thách cưới phải thể hiện được sự quý hiếm còn phải biểu tượng cho tinh thần quật cường, thượng võ, bất khuất cao sang của tiên tổ và thần dân. Ta chọn "Voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao". Voi và ngựa là những con vật kiêu dũng, thiện chiến đã nhiều phen xung trận, giương ngà giết giặc, tung bõm liễu thân; Gà là linh vật, được cúng thờ tổ tiên và cũng là con vật cần phải có nhiều cựa cứng cựa dám nghênh địch với kẻ thù.

Đức vua nói như giải bày với lão Bộc điều tâm sự. Chợt nhà vua hỏi:

- Ta thách sinh lễ như vậy, nhà ngươi nghĩ sao?

Lão Bộc cúi đầu yên lặng. Đêm mùa xuân tiết trời về sáng như ấm hơn. Đó là tiết ẩm áp cho xuân về thêm rực rỡ chói dăng hoa nở, Lão Bộc đắn đo, rụt rè thưa:

- Bẩm đức Vua, thách cưới: "Một trăm ván cơm nếp, hai trăm đệp bánh chưng" là rất thuận lễ đời, luật trời xưa nay đã định cho muôn dân. Còn "Voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao" là báu vật của rừng. Liệu có gây khó cho Thủy Tinh chăng?

Bất chợt nhà vua ngồi dậy làm cánh võng chao nghiêng, Bộc vội vàng đến đỡ, nhưng trong nháy mắt nhà vua đã ngồi lại ngay ngắn vững chãi, ngài vỗ đùi, vuốt chòm râu cước mà cười! Nhà vua cười to, giọng cười vang vang, sang sảng đầy cảm khoái. Tiếng cười làm rung rinh cả mái đình Thượng Lâu, làm xào xạc cả những cây cao tán rộng quanh vùng. Nghe tiếng cười sảng khoái và kiêu dũng của Đức Vua, lão Bộc run bắn bật, sợ nhà Vua quở phạt. Nhưng không! Người ngồi lại ngay ngắn, ánh mắt sáng thông minh, vầng trán cao nhân nghĩa, chòm râu cước hiền từ, tất cả như hòa đồng, cùng bừng tỏa sáng,

ngồi lên dưới ánh lửa dầu trám bập bùng.

- Nhà ngươi nói phải! Đó chính là điều ta suy tư cân nhắc không biết mấy canh thâu. Sơn Tinh và Thủy Tinh đều là những người tài. Nhưng ta chọn con rể không phải cho bản thân ta, cũng không chỉ tìm chồng cho con gái Mị Nương yêu dấu của ta mà là kén người hiền tài cho đất nước. Ta thấy Thủy Tinh cậy tài hồ phong hoán vũ nhưng, ta e tài ấy dễ biến chứng thành độc tài nguy hại. Còn Sơn Tinh, chàng có thể giúp cho đồng điền thêm xanh, cho núi thêm cao, cho rừng thêm thâm u nhiều cây cao bóng cả, che chở dân lành. Sơn Tinh là một Hiền Tài! Ta thấy cuộc sống của Sơn Tinh tưởng minh chân thiện hơn. Ta mong muốn được chàng làm phò mã, với tài năng đất, ta sẽ giao cho chàng trị thủy giúp muôn dân.

Ngộ ra ý tứ cao sâu của đức Vua, lão Bộc phần khởi, lão ngắm đức Vua một cách cảm phục và sùng kính. Chợt lão Bộc thảng thốt kêu lên điều ngạc nhiên vừa xuất hiện không ăn nhập gì vào câu chuyện đang bàn:

- Bẩm đức Vua! Qua một đêm thâu mà tóc ngài đã bạc hết cả đầu, trắng như bạch tuyết.

Đức Vua lại vuốt râu, nở nụ cười hiền như bậc lão nông vẫn cười vui cùng con cháu:

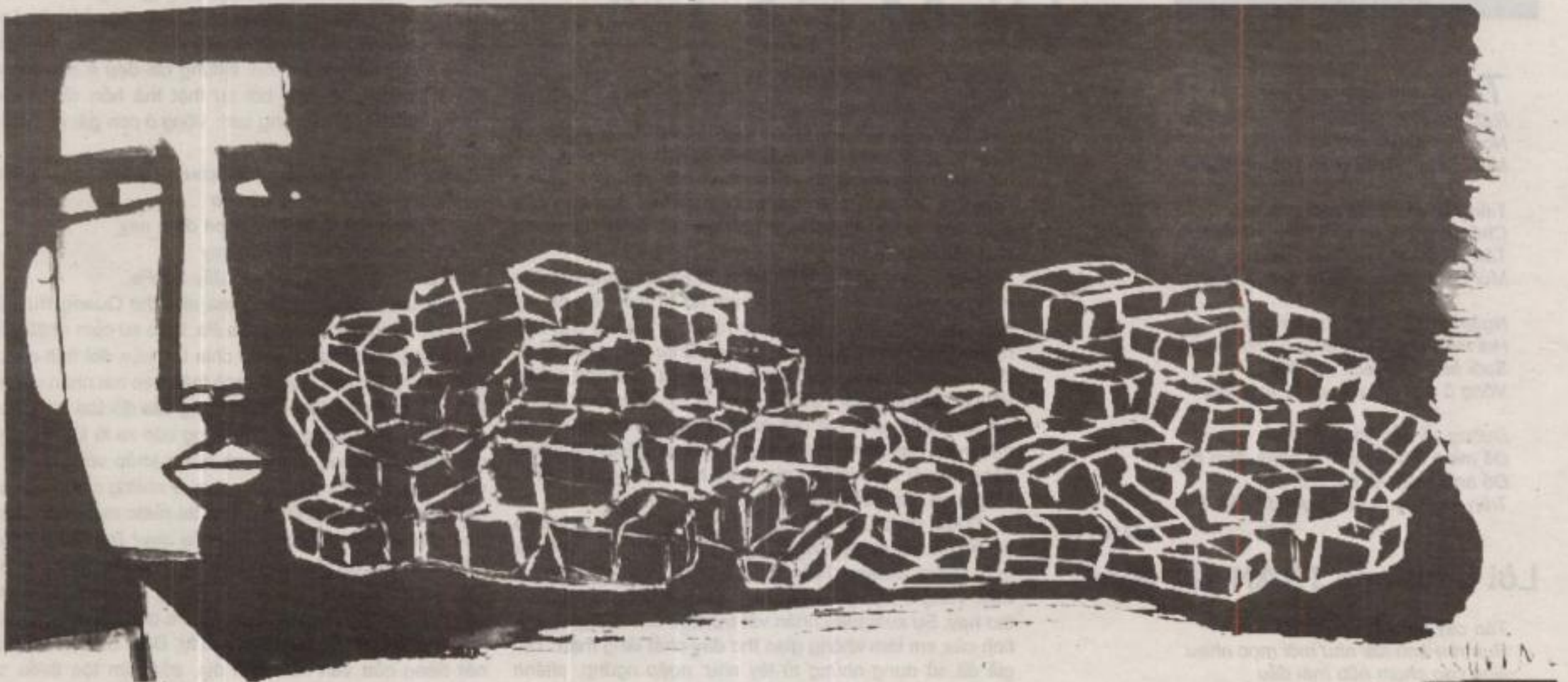
- Vua cha ta thường dạy: Làm đức Minh quân không chỉ biết ngồi trên ngôi báu cho trăm họ tung hô vạn tuế mà cốt yếu là hơn người ở trí tuệ, hơn đời ở sự chịu khó nghĩ suy. Hãy nghĩ về muôn dân, hãy lo cho xã tắc, thì bao giờ tấm lòng cũng trong sáng, mà khi tâm đã sáng thì trí tuệ luận ra điều minh triết có lợi cho nước, có ích cho dân để lại tiếng thơm muôn thuở cho nhiều đời sau con cháu tự hào ...

Xa xa đã vắng vắng tiếng loa, tiếng trống cổ vũ muôn dân trẩy về Nghĩa Lĩnh dự hội. Đức Vua bước ra sảnh Thượng Lâu, sai lão Bộc chuẩn bị ngựa ngự. Cả một vườn Thượng Uyển nơi Thượng Lâu rực rỡ sắc hoa đào. Cờn lúc ấy ở đình Tiên Cát, Hoàng Hậu, Mỵ Nương và các cung tần cũng đã xúng xính cười đán bạch tuyết, che lọng vàng nhịp nhàng cùng tiếng loa dẹp đường, tiếng trống dồn giục bước.

Đọc Lô Giang, Đà Giang, Thao Giang trên bộ dưới thuyền quan quân, dân chúng rực rỡ, tinh khôi con Lạc cháu Hồng trẩy về Nghĩa Lĩnh linh sơn như nước xiết. Đức Vua Hùng Vương Thử Mười Tám vận áo Long Bào, đội mũ Bình Thiên cười con tuấn mã màu nắng hạ dẫn đầu đoàn quan gia từ Thượng Lâu đi ra, hợp với đoàn Bạch Tượng của Hoàng Hậu và công chúa tại trang viên Gia Cẩm rồi đoàn voi ngựa ngược qua Minh Nông - Thập Thình. Dân chúng đứng kín hai bên đường hồ hởi tung hô vạn tuế. Bạt ngàn hoa đào rực thắm khắp đường thôn đối dọc suốt đường đi. Ngày Hội kén rể hiền của đức Vua Lạc Việt năm ấy rực rỡ trong muôn cánh hoa xuân tươi thắm. ■

Trở về Đất Tổ sau bao năm tha phương
T T T

(1) Theo cuốn "Các triều đại Việt Nam" của hai tác giả Quỳnh Cư và Đỗ Đức Hùng do Nxb Thanh niên in năm 2001 thì nước Văn Lang thời Hùng Vương chia làm mười lăm (15) bộ là: Văn Lang, Châu Diên, Phúc Lộc, Tân Hưng, Vũ Định, Vũ Ninh, Lục Hải, Dương Tuyền, Giao Chỉ, Cửu Chân, Cửu Đức, Việt Thường, Bình Văn, Hoài Hoan, Ninh Hải.



Minh họa của THANH CHƯƠNG

NHÀN ĐÀM

VỀ NHÂN VẬT “KHÁCH VIỄN PHƯƠNG” TRONG TRUYỆN KIỀU

MAI VĂN HOAN

BÁO Văn nghệ số 10 (ra ngày 9-3-2013), đăng bài *Thằng bán tơ* đi qua một đời người của nhà văn Hữu Phương viết về nhà thơ Nguyễn Văn Dinh, có đoạn: “Một hôm anh hỏi tôi biết ai yêu Kiều nhất không? Tôi nghĩ đến Kim Trọng, Mã Giám Sinh hay Từ Hải. Nhưng ông cười nói là cái anh chàng không tên không tuổi, nghe tài sắc Thúy Kiều đã lặn lội tìm đến, thì đã trăm gầy, bình rơi mất rồi”. Tôi nghĩ chắc Hữu Phương nhầm lẫn giữa Mã Giám Sinh và Thúc Sinh. Chàng Thúc mới yêu Kiều chứ cái gã buồn người họ Mã chỉ là kẻ hám “của trời” mà thôi. Còn cái anh chàng “không tên không tuổi” chính người “khách viễn phương”. Chàng ta mê nàng Đạm Tiên chứ không phải mê Kiều. Và khi chàng ta đến thì đã trăm gầy, bình rơi bao giờ! Tôi xin phép nhà văn Hữu Phương đính chính một chút về sự nhầm lẫn đáng tiếc này.

Trong *Truyện Kiều* có hai nhân vật vô danh hoàn toàn đối lập nhau. Đó là “thằng bán tơ” và “khách viễn phương”. “Thằng bán tơ” chỉ xuất hiện trong một câu mà làm khuynh đảo cả gia đình Vương Ông, làm tan nát cả cuộc đời nàng Kiều. “Thằng bán tơ” là hạng người nếu có điều lợi cho mình chúng sẵn sàng gieo tai hoạ cho bất cứ người nào chúng muốn. Trong khi đó “khách viễn phương” (khách phương xa) chỉ xuất hiện trong đoạn thơ vắn vắn 12 dòng nhưng lồng lộng một nghĩa cử cao đẹp. Có hai người đàn ông đã cứu Kiều ra khỏi lầu xanh, nhưng cả hai đều vụ lợi. Nếu Kiều không đẹp đến “ngiên nhiên nước nghiêng thành” thì cả Thúc Sinh lẫn Từ Hải chắc gì đã cứu nàng khỏi lầu xanh. Tính vụ lợi còn thể

hiện ở chỗ: sau khi cứu Kiều ra khỏi lầu xanh, cả hai đều cưới Kiều. Riêng “khách viễn phương” thì khác, anh ta giúp Đạm Tiên một cách vô tư, không chút tính toán:

*Có người khách ở viễn phương
Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi
Thuyền tình vừa ghé tới nơi
Thì đã trăm gầy bình rơi bao giờ!
Buồng không lạng ngắt như tờ
Dấu xe ngựa đã rêu lờ mờ xanh
Khóc than khôn xiết sự tình
Khéo vô duyên bấy là mình với ta!
Đã không duyên trước chàng mà
Thì chi chút dính gọi là duyên sau
Sắm sanh nếp tử, xe châu
Vui nồng một nắm mặc dầu cỏ hoa*

Người “khách viễn phương” này “xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi”. Nghĩa là anh ta cũng say mê sắc đẹp, tài năng của Đạm Tiên như những người đàn ông khác. Nguyễn Du dùng từ “cũng” là với nghĩa đó. Điểm khác biệt của người “khách viễn phương” này với tất cả những người đàn ông mê mộ nàng Đạm Tiên là đứng trước cảnh “trăm gầy, bình rơi” anh ta vô cùng thương cảm: “Khóc than khôn xiết sự tình/ Khéo vô duyên bấy là mình với ta”. Cái “sự tình” ở đây ẩn chứa rất nhiều tầng nghĩa: khóc vì thương tiếc tài sắc Đạm Tiên, khóc cho hoàn cảnh bị đat của nàng, khóc sự “vô duyên” của anh ta và nàng... Những gã đàn ông từng đến với Đạm Tiên trước đó đều đã “xa chạy, cao bay” trong thời gian nàng đau ốm “dấu xe ngựa đã rêu lờ mờ xanh”. Mặc dù không “duyên trước” cũng chẳng “duyên sau” nhưng anh ta vẫn “sắm sanh nếp tử, xe châu”. “Nếp tử” là anh ta sắm chiếc quan tài bằng gỗ cây thị, không

phải quá sang nhưng cũng không đến nỗi xoàng. “Xe châu” là anh ta thuê chiếc xe tang có rèm dính những hạt cườm. Hai chi tiết đó đủ cho ta thấy người “khách viễn phương” lo cho đám tang của Đạm Tiên hết sức chu đáo. Anh ta đã làm cái việc mà những kẻ luôn tính toán thiệt hơn không bao giờ nghĩ tới. Ngay cả cái tên anh ta cũng không để lại. Cả vùng chẳng ai biết người đứng ra lo liệu đám tang cho nàng Đạm Tiên một cách vô tư ấy tên gì. Nói như cách nói hiện nay: anh ta là một người đàn ông có “tấm lòng vàng”!

Gần đây, ông Lê Quế trong cuốn *Sơ sánh dĩ bản Truyện Kiều* (NXB Hội Nhà văn, 2008) dựa vào chữ nghĩa trong bốn câu: *Thuyền tình vừa ghé tới nơi/ Thì đã trăm gầy bình rơi bao giờ!/ Buồng không lạng ngắt như tờ/ Dấu xe ngựa đã rêu lờ mờ xanh* đặt lại vấn đề. Theo ông Quế thì: Đạm Tiên “chết đã khá lâu, không lẽ xác cứ để thối rữa như vậy? Nhất định chuyện chôn cất đã có ai đó thực hiện rồi”. Còn “xe châu” chỉ là một thứ hàng mã “khách viễn phương” mua để đốt cho người đã chết. Nếu đúng như ông Quế suy diễn thì cái nghĩa cử của “khách viễn phương” vẫn đáng được trân trọng. Nhưng sự thực không phải như vậy. Khi Nguyễn Du viết: “Thuyền tình vừa ghé tới nơi/ Thì đã trăm gầy, bình rơi bao giờ” có nghĩa là thời gian nàng Đạm Tiên trút hơi thở cuối cùng không được xác định, chứ đâu phải “chết đã khá lâu” như ông Lê Quế suy diễn. Còn “dấu xe ngựa đã rêu lờ mờ xanh” là tác giả muốn đề cập tình trạng đau ốm dài ngày của Đạm Tiên. Vì đau ốm dài ngày, khách làng chơi không ai lui tới. Người khách ở phương xa không hề hay

biết chuyện này nên vẫn tìm đến với nàng. Và khi anh ta vừa đến thì nàng đã tắt thở lúc nào không biết. Chính vì thế là anh ta mới “khóc than khôn xiết”. Nếu ai đó đã chôn cất nàng từ lâu rồi thì anh ta đâu đến nỗi thương cảm cho cảnh ngộ tội nghiệp của nàng đến như thế! Lại còn “sắm sanh nếp tử” nữa! Từ xưa đến nay tôi chưa hề nghe nói có thứ quan tài làm bằng giấy (hàng mã) để đốt cho người chết bao giờ. “Xe châu” thì có thể có còn “nếp tử” thì không. Vì vậy cái cách suy diễn của ông Lê Quế khó lòng được chấp nhận.

Cái chi tiết “vui nồng một nắm mặc dầu cỏ hoa” theo tôi mới là chi tiết cần được tra cứu lại. “Vui nồng” là huyết đào rất cạn, chôn một cách sơ sài, qua loa. Điều này không phù hợp với việc “sắm sanh nếp tử, xe châu” rất chu đáo của người “khách phương xa”. Vì thế, theo tôi những bản chép “Bụi hồng một nắm mặc dầu cỏ hoa” có vẻ hợp tình hợp lý hơn. Vì đây là lời cảm thương của Vương Quan khi nói về ngôi mộ Đạm Tiên và cũng là lòng xót thương của chính Nguyễn Du đối với những ngôi mộ “vô chủ” như mộ nàng Đạm Tiên.

Mượn lời kể của Vương Quan, Nguyễn Du không chỉ bày tỏ niềm thương cảm của mình trước số phận bất hạnh của nàng Đạm Tiên mà còn bày tỏ thái độ căm ghét, mỉa mai đối với thói đời đen bạc. Cũng thông qua lời kể của Vương Quan, Nguyễn Du còn bày tỏ niềm cảm phục của mình đối với tính cách hào hiệp của người khách đến từ phương xa. Cái nghĩa cử không vụ lợi, không tính toán của “khách viễn phương” trong việc đứng ra lo liệu đám tang nàng Đạm Tiên đáng để cho người đời phải suy nghĩ. ■

SỞ TAY THƠ

*Tán cây ươm đằm mây trời
Run run ánh lửa như mời mọc nhau
Non cao chụm nũa mái đầu
Mười hai phiên chợ còn câu hẹn thề.*

*Tiếng khèn chỉ đủ mình nghe
Chồn chân ngựa mỗi đêm mê tự tình
Tân canh, phố núi giết mình
Mùi ngô nướng vội cho thành chiêm bao.*

*Ngập ngừng bầu rượu em trao
Hơi men chênh choáng ử vào tóc mây
Suối tuôn róc rách với đầy
Vòng ô con gái vẫy quay thật thà.*

*Đường về bản vắng còn xa
Để mình em nước mắt nhòa đêm nay
Để anh khắp khênh cơn say
Trên lưng ngựa trắng ươm đầy Sa Pa.*

QUANG HUY

Lời bình của TRẦN BÁ GIAO

*Tán cây ươm đằm mây trời
Run run ánh lửa như mời mọc nhau
Non cao chụm nũa mái đầu
Mười hai phiên chợ còn câu hẹn thề.*

ĐÊM SA PA

SA Pa được giới thiệu ở khổ thơ đầu này là một Sa Pa lãng mạn, thơ mộng, trữ tình. Ở đây có rừng, có mây trời *Tán cây ươm đằm mây trời*. Đặc biệt về đêm có phiên chợ để đón khách du lịch, có những: *ánh lửa như mời mọc nhau*. Phác họa của nhà thơ Quang Huy thật tài tình, như tóm lược được nét độc đáo của *Đêm Sa Pa*. Đó là nơi gặp gỡ hẹn thề, *Mười hai phiên chợ còn câu hẹn thề*.

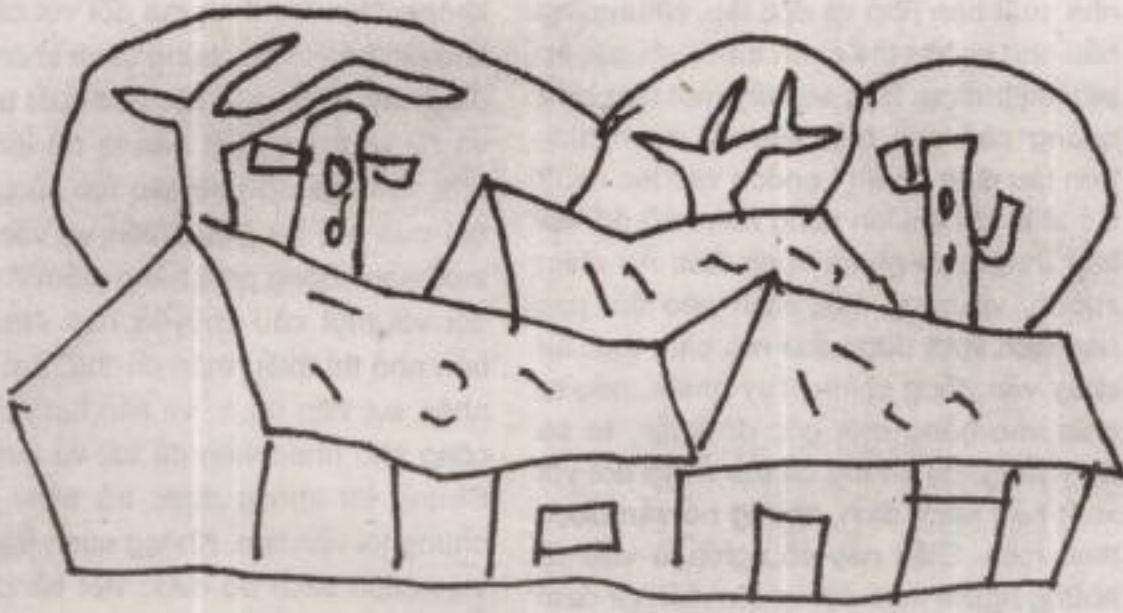
Tiếp tục mạch thơ tả về *Đêm Sa Pa* là những nét đặc trưng ở một vùng cao, ở nơi hẹn hò tự tình của những cặp vợ chồng khi đi chợ cũng như của những cặp tình nhân. Ở đó có tiếng khèn gọi bạn tình: *Tiếng khèn chỉ đủ mình nghe*, có những sản vật dân dã: *Mùi ngô nướng vội cho thành chiêm bao*. Tất cả là từ: *đêm mê tự tình, để: tân canh, phố núi giết mình*. Chọn và tả những nét đặc trưng của *đêm Sa Pa*, nhà thơ Quang Huy đã thành công khi tái hiện không gian văn hoá đậm nét trữ tình, lãng mạn của các dân tộc thiểu số vùng cao.

Ở khổ thơ thứ 3, nhà thơ Quang Huy đã để cho nhân vật trữ tình, xuất hiện: *Ngập ngừng bầu rượu em trao/ Hơi men chênh choáng ử vào tóc mây/ Suối tuôn róc rách với đầy/ Vòng ô con gái vẫy quay thật thà*. Đây là một khổ thơ hay. Sự xuất hiện nhân vật trữ tình: em và người bạn tình của em làm không gian thơ đầy chất lãng mạn. Tác giả đã sử dụng những từ láy như: *ngập ngừng, chênh choáng, róc rách* cùng những hình ảnh gợi cảm như: *bầu*

rượu tóc mây, suối tuôn và những hình tượng: *ử vào, với đầy* đã vẽ lên một bức tranh sinh động, lãng mạn về một đêm tự tình ở Sa Pa. Sự tái hiện cuộc hẹn hò của tình yêu đôi lứa đã làm cho *đêm Sa Pa* vốn đã hấp dẫn, mờ ảo lại càng lãng mạn hơn. Nhưng cái đẹp ở nơi tình tự này lại càng đẹp hơn bởi sự thật thà hồn nhiên của những người phụ nữ vùng cao: *Vòng ô con gái vẫy quay thật thà*.

Khổ thơ cuối như kết lại câu chuyện đi chợ tình ở Sa Pa: *Đường về bản vắng còn xa/ Để mình em nước mắt nhòa đêm nay/ Để anh khắp khênh cơn say/ Trên lưng ngựa trắng ươm đầy Sa Pa*.

Kết thúc phiên chợ tình mà nhà thơ Quang Huy đã tái hiện trong bài thơ *Đêm Sa Pa*, theo sự cảm nhận của tôi (người bình thơ) là cuộc chia tay của đôi tình nhân. Dường như Quang Huy đã hoá thân vào hai nhân vật trữ tình của mình để diễn tả tâm trạng của đôi lứa yêu nhau ấy. Hình ảnh: *Đường về bản vắng còn xa* là không gian mà nhà thơ tưởng tượng, nó trùng khớp với thực tế ở vùng cao. Đó là không gian tạo ra những cảm xúc của những đôi lứa khi chia tay. Em thì *nước mắt nhòa đêm nay* còn anh thì: *khắp khênh cơn say/ Trên lưng ngựa trắng ươm đầy Sa Pa*. Cả bài thơ chỉ nói đến địa danh Sa Pa ở câu cuối của bài thơ. Sa Pa ấy đã bị ươm đầy tình yêu đôi lứa lúc chia tay. *Đêm Sa Pa* gắn với nơi hẹn hò, nơi chia tay của những đêm tình tự. *Đêm Sa Pa* như một nét riêng của văn hoá bản địa, của dân tộc thiểu số vùng cao phía Bắc. ■



ĐINH NGỌC DIỆP

Thác Bạc

Mây quần chân người đường ra
Thác Bạc
Mây lại gần hòa khói mù khơi
Lòng ướp lạnh men trời dịu dịu
Ngày độc hành thừa cả mình tôi.

Ố! Thác Bạc nổi trắng trời xuống lưng
Lưng về đâu? - Buông nước tuổi
đồng bằng
Màu Thác Bạc ngả tuột vào hòng tôi
Lại ngồi ngồi nơi ngọn sông
triều dâng.

Lên hết bậc đã khuất dần con thác
Ướt một miền kỷ ức đã chung chiêng
Gắn đầu dây đỉnh Dừng Đình thời
phun lửa
Tro nguội, mai này
làm thác đổ
chốn không em!

Cao ốc

Cao ốc dầm chân trong đất
Nhưng ta ở tít tắp trời
Nhìn xuống, người như con kiến
Người giữa mặt tim ta
gặp mắt cửa không người...

Bấm thang máy xuống, vào
Thời gian không thực
Ta như cá thả từ cái hộp
Đường như sông, cá vừa ngáp vừa bơi

Sau bước chải, lại trở về trong hộp
Như để khoét hang kiêu hãnh, đơn côi
Chen chúc những hộp bia xếp hàng
tâm tấp
Toát mồ hôi trong tủ lạnh đứng ngồi

Lầm lức nhớ người, thêm bạn
Chỉ mồi-bai, meo chát thay lời
Chợt bạn vượt qua, người chen,
đường chật
Bấm gọi theo, máy "tút... tut" liên hồi

Nhớ cha mẹ nằm giữa đất đai tiên tổ
Con không màng nhang điện tử đâu mà
Ba thẻ hương đen cắm vào tro của đất
Ta bàng hoàng cúi mặt, nhận ra ta!

NGUYỄN THANH KIM

**Mưa hoài
xóm núi**

Kính gửi chú Võ Thái

Mưa rơi ào ạt trên xóm núi
ướt bãi ngô xa, ướt vạt khoai
gió cứ thổi và ngày đang tới
lòng trí vẫn vương nghĩ ngợi hoài

Xóm núi trai làng đi thợ ngoà
dầm bữa nửa năm mới dạt về
vợ trông con ngóng chân lấm đất
tất tả vụ đồng với vụ hè

Có o thiếu phụ quên tuổi tác
đang dãi nuôi con tháng năm dài
lớn vậy con chưa từng mặt bố
quạnh chiếu ngô vắng, dạ nào khuấy!

Con về thăm chú, về quê Nghệ
chuyện xưa bom lửa tận Quảng Đà
nét hiền kham khổ hằn đuôi mắt
nổi niềm xây cất lẫn âu lo!

Mưa cứ rơi hoài trên xóm núi
ấm nồng đậm chất đời chè xanh
ấm nồng khói bếp cay cay mũi
tiếng gà eo óc chợt sang canh.

Nghiêng

Tiến trao không thêm đếm
Đại gia giàu thế ư?

Đội vãn mùa thu hoạch
Giá đất trả như đùa!

Đầu bờ xôi ruộng mật
Ngồi rồi, buồn ngất ngư

Kẻ dặt ra thành phố
Cuối đường, mặt lăm lờ

Kẻ mây ngàn biên giới
Cầu vạn cũng xin ừ!

Kẻ lênh đênh sóng cả
Biển nồm nao sương mù

Đầu chới chạng thăm lùa
Nghiêng cánh cò hát ru...

NGUYỄN CHÂU

**Những thứ
bỏ đi**

Bây giờ nhiều thứ bỏ đi
Bỏ đi cái bút Kim tinh ta nâng niu
thời đi học
Bỏ đi những viên gạch xỉ vôi hai
sương một nắng
Làm nên ngôi nhà che nắng
che sương

Bỏ đi cái xe đạp Phượng hoàng
Đã từng chở cả nhà ta qua mấy ngàn
cây số
Bỏ đi cái ti vi trắng đen vừa xem
vừa võ
Bỏ cả cái giường đôi ghép bằng hai
giường nhỏ tám mươi phân...

Những thứ phải bỏ đi sao ta mãi
phân vân
Bỏ những ước mơ một thời máu
xương, nước mắt
Bỏ đi những gì giờ không còn
thích hợp
Chợt nghĩ tới những gì ngày mai lại
bỏ đi...

Qua nhà bạn cũ

Dọc con đường phố nhỏ đông vui
Có ngôi nhà của bạn
Ta thường hồn nhiên ghé vào
uống chè

Nói với nhau chuyện trên trời dưới đất
Có lúc vui cười rơi nước mắt
Lúc lại trầm tư như các cụ già
Niềm vui gần xen nỗi buồn xa...

Con phố này ngày ngày ta qua
Lúc bạn ở nhà lúc đi đâu đó
Lúc cửa mở toang lúc lại im ỉm khóa
Thoảng lòng mình một chút
bâng khuâng...

Con bạn lớn lên, lấy vợ, lấy chồng
Đưa ngược Bắc Giang đưa lên Hà Nội
Ngôi nhà cũ, giờ một người chủ mới
Chẳng có chút nào hình bóng bạn ta

Con đường gần bỗng hoá nên xa...

ĐOÀN VŨ

Nẻo về

Con đò xưa
bến sông xưa
Chiều đâu giữ lại
gió lùa
sông xô
Nẻo về
gập khúc hư vô
Lẩn trong tâm thức năm mớ
mẹ, cha...

Tiếng ru xưa
rụng
la đà...
Tiếng ru nay cũng nhạt nhòa
bến xưa
Chiều thu
vắng khúc đò đưa
Tiếng con tu hú
lạc mùa
về đâu.

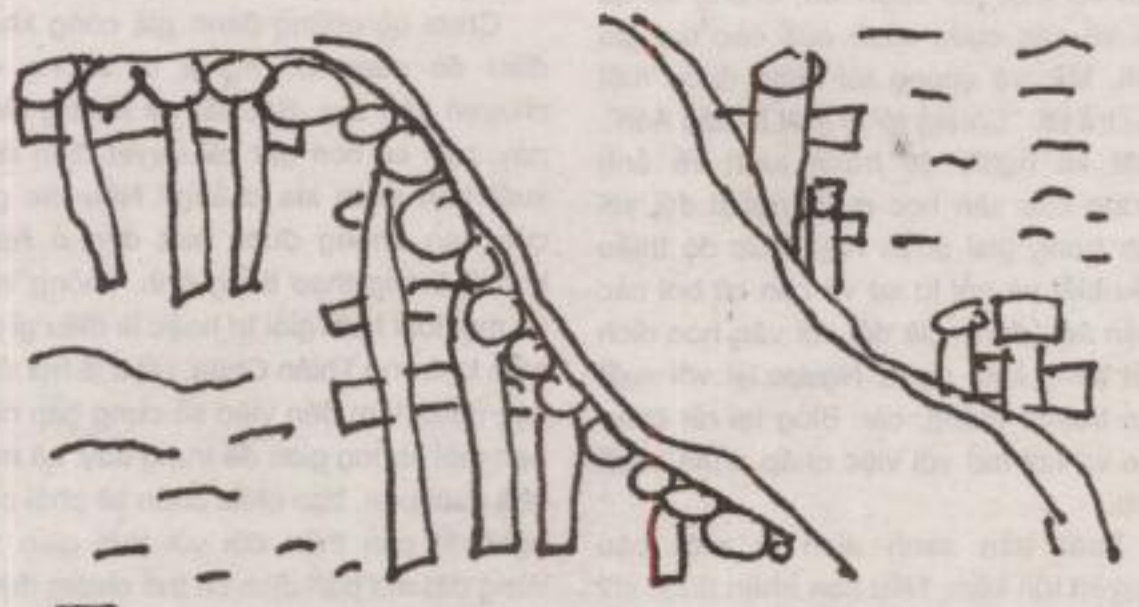
**Chiều ở
Thiền Viện
Trúc Lâm**

Đường Xưa(*) chưa kịp về đâu
Mà mây vẫn vít trên đầu gọi ai?
Tĩnh Tâm hồ lặng dấu hai
Chờ ai thông dừng chen vai
ngút ngàn?

Tiếng chuông điểm nhịp miên man
Động vai sương khói mơ màng
cổ nhân
Kính Lời Vàng đọc bao lần
Đường ai khép nép nửa gần
nửa xa?...

Chiều đi
đi một mình ta
Dối trông vào cõi ta bà có, không?!

(*) Tập thơ thiền của thiền sư Nhất Hạnh



VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

"Tôi cảnh giác với các bản dịch", đó là nhận xét của một người đọc trên trang web Goodreads. Vấn đề đặt ra ở đây là: Sách dịch bao gồm những thể loại nào? Có đúng là độc giả thực sự không muốn đọc sách dịch? Thái độ dè chừng này đến từ đâu?

NĂM ngoái, trong Ngày quốc tế dành cho dịch thuật (International Translation Day), Alexandra Buchler đã cung cấp một thống kê của các bản dịch. Tại Anh, dịch chỉ chiếm 2,5 % trong tổng số ấn phẩm, và chiếm 4,5 % sách văn học. Tại Hoa Kỳ, một quốc gia tự hào về

với việc bị phớt lờ. Lý do rất đơn giản, chỉ trả cho việc dịch là một cái giá quá đắt. Nếu như một nhà xuất bản quyết định cho ra lò một cuốn sách được viết bằng ngôn ngữ không phải là tiếng Anh, tác giả của nó thế nào cũng sẽ là người từng đoạt giải thưởng văn học, hoặc một danh hiệu nào đó tương đương. Có thể, đây chính là điều kiện cần để sách dịch được ra đời. Và cũng chính bởi vì vậy mà những cuốn sách được dịch sang tiếng Anh đa phần là cao quý và trang trọng.

Bây giờ, hãy thử đảo ngược lại việc này và nói rằng, chúng ta muốn xuất bản tác phẩm của một tác giả trẻ vô danh bất kỳ nào đó ở nước ngoài, nhưng đã viết được một cuốn sách hay. Làm thế nào để chúng ta thuyết phục người đọc trong khi họ thậm chí còn chẳng thể phát âm

nhà xuất bản nhỏ và độc lập. Nhưng, họ hầu như không thể cạnh tranh với sức ép trên thị trường. Bạn sẽ thấy một tấm biển quảng cáo cho một tiêu đề sách dịch trên tàu điện ngầm London vào lúc nào? Có lẽ là chỉ khi lần sống hăm mộ đối với tiểu thuyết tội phạm vùng Bắc Âu chìm xuống, và bằng một cách nào đó, các bản dịch vượt được qua rào cản, thực sự chảy vào dòng chính. Tuy nhiên, nếu ta nhìn vào bằng một góc độ khác, ta sẽ thấy rằng, dù không có thu nhập đối với xuất bản sách dịch, nhưng nó vẫn được thực hiện. Điều này có nghĩa là vẫn có những người thực sự nghiêm túc và đam mê đối với văn học dịch. Đam mê đủ lớn để họ có thể trợ cấp cho tác phẩm mà họ yêu quý.

Mọi người đang phải vất vả để chỉ trả

không có niềm đam mê đối với các câu chuyện tuyệt vời, chúng ta sẽ không làm điều này. Sức ép từ các nhà xuất bản lớn và rủi ro trong xuất bản là rất lớn. Các nhà xuất bản lớn sẽ tiếp tục củng cố vị thế của họ, họ điều khiển và vận hành xuất bản không phải bằng niềm đam mê đối với một câu chuyện hay. Nhà xuất bản nhỏ thì thiếu thốn đủ thứ. Tài chính, nhân sự, tiếp thị,... và tiền lương để trả công cho nhân viên đã vất vả làm việc. Chúng tôi không được trả tiền, nhưng chúng tôi vẫn làm. Không quan trọng với việc cuốn sách đó được viết bằng tiếng Anh hay bất cứ một ngôn ngữ nào khác. Cái chính là chúng ta có yêu thích nó không? Và độc giả có dành cho những câu chuyện ấy tình yêu như chúng tôi đã dành?

Trong những năm gần đây, một số lượng lớn các tờ báo nhỏ đã xuất hiện trên thị trường, và một nửa trong số các cuốn sách trên danh sách Booker sáng lọc năm nay đã được công bố thông qua nó. Điều này được ca ngợi như là "Ngày độc lập", cho thấy quyết định tham gia và sự vận hành của các nhà xuất bản nhỏ. Có thể, các phương tiện truyền thông đã bắt đầu nhận ra điều này. Chúng tôi rất vui mừng khi thấy các giải thưởng ở Anh đã bao gồm cả tên của các bản dịch và các giải thưởng độc lập cho tác phẩm của người nước ngoài. Văn học gần đây đã được đưa lên trên các trang web quốc tế cùng với tên tuổi của các nhà văn từ khắp nơi trên thế giới, nhưng, những cuốn sách này lại phải được viết bằng tiếng Anh. Vì thế mà nhiều khi, lễ hội tiếng nói quốc tế hóa ra lại trở thành điều đáng buồn với vẻ đẹp đa dạng và đầy đủ nhất của thế giới văn chương.

Thị trường xuất bản đang thay đổi nhanh chóng, và báo chí nhỏ là những chú ngựa ô nhanh nhẹn. Tuy rủi ro là lớn hơn rất nhiều so với các tập đoàn xuất bản lớn, nhưng họ lại đưa ra những tác phẩm không thể nào quên. Các trang xã hội như Blog và Buzz liên tục xoay quanh những cuốn sách này, và độc giả của sách dịch không ngừng quảng bá cho phát hiện mới nhất của họ.

Thu thập của chúng tôi cho thấy rằng, các nhà xuất bản lớn và các phương tiện truyền thông đang đánh giá thấp độc giả của họ. Người đọc không hề ngại các bản dịch. Hãy thử tượng tượng xem sẽ thế nào nếu trên giá sách của chúng ta thiếu đi Kafka, Marquez, Allende hay Kawabata? Bây giờ là thời điểm để chúng ta xóa bỏ đi những e ngại đối với sách dịch, lắng nghe ý kiến của người đọc, và đọc các câu chuyện được viết từ bất kỳ đất nước nào. Vương quốc Anh cần phải ném đi cái ảo tưởng thuộc địa rằng, chỉ có tiếng mẹ đẻ mới có thể cung cấp các tư tưởng vĩ đại.

Cách đây không lâu, tiếng nói văn học của phụ nữ đã chiến thắng trong cuộc chiến của mình. Bây giờ là trận chiến văn hóa mới xung quanh tiếng nói của văn học dịch và các nhà xuất bản nhỏ độc lập. Họ đã đưa cánh tay lên để thách thức và tạo cơ hội cho những người khác tham gia vào cuộc chiến này.■

VŨ THỊ HUẾ

Lược dịch theo

publishingperspectives.com

CÂU CHUYỆN VỀ SÁCH DỊCH

JOANNA ZGADZAJ và NANCY ROBERTS (Anh)

lịch sử di dân của nó, là 3%. Đáng kinh ngạc là tại Ba Lan, sách dịch chiếm 46%, sau đó là Tây Ban Nha với khoảng 24%, tiếp theo là Pháp 15%, và Đức, hơn 12%.

Anh là một xã hội đa văn hóa, với một lịch sử nhập cư phong phú và sôi động, là đất nước mà cứ 8 người thì có một được sinh ra ở nước ngoài. Xã hội Anh đã trải qua nhiều biến động trong những năm gần đây. Những thay đổi này có được phản ánh trong nền văn hóa? Có vẻ như khi nói đến tiếng nước ngoài, Anh là đất nước ít cởi mở về văn hóa nhất.

Nhận xét chung đối với thị trường sách dịch là luôn trong tình trạng khó khăn. Thường thì khách hàng tìm đọc một cuốn sách mới thông qua đánh giá về cuốn sách ấy. Tất cả các nhà xuất bản chủ yếu dựa vào những đánh giá mà nắm bắt thị trường. Và mặc dù thời của Đế quốc Anh đã đi qua, nhưng có vẻ như các phương tiện truyền thông chính thống vẫn quá bảo thủ đối với văn học dịch. Trong một cuộc họp công khai ở Anh với một tòa soạn lớn, chúng tôi đã nói về các cuốn sách của các tác giả Anh, Mỹ, và chúng tôi nhận được một câu trả lời: "Chúng tôi là một tờ báo Anh". Thật vô nghĩa để tranh luận về ảnh hưởng của văn học nước ngoài đối với Anh trong giai đoạn này. Mức độ thiếu hiểu biết và nỗi lo sợ vô căn cứ bởi các nhận xét, đánh giá đối với văn học dịch thật đáng kinh ngạc. Ngược lại với xuất bản truyền thống, các Blog lại rất chào đón và cởi mở với việc chấp nhận sách dịch.

Xuất bản sách dịch là một câu chuyện tốn kém. Nếu bạn nhận được chi phí 100% cho việc dịch, đó là sự may mắn đối với bạn. Đôi khi bạn còn chẳng nhận được gì, thậm chí còn phải đối mặt



Joanna Zgadzaj và Nancy Roberts

nổi tên của tác giả ấy? Họ có dành thời gian để quan tâm và cho những đánh giá trên các phương tiện truyền thông không?

Chưa có những đánh giá công khai, điều đó cũng có nghĩa là không có chuyện tiêu thụ. Sau tất cả những điều này, bạn có còn giữ cái quyết định cho xuất bản sách kia chăng? Nếu tác giả của bạn không được biết đến ở Anh, không thông thạo tiếng Anh, không viết về một loại hình giải trí hoặc là điều gì đó cấm kỵ trong Thiên Chúa, rất ít lễ hội văn học quan tâm đến việc sẽ cung cấp cho bạn một không gian để trưng bày. Là một nhà xuất bản, bạn chắc chắn sẽ phải suy nghĩ rất cẩn thận đối với thời gian và vùng đất mà bản dịch có thể chiếm được khi tung ra thị trường.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi sách dịch đa số được thực hiện bởi các

cho thực phẩm và năng lượng. Hiệu sách và thư viện phải đóng cửa. Các nhà xuất bản lớn ngày càng có cơ hội để phát triển quy mô. Còn các nhà xuất bản nhỏ, may mắn lắm mới có thể sống sót nổi. Amazon không được yêu thích cho lắm bởi các nhà xuất bản và nhà sách độc lập, nhưng nó lại được đa số các tác giả lựa chọn. Dù thích hay không thì Amazon vẫn có số lượng tiêu thụ sách lớn nhất. Đối với báo chí nhỏ và chúng tôi, thì Amazon là một sự khác biệt lớn với các phương tiện truyền thông đại chúng. Amazon không đưa ra các đánh giá và sẽ bán bất kỳ cuốn sách nào mà độc giả muốn mua. Có phải là các nhà xuất bản cũng nên lưu ý điều này không?

Sau tất cả những vấn đề này, cái mà chúng tôi quan tâm là sách dịch có giá trị như thế nào trong xuất bản? Nếu chúng ta không tin tưởng vào bản thân, và

WILKIE COLLINS, TÀI NĂNG ĐẶC SẮC CỦA VĂN HỌC ANH

ANH CHI

*Tặng Trần Hòa, người bạn từ thời
thơ ấu vô cùng thương quý**

WILKIE Collins sinh năm 1824 tại vùng quê Baywater của nước Anh, là con trưởng của William Collins, một họa sĩ có nhiều thành đạt, viện sĩ Viện hàn lâm Hoàng gia. Wilkie Collins có người em trai sau trở thành họa sĩ.

Thời thơ ấu, W. Collins cùng em sống ở quê với mẹ, trong khi đó, người cha sống ở ngôi nhà sang trọng tại London, thỉnh thoảng mới gửi thư về nhắc vợ con sinh hoạt tần tiện và đi lễ nhà thờ đều đặn.

Ngay từ thơ ấu, W. Collins đã không làm theo những lời người cha viết trong thư, mà sớm có tư tưởng tự do. Đặc biệt, W. Collins đã quyết không bao giờ thực hiện lời căn dặn của người cha: "Con phải tạo nên những mối quan hệ có lợi cho mình trong cuộc sống". Vào tuổi thành niên, Wilkie Collins đã mạnh dạn từ chối công việc ở các văn phòng môi giới thương mại mà người cha đã sắp xếp cho. Năm W. Collins 22 tuổi thì người cha qua đời, nên chàng trai phải tự quyết định lấy nghề nghiệp và tương lai. Những năm ấu thơ, W. Collins đã từng mơ ước thành nhà thám hiểm hoặc làm thủy thủ viễn dương. Nhưng thể chất gầy gò ốm yếu, nên không thể thực hiện được mơ ước ấy, ông quyết định sẽ trở thành nhà văn. Và Wilkie Collins đã viết tác phẩm đầu tay trong mối thương cảm đối với cuộc đời người cha: *Cuộc đời Viện sĩ hàn lâm Hoàng gia*.

Cuộc sống của Wilkie Collins là một sự pha trộn kỳ quặc những gì đáng kính với những sự tầm thường, của những ứng xử thận trọng với những hành sự táo bạo lạ lùng. Ông kết giao với những họa sĩ cùng nhóm em trai mình. W. Collins đặc biệt thân thiết với nhà văn Charles Dickens, tới mức hai người có nhiều chuyến cùng du lịch ra nước ngoài, là đồng sự trong việc làm báo nhiều năm. W. Collins vẫn thường xuyên về quê nhà để viết và sống bên mẹ. Cho đến năm 32 tuổi thì ông rời quê hương ra đi mãi mãi. Việc W. Collins dứt bỏ quê nhà là do ông bị những người ở quê chê trách đến mức sỉ nhục, bởi ông đã chung sống với Carolin Grave, một phụ nữ 20 tuổi đã có một đứa con gái và dường như có một người chồng ở đâu đó. Dù đã gần bó sấu sắc với nhau, Wilkie Collins vẫn không muốn cưới Carolin ngay cả khi nàng đã hoàn toàn tự do. Thậm chí W. Collins còn chấp nhận việc Carolin Grave lấy một người chồng làm nghề thợ hàn, và ông đã đến dự đám cưới của họ. W. Collins còn gần bó với một người phụ nữ nữa, là Martha Rudd, và họ có với nhau ba người con. Thế rồi, khi hôn nhân của Carolin tan vỡ, nhà văn tương lai lại về sống với người tình cũ.

Một thiệt thòi lớn đối với nhà văn thiên tài Wilkie Collins là thể chất của ông rất yếu ớt. Mới ba mươi tuổi, ông đã bị thấp khớp nặng, và luôn phải chịu những cơn đau đớn. Các bác sĩ xác định, đó là chứng thấp khớp tụ máu. Chống đỡ với bệnh tật, W. Collins phải gắng hết sức lực. Vậy mà, chỉ đỡ đau là ông đã viết, viết hết tiểu



thuyết này đến tiểu thuyết khác. Các nhà xuất bản luôn muốn có bản thảo của Wilkie Collins. Và, ông đã liên tiếp cho ra đời hơn ba mươi tiểu thuyết, trong đó có những bộ sách làm vinh dự cho nền văn học Anh và châu Âu, như *Đá mặt trăng* (The moonstone), và đặc biệt là *Người đàn bà trong bộ đồ trắng* (The woman in white). Ông là nhà văn đã lao động vô cùng cực nhọc và đau đớn về thể xác, bởi luôn phải dùng biệt dược có thuốc phiện liều cao, càng ngày càng cao, để giành lấy những phút êm đềm mà viết. Đến mức, trong những năm cuối đời, một liều thuốc Wilkie Collins dùng, như bác sĩ điều trị của ông nói rằng, có thể làm chết bất cứ một người nào không quen dùng từ trước... Và rồi, ngày 23-9-1889, Wilkie qua đời tại nhà riêng, có để lại bản di chúc hướng dẫn rất cụ thể việc phân chia những gì còn lại của ông.

Đám tang nhà văn danh tiếng Wilkie Collins không có nhiều người đến dự. Điều đó cho thấy cuộc đời ông chịu biết bao nỗi đắng cay. Giới có địa vị xã hội không ưa đời tư của ông. Người bạn tình Carolin Grave cùng đứa con gái đã ở bên W. Collins lúc ông qua đời. Bà Martha Rudd và ba người con mà lúc sinh thời W. Collins hay gọi là *gia đình nhỏ không môn đăng hộ đối*, cũng chỉ gửi một vòng hoa cúc trắng đến viếng ông. Một bạn gái của nhà văn, bà Millais, cảm thấy không thể đối mặt với những người trong gia đình Wilkie Collins, chỉ cho một chiếc xe ngựa chở riêng một vòng hoa đưa tang để tỏ lòng quý trọng. Nhưng, những độc giả yêu quý nhà văn đã đến tang lễ với nỗi thương cảm đặc biệt. Theo di chúc của Wilkie Collins, người ta mua một miếng đất ở nghĩa trang Kensal Green để đặt mộ ông, và một cây thánh giá bình thường dựng bên mộ chí. Không có bằng tang, không có gì cầu kỳ trong tang lễ, chi phí toàn bộ lễ tang không quá 20 Bảng (pound). Trên bia mộ, khắc tên tuổi nhà văn, và khắc thêm dòng chữ: *Tác giả "Người đàn bà trong bộ đồ trắng"...* Cách vĩnh biệt cõi đời của Wilkie Collins thật sự chỉ có vậy!

Cứ như trên bia mộ của Wilkie Collins, ta thấy nhà văn ý thức rất rõ giá trị của tiểu thuyết *Người đàn bà trong bộ đồ trắng* (NDB...), mặc dù *Đá mặt trăng* hoặc *Vô danh* (No name) cũng được người đời coi là những đóng góp rất đáng kể cho nền văn học Anh thế kỷ XIX. Tiểu thuyết NDB... là một tác phẩm bất hủ trong văn

chương Anh và thế giới, chống lại cái ác trong cuộc đời. Chưa từng có nhà văn nào thể hiện một cách tài tình cuộc chiến đấu và chiến thắng của cái thiện đối với cái ác bi tráng đến thế. Những nhân vật W. Collins sáng tạo nên đầy cá tính và hết sức sống động trong một mạch truyện cuốn cuộn, khiến tâm trí độc giả bị cuốn theo không cưỡng nổi. Nổi bật nhất là nhân vật nữ Marian Halcombe, sau này, người ta coi là một sáng tạo độc đáo của Wilkie Collins thiên tài. Nhà thơ danh tiếng của nước Anh thời đó, Edward Fitzgerald (1809-1883), do quá hâm mộ nhân vật của W. Collins, đã đặt tên cho chiếc du thuyền tuyệt đẹp của mình là Marian Halcombe. Ngay khi mới ra đời, tiểu thuyết NDB... đã trở thành tác phẩm được quan tâm đặc biệt ở cả hai khu vực, Anh và Mỹ. Tại nước Anh, bắt đầu từ ngày 29-4-1859, NDB... được đăng tải trên Tạp chí *Quanh năm* (All the years round) do Charles Dickens làm chủ bút; đồng thời ở Mỹ, nó cũng được in trên Tạp chí *Người chơi đàn hạc* (Harper's magazine). Tạp chí *Quanh năm* vốn khởi đầu một cách tuyệt diệu với việc đăng tải tác phẩm *Truyện về hai thành phố* (A tale of two cities) của Charles Dicken, và đến khi bắt đầu đăng tải NDB... thì còn tuyệt diệu hơn nữa: Tira tăng lên không ngừng. (Và sau này, đến tháng 8-1860, khi đã đăng trọn tiểu thuyết NDB..., thì ấn bản lại giảm tụt hẳn). Như một hiện tượng xã hội lớn, hàng ngày, người xếp hàng đông đúc trước tòa báo *Quanh năm* ở Anh, và tòa báo *Người chơi đàn hạc* ở Mỹ, để đón mua kỳ tiếp theo của NDB... Thủ tướng Anh thời đó là Gladson đã có lần hoãn một buổi hẹn để được đọc ngay phần tiếp theo của tiểu thuyết NDB... Khi bộ tiểu thuyết này được in thành sách, gồm ba tập, Hoàng tử Albert đã là người mua sớm nhất, và ông còn gửi tặng một bộ cho người bạn thân thiết nhất của mình là Nam tước Storkmar. Tác phẩm NDB... nhanh chóng được dịch ra nhiều thứ tiếng, in ở khắp châu Âu, và ở đất nước nào cũng được độc giả vô vấp, quý trọng. Ở nước Nga, Wilkie Collins được hoan nghênh rất nhiệt liệt. Về sau, các nhà điện ảnh Xôviết đã dựng tiểu thuyết NDB... thành một tác phẩm điện ảnh lớn, và một lần nữa, các nhân vật do W. Collins sáng tạo nên, lại làm rung cảm hàng triệu trái tim của người dân Xôviết...

Sau khi xuất bản NDB... Wilkie Collins trở thành người có danh tiếng bậc nhất trong các văn nghệ sĩ nước Anh đương thời. Công chúng luôn sẵn đón ông để tỏ lòng ngưỡng mộ. Khi đó, nhiều người đã coi Wilkie Collins và Charles Dickens là hai thiên tài văn chương của nước Anh, có sự cạnh tranh nhau trong nghề nghiệp và hầu như kẻ tám lạng người nửa cân... Nhưng, cũng từ sau khi xuất bản bộ tiểu thuyết ấy, sức khỏe của W. Collins cạn kiệt nhanh chóng. Mười lăm năm cuối đời, ông như một người tàn phế, mòn mỏi trong bệnh tật và những đau khổ trong tình cảm riêng tư. Cách vĩnh biệt trần thế của Wilkie Collins thật lặng lẽ và khiêm nhường. Vâng, thật khiêm nhường, bởi ông di chúc cho việc dựng bia mộ của mình, chỉ ghi tên một tác phẩm là *Người đàn bà trong bộ đồ trắng*. Có thể, chính Wilkie Collins biết rằng, bộ tiểu thuyết này sẽ thay ông sống mãi trong thế giới con người. Thực tế cho thấy, hơn một trăm sáu mươi năm qua, nhiều thế hệ bạn đọc văn chương ở nước Anh cũng như nhiều nước trên thế giới vẫn yêu quý, say mê thiên tiểu thuyết đặc sắc đó. Và, như cách nói của nhà thơ kiêm kịch tác gia kiệt xuất người Anh (gốc Mỹ), Thomas Eliot (1888-1965), giải Nobel về văn chương năm 1948, *Người đàn bà trong bộ đồ trắng* là thiên tiểu thuyết hay nhất thời đại của Wilkie Collins, và nó mãi mãi là một thiên tiểu thuyết bị kịch rực rỡ!■

* Trần Hòa là bạn của người viết bài này, từ hồi bé. Anh làm việc ở TTXVN, đã qua đời mấy năm trước. Chính Trần Hòa mua được sách "The woman in white" từ Mianma đem về cho tác giả.

MỖI TUẦN GẶP MỘT NHÀ VĂN

Nhà văn Mai Vui tên khai sinh Đỗ Hùng Quang. Sinh năm 1926. Quê quán: thôn Phương Diêm, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, Hải Dương.

Tác phẩm đã xuất bản: *Quãng đời niên thiếu* (tiểu thuyết, 1958); *Những trận đánh này lửa* (tập truyện, 1964); *Người con gái Hàm Rồng* (truyện ký, 1967); *Anh bộ đội cụ Hồ* (tuyển tập ký sự, 2000); *Người chiến sỹ Điện Biên năm ấy* (tiểu thuyết, 2003); *Truyện ngắn Mai Vui* (2004) cùng nhiều tập truyện ngắn, truyện vừa, hồi ký, ký sự và tiểu thuyết.

Giải thưởng văn học: Giải Nhì báo *Quân đội Nhân dân*. Giải Ba cuộc thi *Truyện ngắn báo Hải Phòng* kiến thiết năm 1963. Giải Khuyến khích cuộc thi *Truyện ngắn báo Văn nghệ* năm 1996. Giải Ba UBTQ LHCH VHNT Việt Nam năm 1998.

LẶNG LẼ MAI VUI



LÊ LỰU

TRONG đời văn, đời báo của mình, tôi may mắn gặp được hai loại bậc thầy. Bậc thầy thứ nhất là cụ Hồng (nhà văn Nguyễn Hồng), cụ Hoài (nhà văn Tô Hoài), anh Khải (nhà văn Nguyễn Khải)... đó là những người tôi kính trọng tài năng văn chương và khai tâm cho tôi những kinh nghiệm viết lách, nhiều khi có giá trị như khuôn vàng, thước ngọc; loại bậc thầy thứ hai là người đã *phát hiện* ra tôi, tựa đỡ cho tôi từ những bài báo, câu văn đầu tiên, gần bỏ buồn vui với tôi cho đến tận hôm nay. Anh Mai Vui, nhà văn Mai Vui, Tổng biên tập báo Quân khu Ba của tôi thuộc diện thứ hai này.

Đầu những năm 1960, khi tôi còn là một cậu lính trẻ, yêu mê yêu mẩn văn chương mới chỉ được đăng vài mẩu tin, mỗi mẩu dăm ba chục từ thì anh Mai Vui đã có nhiều truyện ngắn, ký sự được đăng trên các tờ báo Văn nghệ trung ương và có hẳn một cuốn tiểu thuyết *Quãng đời niên thiếu* in hơn 10 ngàn cuốn do nhà xuất bản Lao động ấn hành. Về cuốn tiểu thuyết này, khi sinh thời cụ Nguyễn Hồng rất thích, cụ nói: "đọc thương lắm, cứ như cửa vào lòng người". Còn nhà văn Tô Hoài với bút danh là Hồng Hoa cũng đã viết *lời bạt* dài đến hơn 500 từ đánh giá là một cuốn sách hay, cảm động.

Tôi về báo Quân khu Ba trong những ngày đầu chống chiến tranh phá hoại của Mỹ. Khi đó anh Mai Vui đang làm thư ký tòa soạn. Anh đón tôi thật thân tình. Tôi còn nhớ mãi câu đầu tiên anh động viên tôi: "Lê Lưu viết báo rất có văn. Mọi người trong tòa soạn rất hy vọng ở Lưu". Ôi trời! Một người mới chân ướt chân ráo về báo mà được sếp cho được mấy lời như vậy thật sung sướng đến mức chả ăn cũng thấy no. Nhưng ngay sau đó gặp trục trặc lớn, vì tôi chưa là sỹ quan, không thể vào biên chế của báo. Anh Mai Vui đã trực tiếp lên gặp chính ủy Nguyễn Quyết, thế là tôi là anh hạ sỹ quan được nhận, trước đây chưa có tiền lệ nào. Năm sau, Hội Nhà văn mở lớp bồi dưỡng viết văn khóa 2, tôi và anh Mai Vui cùng được triệu tập. Tòa soạn báo lúc ấy chỉ có 5 người. Anh Mai Vui đã để tôi đi học trước. Bây giờ tôi vẫn nghĩ, nếu cuộc đời tôi không gặp được người thủ trưởng như anh, chắc chắn đã rẽ sang hướng nghề nghiệp khác.

Những năm chiến tranh, khái niệm nhà văn, nhà báo thật khó phân biệt cho thật rõ ràng. Nhà báo viết văn, nhà văn viết báo, nhà báo thành nhà thơ, nhà văn nổi tiếng cũng không ngại viết một bài báo ngắn, nóng hổi tính thời sự chỉ có mấy chục từ. Là thư ký tòa soạn nhưng anh Mai Vui lăn lộn với mọi vùng đất của quân khu ba rộng lớn. Anh đã bám trụ sở Hàm Rồng - Nam Ngạn gần hết năm 1967 viết hàng chục bài cho báo Quân khu Ba, báo Quân đội nhân dân và hoàn thành tập truyện vừa *Người con gái Hàm Rồng*. Truyện viết về anh hùng Ngô Thị Tuyến. Có lần đi công tác vào Thanh, đến trường bố tức văn hoá của tỉnh đang sơ tán tại xã Quảng Giao, huyện Quảng Xương, gặp chị Ngô Thị Tuyến, tôi được nghe chị kể, trong những người viết về chị, anh Mai Vui là người viết thật nhất và hay nhất. Cố nhà văn Hoàng Văn Bồng khi làm phim về Hàm Rồng cũng đã tham khảo cuốn sách này.

Đi và viết đối với Mai Vui là một lẽ sống. Trên đường đi làm báo anh đã viết được những truyện ngắn thật cảm động, cốt truyện giản dị, câu chữ không nhiều nhưng day dứt, lay thức và ấn tượng. Đó là các truyện *Đại đội trưởng của tôi* (giải thưởng báo Quân đội nhân dân), *Dòng sông xanh ngắt*, *Màu xanh kỳ lạ*, *Lấp lánh biển khơi*, *Tia nắng* (Giải thưởng cuộc thi truyện ngắn 1967 của báo Văn nghệ)...

Truyện *Tia nắng* là một truyện ngắn hay lung linh

vực hiện như cái tên của nó. Hiện, một cô gái dân quân xinh đẹp khỏe mạnh và gan dạ yêu tha thiết anh chàng Khuê, một lái xe 28 tuổi, tinh tinh lắm lì, bậm trợn, coi tàu bay Mỹ như tàu bay giấy. Tình yêu của Hiện đam mê, lo lắng khi hàng đêm Khuê lái xe qua lại bến phà trọng điểm. Nhưng đáp lại tình yêu nồng cháy và vị tha của Hiện (Hiện biết Khuê có vợ và hai con bị bom Mỹ giết hại đã mấy năm), Khuê khá rụt rè. Rụt rè nhưng âm thầm say đắm. Phải chăng đối với Khuê, Hiện chưa phải là một vật nặng chối chang mà mới chỉ là một tia nắng nhỏ. Giữa họ vẫn cần những thử thách mới mà thử thách trên điểm nút của cuộc sống như ở nơi bến phà trọng điểm này là thử thách sống còn.

Anh Mai Vui cũng có một thời gian dài đi viết ở chiến trường Trị Thiên. Anh đã được tận mắt chứng kiến những trận đánh ác liệt của quân ta ở trận Khe Sanh và anh đã cùng hai tác giả Đỗ Trí, Tô Văn viết chung cuốn ký sự *170 ngày đánh Mỹ ở Khe Sanh*. Riêng anh còn có tập truyện vừa, tạo được tiếng vang hồi đó. Cuốn *Từ một góc Tà Cơn* (Nxb Văn học). Tôi có một lời nhắn nhủ với các đạo diễn làm phim truyền hình về đề tài chiến tranh chống Mỹ, nếu các vị muốn dựng một cái đồn giặc, vài góc phòng tuyến của địch và của cả ta nữa một cách chi tiết và chân thực thì nên tham khảo thêm cuốn *Từ một góc Tà Cơn*. Ở đó nhà văn Mai Vui đã quan sát rất kỹ, viết rất kỹ về hiện thực chiến trường. Một góc thôi nhưng sinh động và phổ quát.

Trong sáng tác của nhà văn Mai Vui, mảng tác phẩm về đề tài Điện Biên Phủ là mảng lớn, có đến gần 10 tác phẩm. Đó là *Đường vào Tây Bắc* (tiểu thuyết), *Chuyện nhỏ ở Điện Biên* (tiểu thuyết), *Những trận đánh này lửa* (tập truyện ngắn), *Kể chuyện Điện Biên* (ghi chép), *Anh bộ đội cụ Hồ* (truyện vừa), *Chú bé Điện Biên Phủ* (truyện thiếu nhi)... Viết được nhiều như vậy bởi chính Mai Vui là chiến sỹ Điện Biên ngay từ khi chiến dịch còn đang chuẩn bị. Mùa thu năm 1953, anh là một chính trị viên đại đội trong cánh quân đầu tiên tiến vào Tây Bắc. Những chặng đường hành quân ngày ấy được anh viết lại như một tự truyện trong tiểu thuyết *Chuyện nhỏ ở Điện Biên*. Một cuộc hành quân vất vả từ mùa thu nắng vàng rực rỡ sang mùa đông mưa phùn gió bắc, đường dốc cheo leo như đi lên trời. Các anh đi qua những bản làng bị đốt cháy trụi, đi qua những trọng điểm bom đạn cay lên, xối xuống "máu trộn bùn non" (Tố Hữu) để rồi vào Điện Biên, để rồi lùi ra xa Điện Biên hơn một chút, tạo thế chiến lược mới. Những trang viết của anh về thời đoạn cam go cần thiết phải *giải quyết* đối A1 để đại quân tiến vào khu trung tâm Mường Thanh là những trang viết bi hùng. Đó là cuốn phim trên giấy thể hiện sự chỉ huy quyết đoán, sáng tạo từ *soái phủ* Mường Phăng và tinh thần hy sinh quả cảm, trí tuệ chiến tranh nhân dân trong mỗi người lính tiến công tiêu diệt hỏa điểm quan trọng bậc nhất của địch trước cửa ngõ trung tâm Mường Thanh. Ở mặt trận này, Mai Vui đã bị trọng thương. Viên đạn ác nghiệt ngày ấy vẫn còn đầu đó trong lồng ngực của người thương binh bậc 2/4 Mai Vui cho đến hôm nay. Trong dịp tuyên dương công trạng mừng khai hoàn đại thắng Điện Biên Phủ, Mai Vui được vinh danh là Chiến sỹ thi đua toàn mặt trận, được vinh dự đứng trong топ 4 chiến sỹ thay mặt cho toàn quân nhận cờ *Quyết chiến, quyết thắng* của Bác Hồ do Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp trao tại mặt trận Điện Biên. Bức ảnh lịch sử này hiện đang được trưng bày tại Bảo tàng Quân đội và Bảo tàng tỉnh Điện Biên.

Có thể nói rằng, trong các nhà văn quân đội, nhà

văn Mai Vui là người топ đầu gắn bó với mảnh đất Quân khu Ba. Từ báo quân khu khi anh làm thư ký tòa soạn rồi tổng biên tập là thời kỳ *thu nạp* được nhiều cây bút từ cơ sở nhất. Trong số này không ít người đã trở thành nhà văn, nhà báo tên tuổi. Anh cũng là người chủ trì trong việc mở trại sáng tác viết *Kỷ niệm sáu sắc chống Mỹ, cứu nước* đầu tiên của toàn quân. Anh còn ra được cả một chuyên san Văn nghệ Quân khu Ba và tuyển tập các truyện *Kỷ niệm sáu sắc chống Mỹ, cứu nước* của Quân khu Ba. Tôi nghĩ, các nhà văn, nhà báo như Tô Phương, Từ Nguyên Tĩnh, Huy Trụ, Lương Hiến, Lê Ngọc Minh, Hoàng Thanh, Thế Hưng, Lê Tâm, Lê Thụy, Vũ Bá Nhĩ... những người đã trưởng thành từ báo Quân khu Ba, từ trại viết *Kỷ niệm sáu sắc chống Mỹ, cứu nước* của Quân khu Ba, chắc cũng có tình cảm đồng đội, đồng nghiệp và thấy trò với anh Mai Vui như tôi. Chắc chắn thế.

Khi nghỉ hưu, nhà văn đại tá Mai Vui về thành phố Hải Phòng sống với con cháu. Nghỉ hưu rồi nhưng anh không nghỉ viết. Vẫn viết. Vẫn tiếp tục đào bới những ký ức từ thời Điện Biên và cho ra đời thêm 3 đầu sách. Trong số này cuốn *Chuyện tình thu ấy* được Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam trao giải Ba. Mảng truyện thiếu nhi mà anh có duyên từ năm 1958 với tiểu thuyết *Quãng đời niên thiếu* cũng được dành nhiều thời gian. Anh viết về các cháu nội ngoại trong nhà, giữ đúng tên chúng nó. Đó là những câu chuyện trẻ thơ vui nhộn đồng đánh, ngộ nghĩnh, ước mơ trong bầu không khí yêu thương đầm ấm và lo toan của người lớn. Trong thời gian này, tôi tá túc tại tư gia nhà văn Mai Vui để viết hai cuốn sách *Sóng ở đây sông* và *Chuyện làng Cuội*. Những lúc trang viết cần dừng để nghĩ ngợi thêm, tôi lại gặp cảnh ông ngồi giữa đám cháu, đứa bá cổ, đứa đòi kể chuyện... và ông lại rủ rỉ kể chuyện. Những đôi mắt tròn vo, những cái miệng cười toe toét của lũ trẻ khoái chí lĩnh hội từ người ông yêu quý của chúng trông thật nhân từ, thanh bình. Ấy thế rồi, sau đó không lâu, ông lão kể chuyện, nhà văn Mai Vui lại có những truyện ngắn thiếu nhi đặc sắc: *Chú bé Điện Biên*, *Tu Ty đi bộ đội*, *Cô bé và con mèo hoang*, *Con gà mái lông sỏ*... Những câu chuyện đó góp phần làm dày thêm danh mục gần 20 đầu sách sáng tác của nhà văn.

Mấy năm nay anh Mai Vui *nằm một chỗ*. Mặc dù thừa hưởng được của cụ tổ, danh nhân lịch sử văn hoá tiến sỹ Đỗ Quang (chí sỹ Cần Vương, phó chỉ huy dưới trướng cụ Trương Định), của thân sinh là cụ Đỗ Biển những bài thuốc gia truyền cực quý, nhưng nhà văn cũng không thể tự chữa cho mình được nữa. Đó là bệnh già và cả những di chứng do viên đạn địch từ hồi 1954 còn trong lồng ngực.

Nghe tin nhà văn đang điều trị ở Viện 108, tôi và nhà văn Lương Hiến đến thăm anh. Anh gầy quá, chỉ còn đôi mắt là còn lấp lánh, lanh lợi. Nén nỗi quặn đau và nuối tiếc, tôi vẫn không kim được nước mắt khi nắm tay anh. Nhà văn Lương Hiến là người can trường, anh có tiếng nói ấm và vang như chuông, có vóc người chắc lẳn như thiết cấu bằng cốt đồng và nụ cười lạc quan như tia nắng ấm. Anh đỡ đầu nhà văn Mai Vui lên, đưa cuốn *Đường vào Tây Bắc* vừa đủ tầm nhìn mà nhà văn có thể đọc được. Mai Vui run rẩy ôm lấy cuốn sách. Nhà văn Lương Hiến rủ: "Lên thăm Điện Biên nhé!". Đôi mắt của nhà văn Mai Vui như bừng sáng lên. Anh xúc động nói chậm, rõ ràng: "Yếu rồi, không đi được nữa. Nhưng mà nhớ lắm. Nhớ lắm!".

TẠ BÁ HƯƠNG

Mưa đồng làng

Đồng làng vừa mới gặt xong
trả người chắc mẩy mà đồng rét dài
hạt mầm ngóng phía giêng hai
sà cây ngô giữa sân chai tay cầm

xoay tròn tính vụ quanh năm
qua nắng nỏ, lại cầm cầm rét về
chiêm mùa sắp mặt ven đề
buồn vui qua những bộn bề lo toan

về xin làm giọt mưa chan
hương mùa, hương đất giờ ngan ngát đầy
từng vuông ruộng hẹp chỉ tay
từng bông lúa đang khô gầy mẹ ơi

thì thầm khúc nhạc mưa rơi
từ trong nứt nẻ vọng lời hoan ca
nỗi niềm cũng nở thành hoa
mà trong mắt mẹ như là bão quăng

người về cầm sợi mưa giăng
vẫn làng xóm, vẫn thơm hương đất đồng
mùa đi thút thít bên sông
cho người thẫn thờ ngóng trông cuối làng

tựa lưng vào phía mưa sang
mưa hay nước mắt đồng làng đang rơi
hạt nào buồn, hạt nào vui
hạt nào...
để nhớ khoảng trời quê xưa?

Chị

Trắng vành khăn giữa nghĩa trang
nghĩa trang bước chị chiều loang, nắng nhòa

hồn anh thức với cỏ hoa
cái gần lại hoá cái xa bời bời

ven làng vắng tiếng đưa nôi
chị nghe từng giọt mặn rơi xót lòng

đào mồ chôn nhờ theo mong
nỗi đau đi trọn một vòng nỗi đau

nét mềm con gái xưa đâu
giờ duyên hết mặt, hương trấu hết cay

bầu vào hư ảo mà say
bàn tay cuốc nặng đường cày lật mưa

gánh chiều đắp đổi sang trưa
một duyên phận chị, một thừa lo âu

lại về thức giữa canh thâu
xoè tay chị lạnh và khâu... nỗi niềm.

Thôi em

Thôi em phận cô phiêu bồng
đừng nói thêm nữa cho lòng anh đau

thôi em chẳng phải của nhau
đừng cân đo đếm nông sâu làm gì

thôi em đừng có ước mơ
anh như cánh gió thiên di tháng ngày

thôi em đừng có hao gầy
hãy coi như chuyện của ngày không đâu

giờ về buộc kín nỗi đau
xa em, anh với canh thâu
thức cùng.



Với quê

Ta về với chốn phồn hoa
phố đông đúc thế như là xa xôi
đối gian cả những nụ cười
thì đâu tìm được nhúm người mà quen

ta từ bùn đất lấm lem
từ trong rơm rạ đồng chiêm mà về
biết rằng đâu cũng là quê
tự nhiên thêm ngum nước khe đầu nguồn
nỗi buồn rỗng ruột nỗi buồn
ở quê giờ chắc chuẩn chuẩn đương ra
áo sông dệt tím hoa cà
bước chân ngấn giọt phù sa mờ màu
mê rừng gửi lại nùm nhau
thời gian như một chuyến tàu đi xa

bây giờ sống giữa phồn hoa
ta như viên sỏi bị va đập nhiều
trái tim vỡ vạc bao điều
người chen chúc phố vẫn nghèo tri âm
trong mơ hoà mạch nước ngầm
ngược về rung nhịp bóng trăng ngân vang

giữa miền nắng dội chang chang
với quê ta nguyện đa mang, nợ nần.

NGƯỜI CỦA MỘT THỜI

CHUYỆN LẠ VỀ ANH TƯ MAO

NGUYỄN TRẦN THIẾT

CÁM lệnh triệu tập do chính Tổng Tham mưu trưởng
kỳ, Viện trưởng Viện Quân y 108 và bác sỹ Nguyễn
Huy Phan đoán mãi vẫn không tìm ra nguyên
nhân. Nếu một lãnh tụ nào bị ốm hoặc cần điều động các
anh đi B, Tổng Tham mưu trưởng chỉ cần gọi điện thoại
là các anh (hoặc người thay thế các anh) sẽ có mặt ở nơi
quy định, tại sao lại chỉ định đích danh tên các anh?

Đồng chí Tổng Tham mưu trưởng đã chờ trước ở
điểm hẹn. Ông vào để:

- Có một cán bộ tình báo hoạt động trong lòng địch,
bị địch bắt, đã vượt ngục và hiện đang có mặt ở Hà Nội.
Bộ Quốc phòng chủ trương tung đồng chí này trở lại địa
bàn cũ. Muốn thế, các anh phải lo hoá phép thay hình đổi
dạng cho đồng chí Tư, làm sao để kẻ địch và người thân
đều không nhận ra đồng chí Tư nếu gặp ở ngoài đường.

Bác sỹ Nguyễn Huy Phan đưa ra ý kiến:

- Xin phép cho tôi được hỏi: đồng chí Tư trạc bao
nhiều tuổi, người béo hay gầy; trên khuôn mặt có đặc
điểm gì không?

Tổng Tham mưu trưởng giải đáp, giọng nghiêm khắc:

- Tư không phải là tên thật của đồng chí cán bộ tình
báo của ta. Các anh không được phép hỏi bất cứ
điều gì liên quan đến công tác của Tư như: quê quán;
địa bàn hoạt động; nghề nghiệp v.v. Các anh sẽ gặp vô
vạn khó khăn vì không được thành lập kịp mỗ; không hội
chấn; không cho Tư giao tiếp với ai (điều này anh Tư
hứa thực hiện chu đáo); không để các thương binh,
bệnh binh, các bác sỹ, y tá trong khoa anh Phan biết là
anh Tư đang chữa bệnh, mục đích điều trị. Tôi sẽ mời
anh Tư ra gặp các anh ngay tại đây.

Bác sỹ Phan cảm phục trước quyết tâm của người
bạn mới. Nếu không vì nhiệm vụ cách mạng đòi hỏi, thì
không một người nào chấp nhận đau đớn qua mỗ xẻ để
nhận lấy hậu quả là mình sẽ già đi, xấu đi. Anh nói với
anh Tư, đồng thời cũng là phác thảo ý định của mình
báo cáo với Tổng tham mưu trưởng và Viện trưởng:

- Lương tâm người thầy thuốc không cho phép tôi
làm khuôn mặt anh biến dạng. Tôi tin là sau phẫu thuật,
anh Tư sẽ trẻ hơn, đẹp trai hơn nhưng tôi xin nói trước
là tôi không thể trả lại anh khuôn mặt cũ sau khi tôi đã
biến cặp mắt hai mí của anh thành một mí, đắp cho mũi
anh cao hơn; tạo cho cằm anh không còn bị lẹm nữa.
Khó khăn duy nhất là cái đầu hói của anh. Tôi không để
anh đội tóc giả và cho đến giờ phút này, tôi chưa biết là



có loại thuốc mọc tóc nào có hiệu quả nhất để đặt mua.
Viện trưởng Viện Quân y 108 tiếp lời:

- Chúng tôi sẽ để anh Tư ở phòng riêng, làm bệnh
án ghi là anh mắc bệnh truyền nhiễm, dễ lây nên phải
cách ly. Ở khoa anh Phan có bà y tá là đảng viên, chiến
sĩ thi đua trạc 50 tuổi tên là Nguyệt. Chị Nguyệt sẽ phục
vụ riêng anh Tư. Về loại thuốc mọc tóc, chúng tôi sẽ
thăm dò các bạn đồng nghiệp.

Tổng tham mưu trưởng cũng thêm vào:

- Tôi sẽ hỏi các anh bên Bộ Y tế, Bộ Ngoại giao xem
có loại thuốc nào hiệu nghiệm không? Trước mắt, anh
Phan cứ tiến hành như dự kiến. Nếu chị Tư có bắt đến,
tôi xin đứng ra bảo lãnh.

Bác sỹ Nguyễn Huy Phan đưa khách về Viện Quân y 108.
Trong cuộc đời làm thầy thuốc của anh, lần đầu tiên
anh mỗ cho một người khoẻ mạnh hoàn toàn. Anh đưa
anh Tư xem mấy tấm ảnh:

- Đây là cặp mắt của anh. Nếu tôi làm như thế này,
anh sẽ trông giống người Trung Quốc hay Nhật Bản hơn
người Việt Nam.

- Như vậy rất tốt, tôi đồng ý.

Vài ngày sau, bác sỹ lại trao đổi với anh Tư:

- Cuộc phẫu thuật hôm nay sẽ kéo dài hơn. Tôi sẽ
rạch cằm anh, độn thêm vào. Như vậy từ khuôn mặt có
cằm lưỡi cày trở thành tròn trĩnh, đầy đặn. Anh sẽ phải
nhịn ăn cơm, chỉ được ăn chất lỏng vài ngày.

- Không hề chi, tôi chịu được...

Sau năm lần lên bàn mỗ, anh Tư đã trở thành người

khác. Đôi gò má nhô cao của anh đã được bác sỹ phù
phép san bằng. Điều oái ăm nhất là tất cả các loại
thuốc quý, mua từ nhiều nguồn khác nhau đưa về cho
anh Tư uống nhưng tóc vẫn không mọc được. Bác sỹ
Nguyễn Huy Phan lại đưa ra phương án:

- Tôi sẽ lọc mảng da đầu có tóc ở phía sau đắp lên
phía trước.

- Nếu vậy tôi sẽ bị hói sau ót?

- Chỉ cần nửa tháng sau, tóc ở trên đầu anh sẽ mọc
cả phía trước, phía sau.

Anh Tư mừng ra mặt:

- Xin cảm ơn bác sỹ. Ta tiến hành ngay, càng sớm,
càng tốt.

Anh Tư nhả những hạt sỏi trong miệng ra. Từ ngày
vào viện, anh đã nghiêm túc ngâm sỏi để tập cho giọng
nói của mình khác trước.

Tôi đã gặp giáo sư, tiến sỹ Nguyễn Huy Phan, để ra
với anh câu hỏi:

- Cho tới hôm nay anh đã biết tên thật và nhiệm vụ
của anh Tư chưa?

Giáo sư đáp:

- Khi tiếng nói anh Tư khác trước, chúng tôi mới các
bạn thân của anh đến thăm. Vẫn còn một đồng chí nhân
ra bạn cũ do vết sẹo và nét riêng của lông mày. Anh Tư
lại trải qua hai lần phẫu thuật nữa để anh thay hình đổi
dạng hoàn toàn. Vì nguyên tắc giữ bí mật quân sự, tôi
không tò mò về lý lịch anh Tư nhưng sau đại thắng 30-
4-1975, tôi đã biết rõ về anh.

- Anh kể đi. Vì sao anh Tư phải chịu cực hình như vậy?

Quả là vào thời điểm đó không ai đủ mọi điều kiện
thay thế anh Tư Mao. Anh là thuyền trưởng chuyên chở
vũ khí từ miền Bắc tiếp tế cho miền Nam. Tìm kiếm ở hải
quân sẽ có không ít đồng chí thông thạo đường biển,
quen sang gió, có thừa dũng cảm, mưu trí đối đầu với
tàu địch hay bọn tuần tra trên biển. Tuy nhiên không có
ai đã là cán bộ nắm vững, thông thạo mọi đường đi lối
lại, ở khu vực giao hàng. Anh Tư Mao xuất hiện ở địa
bàn cũ. Không một tên an ninh, mật vụ nào nhận ra anh.
Anh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ củ mình. Chính
vợ và các con anh (do ta cố tình không báo trước) đã
không nhận ra đồng chí thứ trưởng là Anh hùng lực
lượng vũ trang nhân dân lại chính là anh Tư Mao.

Anh Tư Mao là một trong những trường hợp thay hình
đổi dạng thành công nhất của các chiến sỹ hoạt động
trong lòng địch của chúng ta.■

BẢN LUÂN VŨ CUỐI CÙNG

Truyện ngắn của NGŨ YÊN

Vào một chiều cuối năm, theo lời mời của cô gái, tôi tìm đến nhà để nghe nhạc. Loanh quanh mãi ở hương lộ 40 - Quận 12 lăm ngổ ngách, rốt cuộc mới tìm ra được. Đứng trước cổng ngôi nhà, bên trong im lìm, một vài chú gà tây đi thong thả trên sân cỏ. Màu vôi bạc phéch của những bức tường, loang lổ theo thời gian khiến cho khung cảnh toà nhà thêm trầm uất.

TUY vậy vẫn còn thấy dấu tích của một thời huy hoàng của chủ nhân nó qua những gì còn lại: một hồ cá hình bán nguyệt đầy lá khô lênh đênh, một nhà thủy tạ có bức tượng mỹ nhân ngư, một cái garage... tất cả đều cũ kỹ rêu phong, dường như bị lãng quên không người chăm sóc?

Lúc ở buổi tiệc nhà người bạn, nhớ lại câu nói của cô gái trong lần gặp gỡ: - Khi nào rồi rảnh mời anh đến nhà chơi. Tôi nghĩ đây chỉ là lời mời xã giao, nên không chú tâm, nhưng khi nhớ lại mái tóc dài đen huyền và đôi mắt tròn đen láy của cô gái, cứ ngồi im lặng như một cái bóng, mặc cho mọi người nâng ly chúc tụng, cô cứ say mê đệm đàn phục vụ, làm tôi cảm động: *Cuộc mưu sinh của người nghệ sỹ sao mà nghiệt ngã quá!* Và tự dưng đôi chân dẫn đến đây.

Toà nhà với không gian ư tịch này, làm tôi hơi ngái ngại nhưng đã lỡ rồi, đang do dự, bỗng bên trong có tiếng réo rất dương cầm vọng ra: một âm thanh quen thuộc điệu luân vũ của bài *Le beau Danube bleu*, bài này vốn có giai điệu rất tươi trong, nhưng tiếng piano này nghe hơi buồn...

Tôi đi men theo bờ tường, đôi chân lẩn theo tiếng nhạc. Qua ô cửa sổ loáng thoáng những dây leo có loài hoa màu tím: Một người con gái đang say sưa đàn, mái tóc nàng đen mượt rũ xuống, lắc lư theo tiếng nhạc. Không ngờ trong toà nhà cũ kỹ này, lại có một tiếng đàn sang trọng quý phái như thế, nó làm toà nhà như có sức sống trở lại, tôi không dám bước vào, vì sợ phá tan đi nguồn cảm hứng của nàng. Bất chợt cô gái cúi xuống, vẫn mái tóc buông lơi, người nàng ngả sang một bên như cuốn theo cơn gió. Bài *Célèbre valse* của Brahms được trỗi lên bất ngờ bằng cung mi giáng trưởng, vừa trầm hùng vừa bi ai, đôi bờ vai nàng run lên theo tiếng nhạc... Bản nhạc chấm dứt, cô gái dựa vào ghế ngồi một cách uể oải, nhìn lơ đãng ra vườn, chợt thấy tôi, cô reo lên: - A, thấy Nguyễn, đến hồi nào em không biết?

- Nghe cô đàn hay quá! say mê đến nỗi phải tôi phải bất lịch sự như thế này đây?!

- Anh Nguyễn đến thật bất ngờ??
- Tôi cũng vậy, không ngờ mình lại đến đây, rất bất ngờ khi nghe lại cô đàn, lần trước ở buổi tiệc ồn ào quá. Cô ngạc nhiên là phải, vì tôi sắp trở lại Nha Trang để dạy, nghĩ mình cũng không có dịp gặp lại cô?

- Cảm ơn anh, căn nhà này từ lâu rất ít tiếp khách, nó giống như một căn nhà mồ... Anh là người đầu tiên Ngọc Lan tiếp đó!? - Nàng bỗng thở dài không biết chuyện gì, khi vào phòng khách tôi mới nói: - Tôi đến khá lâu, nghe Ngọc Lan đệm bài Dòng sông xanh, rồi tới bài Valse số 13 nghe hay quá, bài valse này làm tôi xúc động nhiều lắm, nó đưa tôi về một thời sinh viên mơ mộng nhiều kỷ niệm... Nhưng thôi, bữa nay chúng ta gặp nhau là để nghe nhạc như lời hứa phải không Ngọc Lan?

Nàng cười nhẹ gạt đầu, rồi quay người sang cây đàn, bàn tay ngà thoăn thoắt trên phím dương cầm, vẫn điệu luân vũ trữ tình: âm thanh bài *Les flots du Danube* vang lên, tôi nghe tâm hồn lâng lâng như trôi trên sông, âm thanh chừng như hoà lẫn vào mái tóc tuyệt đẹp của nàng. Nhìn sân vườn tuy hoang sơ, nhưng khá đẹp, tôi muốn đi dạo một lát nhưng cô từ chối.

- Cô không đi thì thôi, tôi ngồi đây ngắm ra cũng được.

Thoáng thấy Ngọc Lan có vẻ buồn buồn, nên tôi chiều lệ: - Tôi rất thích piano, nhưng không biết chơi, giờ thì đã muộn rồi phải không Ngọc Lan? Không ngờ nàng thốt lên những câu nghe triết lý quá:

- Trong âm nhạc không có sự muộn màng nào cả, chỉ cần có một người biết thưởng thức là hạnh phúc rồi anh ạ, em chỉ mong thế! Lời nói của cô làm tôi chùng xuống, không biết có điều gì cô còn day dứt lắm?! Trước khi từ giã, cô cho tôi mượn quyển dương cầm của Czerny để xem. Cô không tiễn tôi ra cổng. Tôi tự hỏi hay mình đã làm gì khiến cô phật ý?

Nhiều tháng trôi qua, những cử chỉ và hình ảnh cô gái cứ ám ảnh quẩn quýt trong đầu tôi mãi. Mùa thu năm sau, khi về Sài Gòn, nhân có chuyện phải qua Gò Vấp, tôi trở lại khu Đồng Tiến - hương lộ 40 tìm cô để thỏa chí tò mò của mình "Mình có cái cơ trả lại quyển sách dương cầm của cô khi ấy." tôi thầm nghĩ như vậy.

Trước cổng vẫn hoang vắng đìu hiu như cũ, tôi gọi mãi không thấy ai... Chờ lúc lâu, có một bà già bước ra, vẻ mặt ngạc nhiên. Tôi liền nói: - Châu là bạn của cô Ngọc Lan, năm trước có ghé đến đây chơi một lần, chắc bác còn nhớ? (hỏi



Minh họa của VŨ ĐÌNH TUẤN

là hỏi vậy, thật ra lần ấy tôi cũng không biết bà này).

Bà nhìn tôi như dò xét và hỏi nhỏ: - Cậu đây ...có phải là cậu Nguyễn không?

- Vâng, chính cháu.

- Tôi là dì của Ngọc Lan, mời cậu vô nhà. Nói xong bà quay đi hấp tấp làm tôi sốt ruột, linh tính có điều gì không hay?

Trong lúc hai người ngồi tĩnh tọa trong phòng khách, bà mới kể: Tôi nghe Ngọc Lan có nhắc đến tên cậu và tôi biết có nhiều chuyện cậu còn ầm ứ trong lòng lắm? Nhưng hãy nghe tôi nói... tôi là dì nó, nhưng bao năm xem như là mẹ nó. Năm 1964, cha nó là diễn viên trong đoàn Văn công Giải phóng, đã hi sinh trong trận càn của giặc ở Tà Păng - Tây Ninh, lúc nó vừa tròn thôi nôi...

Khi sanh ra chẳng may nó bị liệt đôi chân bẩm sinh, mẹ nó lúc đó, cũng bị giặc bắt cùng một số chiến sỹ khác đem về giam giữ ở Chí Hoà. Chiến tranh ngày càng ác liệt, phải có điều kiện chữa trị cho cháu, lúc đó tôi là chủ một trại gà ở Bình Dương, cuộc sống khá ổn định nên nhận cháu về nuôi. Tôi đi lên chiến khu trong vòng bí mật, vì mình nuôi con Việt cộng mà, tụi cảnh sát biết thì nguy. Sau

giải phóng, chị em tôi mới gặp lại, mẹ con đoàn tụ trong ngõ ngách... vì lúc chia tay, nó còn bé quá. Em tôi ôm con khóc sụt sùi... còn Ngọc Lan cứ đứng như trời trồng, không thốt lên được câu nào. Sau đó, em tôi được tổ chức phân công về Nhà hát Trần Hữu Trang, được vài năm thì qua đời vì di chứng những ngày ở tù bị địch tra tấn. Tôi thấy đứa cháu tật nguyền, có khiếu về âm nhạc, nên gửi vào nhạc viện để học cho đến bây giờ. Do từ nhỏ nó đã bị liệt đôi chân, sự cô đơn làm nó khủng hoảng. Ngọc Lan xin tôi về dạy trường khuyết tật ở Tây Ninh, nơi cháu có những người đồng cảnh ngộ và còn ăm ắp với các cô chú một thời kháng chiến với cha nó. Tôi rất đau buồn khi xa cháu, nhưng phải chấp nhận cho cháu mình một lối thoát. Cậu có thương nó, hãy giữ lại những bản luân vũ mà nó thích, trước khi đi nó nói tôi như vậy...

Nói xong bà khóc nức nở.

Đêm ấy, trên chuyến tàu về Nha Trang lạnh giá, lòng tôi ngổn ngang những nỗi niềm... Không biết bao giờ tôi gặp lại người con gái đáng thương năm xưa để nghe tiếp những bản luân vũ ngày ấy...■

HƯỚNG TỚI KỶ NIỆM 65 NĂM BÁO VĂN NGHỆ

MỘT CUỘC GẶP GỠ THÚ VỊ

Nhà thơ Nguyễn Viết Lãm (N.V.L.): Tôi đã được nghe tiếng giáo sư Marcel Gaspard. Hôm nay, thật là một bất ngờ thú vị.

Giáo sư MARCEL GASPARD (M.G.): Tôi được biết anh rất quan tâm đến văn học Pháp, đã dịch Aragon, Eluard, cả Andre Breton nữa. Anh tiếp thu ảnh hưởng của nền văn học Pháp như thế nào?

N.V.L: Thế hệ chúng tôi chịu ảnh hưởng của Đường thi do cha anh truyền lại, nhưng chủ yếu chịu ảnh hưởng của văn học Pháp nhiều hơn và từ ngày bé. Thấy dạy văn học Pháp đầu tiên của chúng tôi, cả của Chế Lan Viên bạn tôi, ở trường Quốc học Quy Nhơn là giáo sư Douris, một người thầy rất uyên bác. Ngày ấy chúng tôi say mê Andre Gide⁽¹⁾, đến nay tôi vẫn còn thuộc lòng những đoạn văn trong *Nourritures terrestres* (Chất dinh dưỡng trần gian). Cuốn tiểu thuyết *Le Grand Meaulnes*⁽²⁾ của Alain Fournier đã đưa tâm hồn chúng tôi vào những mộng mơ của tuổi trẻ.

M.G: Tôi biết. Tác phẩm huyền ảo ấy cũng là niềm say mê của thanh niên Pháp chúng tôi thời ấy. Còn Gide thì tuyệt vời với những thiên Tụng ca mang tính nghệ thuật Kinh Thánh của ông.

N.V.L: Nhân anh nhắc điều này, tôi xin nói thêm, theo tôi, văn chương Pháp có những biến chuyển lớn trong hơn ba thập kỷ gần đây. Chắc anh cũng biết, người ta nhận thấy có hai văn phong chủ yếu ở Pháp cũng như ở phương Tây nói chung: văn phong Homère (style homérique) với đặc điểm dàn trải, thả mình theo dòng trữ tình và văn phong Kinh Thánh (Style biblique) với sự cô đọng đến lạnh lùng.

M.G: Thơ André Breton⁽³⁾ khó hiểu. Đọc giả Việt Nam có thái độ thế nào đối với thơ André Breton?

N.V.L: Ngon cổ của chủ nghĩa siêu thực này chưa được phổ biến rộng rãi ở nước chúng tôi. Nhưng năm 1992, khi tôi được phân công giới thiệu những bài thơ tiêu biểu của André Breton: bài *Vợ tôi* và bài *Tinh si* trong *Tuyển tập thơ hiện đại Pháp* thì bạn đọc tỏ ý hoan nghênh, nhất là các bạn trẻ. Thật ra yếu tố siêu thực cũng không xa lạ đối với chúng tôi, ví dụ trong sáng tác dân gian, trong folklore. Nhân đây, tôi xin được biết ý kiến của anh về nhóm Alain Robbe Grillet, Nathalie Sarraute...?

M.G: Tôi có quan hệ bạn bè riêng với Alain Robbe Grillet⁽⁴⁾, ông ta đứng đầu nhóm *Tiểu thuyết mới* ở Pháp, nhưng tôi chỉ thích quan điểm triết học của ông ta mà thôi, còn tác phẩm văn học của họ thì tôi không thích, chắc anh có đọc Françoise Sagan?

N.V.L: Có. Tôi đọc lúc tác giả còn rất trẻ. Nhưng thành thật mà nói, tạng của tôi không thích hợp với tác phẩm của Sagan.

M.G: Đó là một cây bút thuộc phái suy đồi (décadent). Hiện nay, sách của Sagan không còn là best - seller nữa. Thời kỳ ấy, chủ nghĩa hiện sinh đang thịnh hành ở nước chúng tôi.

N.V.L: Xét về toàn bộ chủ nghĩa hiện sinh về mặt triết học thì tôi không tán thành, nhưng ở lĩnh vực văn học, họ cũng có những cống hiến có giá trị, ví dụ ở Kafka. Qua tiểu thuyết của họ, tôi được biết thêm thân phận con người bé nhỏ đến thế nào trong guồng máy đồ sộ của

Năm 1993, nhà thơ Nguyễn Viết Lãm và giáo sư người Pháp Marcel Gaspard - Tiến sĩ khoa học, giải thưởng Viện Hàn lâm Y khoa Pháp, đã có cuộc đối thoại thú vị về Văn học, Triết học, Tôn giáo... và có phần nói về triết gia Trần Đức Thảo trong buổi giao lưu do Hội Liên lạc Việt Kiều tổ chức tại Hải Phòng.

Nhà thơ Nguyễn Viết Lãm từng làm Chánh Văn phòng Hội Nhà văn Việt Nam khóa đầu tiên, và là Biên tập viên của báo Văn nghệ từ năm 1954. Ông vừa từ trần ngày 14-2-2013. Nhân dịp kỷ niệm 65 năm báo Văn nghệ ra số đầu tiên, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu nội dung cuộc nói chuyện trên để bạn đọc hiểu thêm về một Nguyễn Viết Lãm, một nhà văn một BTV báo Văn nghệ thuộc thế hệ đi trước. Cuộc trao đổi của hai trí thức Pháp và Việt trực tiếp bằng tiếng Pháp, đã được đưa vào "Tuyển tập Nguyễn Viết Lãm".



Nhà văn Nguyễn Viết Lãm (đứng giữa, hàng đầu) cùng các nhà văn và lãnh đạo TP. Hải Phòng.

chủ nghĩa tư bản. *Thác loạn* (aliénation) và *phi nhân hóa* (deshumanisation), những đặc điểm của chủ nghĩa hiện sinh, không phải là do các nhà văn ấy sáng tạo ra, mà họ chỉ thể hiện hiện thực châu Âu sau chiến tranh mà thôi. Tiếc rằng họ không truy nguyên được về hiện thực ấy và họ không thấy được xung lực mới của xã hội.

M.G: Chúng ta đang đi vào lĩnh vực triết học. Vai trò con người được đề cao trong những triết thuyết những năm 60 ở Pháp.

N.V.L: Mỗi triết thuyết có cách nói về con người khác nhau. Có lẽ chúng ta nên lấy thực tiễn làm thước đo cho mọi chân lý (Critérium de la pratique) và cũng cần sự kiểm nghiệm của thời gian...

M.G: Đó là cách làm cách nghĩ khoa học nhất. Tôi đồng ý với anh, mọi chân lý đều cần được sự kiểm nghiệm của thực tiễn và sự sàng lọc của thời gian.

N.V.L: Người làm khoa học không nên đặt một pháo đài siêu hình nào trên con đường nhận thức. Ví dụ, tôi từng được vỡ lòng về quan điểm Mác nhờ nhiều tác phẩm phổ thông của Roger Garaudy ở nhà Xuất bản Politze (Pháp) những năm cuối 30 lúc tôi 17 tuổi. Nhưng khi Garaudy đưa ra những luận điểm của ông ta về mỹ học, về đạo đức trong các tuần lễ macxit ở Paris những năm đầu 60 thì tôi khó lòng đồng ý với ông ta được nữa và tôi đã phát biểu ý kiến này trong bài *Trách nhiệm đảng* ở tạp chí *Tổ quốc* ở Hà Nội năm 1965. Nhưng gần đây, dưới ánh sáng đổi mới trên đất nước tôi và những dữ kiện mới trên thế giới, tôi lại tìm thấy ở ông ta những điểm cần được nghiên cứu. Ví dụ, với tác phẩm *De*

l'anathème à l'entretien (Từ rủa nguyền đến đối thoại), rõ ràng Garaudy đã dự báo không khí hòa hợp, đối thoại hiện nay trên thế giới. Chúng tôi cũng chủ trương một chính sách cởi mở, mọi dân tộc đều bạn bè.

M.G: Trong những năm gần đây, trào lưu tôn giáo có chiều hướng phục hồi. Ở Việt Nam, Khổng giáo, Phật giáo, Kitô giáo, Lão giáo, tôn giáo nào có nhiều người theo nhất?

N.V.L: Ở Việt Nam, có lẽ Phật giáo được nhiều người theo do nguồn gốc lịch sử của nó. Khổng giáo, với tư cách là một học thuyết, còn ảnh hưởng khá đậm trong đạo đức truyền thống, nhưng hiện nay Khổng giáo cũng có nhiều điều không giống cũ. *Dòng sông ngày đêm chảy mãi không ngừng*, chính Khổng tử cũng đã thấy trước điều ấy. Còn Thiên Chúa giáo đối với lịch sử chúng tôi, là một tôn giáo tuổi đời còn trẻ so với các tôn giáo trên kia.

M.G: Thế còn Lão giáo? (Taoisme)

N.V.L: Dân tộc Việt Nam vốn là một dân tộc vị tha và cần cù lao động, cho nên khó chấp nhận cái vị ngã của Dương Chu⁽⁵⁾, cái vô vi của Lão Trang. Lão giáo ở Việt Nam, khá thưa thớt.

M.G: Ở châu Âu, các chức sắc tôn giáo có uy tín trong dân, nhất là đối với những tôn giáo mạnh. Ở Việt Nam các thầy tu Phật giáo có được nhiều người quý trọng không?

N.V.L: Phật giáo ở Việt Nam gần như là một quốc giáo, nhân dân rất quý trọng các bậc chân tu. Trong lịch sử chúng tôi, từ 10 thế kỷ trước đã có những nhà sư trí thức lớn, nhiều thiền sư thi sĩ, nhiều thiền

sư anh hùng. Các thiền sư Việt Nam có bản lĩnh rất độc lập. Câu thơ: *Hưu hường Như Lai hành xứ hành* (việc gì phải đi theo con đường Như Lai đã đi) của một nhà sư nổi tiếng thế kỷ 12⁽⁶⁾ là một thái độ tiêu biểu. Trừ một số ít kẻ mạo danh tu hành theo đuổi tham vọng không lành mạnh của họ, tuyệt đại đa số các vị là chân tu.

M.G: Một vấn đề gắn liền với ý kiến của tôi nói ở trên, theo tôi, con đường đi của khoa học và con đường đi của tôn giáo có hiện tượng ngày càng xích gần nhau.

N.V.L: Vâng, có lẽ có hiện tượng ấy. Có người đã thử dùng vật lý lý thuyết về hạt nhân để chứng minh sắc và không của Phật. Nhưng gần nhau hay xa nhau cũng tùy theo quan hệ tương ứng và tùy thuộc lẫn nhau để tồn tại (interdépendance). Chắc anh biết Lucien Sève nhà triết học nổi tiếng của Pháp? Ông ta nói: *"Các nhà vật lý đã đuổi thành thần ra khỏi các vì sao"*, đó là câu nói của một nhà khoa học đứng trong hàng ngũ của quần chúng cách mạng. Nhưng khi linh mục triết gia Teilhard de Chardin chủ trương: *Vật chất thần thánh* (matière sainte), cũng như sau đó, thuyết Tân sinh (néonatalisme) nói đến quyền năng thần linh trong vật chất, thì chúng ta biết rằng những nhà thần học ấy không thể không quan tâm đến thế thượng phong của chủ nghĩa duy vật. Đã có lúc Giáo hoàng tuyên bố Jesus là con một người thợ thủ công (artisan), 10 năm sau, ở Công đồng Vatican 2, ông lại nhấn mạnh thêm: Jesus là con một công nhân (ouvrier). Sự xích gần ấy thể hiện một sự uyển chuyển nào đó về ý thức chính trị trong quan hệ tương ứng của xã hội.

Ngược lại, chúng ta cũng thấy có sự tách xa nhau. Chủ nghĩa hiện sinh từ hữu thần của Kierkégaard đến vô thần của Jean Paul Sartre là cả một sự chuyển hóa gần như là một sự chia tay.

M.G: Anh có theo đạo nào không?

N.V.L: Xin cho phép tôi được giãi bày trở về lĩnh vực trữ tình của chúng ta. Về thơ, tôi thích câu nói của Lamartine: *Con người là một trích tiên bị đọa xuống trần luôn nhờ về tiên cảnh* (L'homme est un Dieu déchu qui se souvient descieux). Câu nói ấy chấp cánh cho thơ tôi. Nhưng tôi lại thích câu này của Stendhal hơn: *Cái lẽ độc nhất để miễn tội cho Chúa là Chúa không hề tồn tại* (La seule excuse de Dieu est qu'il n'existe pas). Anh Gaspard ạ, tôi xin nói với anh: Tôi là một người vô thần. Nói thế không phải để phản đối những người hữu thần, vì tôn giáo là một nhu cầu tâm linh tự nhiên của con người.

M.G: Theo tôi, vẫn có những nét tương đồng trong nội dung các triết thuyết, các tôn giáo về phương diện nhân văn.

N.V.L: Tôi đồng ý với anh điều ấy. Đức Phật, Chúa Jesus... có thể ngồi chung với nhau. Tôi nghĩ rằng điều ấy

TÁC PHẨM VÀ DỮ LUẬN

THI PHÁP TIỂU THUYẾT VÀ CHẤT SỬ THI TRONG PHẢ CHÍ

(Đọc Trăm năm ly hợp - Lê Khắc gia phả chí, Nxb Lao động, 2013)

HOÀNG MINH TƯỜNG

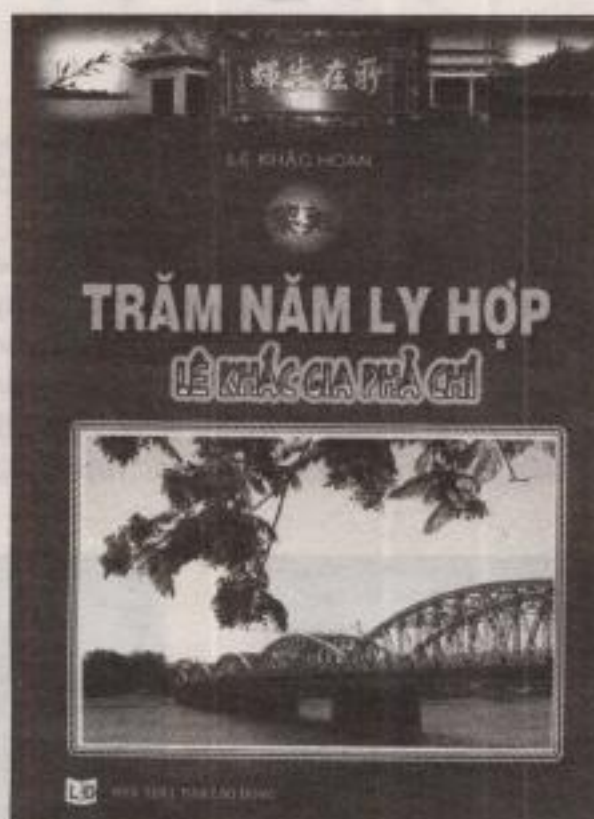
NHÀ văn, nhà báo Lê Khắc Hoan xuất hiện và gây ấn tượng trên văn đàn khá sớm: Năm 1959, khi đang là giáo viên trường Hoàng Thắng, huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa, Lê Khắc Hoan đã có truyện ngắn đầu tay *Đôi rắn thần trong hang Pa Kham* đoạt giải Khuyến khích báo Thống Nhất (Nguyễn Quang Sáng giải Nhất với truyện ngắn *Ông Năm Hạng*). Năm 1960, truyện ngắn *Chuyện một cô giáo mới* đoạt giải Ba báo Văn nghệ (Nguyễn Khải giải Nhất với truyện ngắn *Một cặp vợ chồng*, Chu Văn giải Nhì với *Con trâu bạc*, Hồ Phương giải Ba đồng hạng với *Cổ non*). Năm 1961, Lê Khắc Hoan, tỏ ra vượt trội khi thi đấu trên "sân nhà", ấy là cuộc thi viết về "Thầy giáo nhà trường" do Bộ Giáo dục và báo *Người giáo viên Nhân dân* tổ chức. Ông đoạt giải Nhất với truyện ngắn *Chân trời xa xôi*, trên các đối thủ mà mười năm sau tên tuổi sẽ lừng lẫy trên văn đàn, như Ma Văn Kháng, Xuân Sách, Định Hải...

Con người thủ mệnh sao Hỏa Khoa này, đã thi là đỗ. Và khi đã "âm" giải cao rồi thì dừng bút. Suốt 50 năm sau, ông chỉ chuyên tâm viết báo, và chỉ viết về ngành giáo dục, về công việc "trồng người", từ báo *Người Giáo viên Nhân dân*, đến báo *Giáo dục và Thời đại*, tạp chí *Thế giới mới*, *Dân trí*, *Tri tuệ*...

Con người tưởng như đóng cửa phòng văn, gác bút từ thời trai trẻ, để theo nghề báo, nào ngờ vào tuổi 75, lại cho ra đời một tác phẩm dày tới 450 trang, trăm luân thế sự, ngón ngang thế thái nhân tình. Cuốn sách có nhan đề: *Trăm năm ly hợp - Lê Khắc gia phả chí*, một cuốn gia phả theo đúng như ý định khiêm nhường của tác giả - chỉ viết cho dòng tộc, kỷ thác với anh em con cháu họ Lê Khắc làng Văn Xá, tỉnh Thừa Thiên - Huế, câu chuyện của gia đình..., nhưng khi được công bố, lại được bạn đọc đón nhận như một tác phẩm văn chương ngôn ngữ chất liệu đời sống và giàu chất nghệ thuật.

Câu chuyện bắt đầu từ đám tang của ngài Văn Phổ Lê Khắc Thứ, Chủ nhiệm Việt Minh, cha của tác giả (Văn Trí trong tác phẩm), giữa mùa hè năm 1946. Đây cũng là "thời điểm đau thương phát nổ trái bom ly tán dòng tộc Lê Khắc làng Văn Xá" (tr 7). Mặt trận Huế vỡ, Pháp quay trở lại. Toàn quốc kháng chiến. Một số trong dòng họ Lê Khắc ở lại làng, ở lại Huế, vườn không nhà trống tiêu thổ kháng chiến. Số đông hơn gồm hai bà mẹ, hơn mười anh em theo người anh rể Việt Minh trong sở thuế vụ ra chiến khu Bình Trị Thiên khởi lửa. Khi ấy, tác giả, người con thứ tám của bà hai, là một trong số mười bảy người con của ngài Văn Phổ, mới lên 9 tuổi.

Sức hấp dẫn của tác phẩm nằm trong hệ thống nhân vật được lịch sử mặc định, khiến người đọc bị thuyết phục, tin và hồi hộp theo dõi ngay từ đầu: Dòng Lê Khắc làng Văn Xá là dòng họ khai nguyên, mở đất từ thời Lê sơ. Cụ nội, ông nội, bố đẻ tác giả đều làm quan cho triều đình Huế. Đặc biệt, câu chuyện tình duyên của người cha hào hoa phong nhã và chế độ đa thê trong các gia đình phong kiến thời trước cách mạng, cùng sự tan đàn sê



nghe do sự va đập của cuộc chiến khốc liệt, khiến câu chuyện của một gia đình bỗng hàm chứa một dung lượng, một quy mô mang ý nghĩa phổ quát, bao trùm. Chất tiểu thuyết bắt đầu từ cuộc tình tay tư giữa ngài tri huyện Văn Phổ, thân sinh của tác giả, với ba cô con gái cành vàng lá ngọc, con của Công nữ Kỳ Vân, cháu nội vua Minh Mạng và quan Hiệp tá đại học sĩ Nguyễn Hữu Mẫn, người sáng lập trường Quốc học Huế, thầy dạy của hai người học trò nổi tiếng trong lịch sử sau này: Nguyễn Tất Thành và Ngô Đình Diệm.

"Quan thượng nhất phẩm triều đình và phu nhân là bà quận chúa kiều kỳ gả liền liền ba tiểu thư khuê các cho một thuộc quan let đệt hàng ngũ phẩm! Chuyện tương tự không biết từng xảy nơi đâu?"

Bà bà, ba chị em con quan cháu vua. Cùng cha cùng mẹ. Chung chồng. Bà cả, Nguyễn Thị Tuyết, sinh 5 lần nuôi được 3. Bà hai, Nguyễn Thị Lâm, đẻ 9 con nuôi được 8. Bà ba, Nguyễn Thị Điện, đẻ 8 lần còn 6. Cả đàn con ông Văn Phổ sinh 22, thành niên 17, không phân biệt con của bà nào, đều gọi bà Tuyết, chánh thất là Mẹ, bà Lâm, thứ thất là Di chị, và bà Điện là Di em. Năm 1932, bà Tuyết mất, được gọi là Mẹ đời xưa, tôn bà Lâm lên chánh thất, làm Mẹ." (tr 10)

Mười bảy người con của ngài Văn Phổ, từ năm 1946, cùng với hàng trăm anh em họ hàng Lê Khắc, ly tán trong Nam ngoài Bắc, người dưới chế độ Cộng Hòa, người theo Cụ Hồ kháng chiến, tạo nên bức tranh đa diện, không hề cá biệt mà có tính khái quát cho cả cuộc phân ly Nam Bắc nửa sau thế kỷ 20.

Bà anh con đầu của Mẹ đời xưa, năm 1946 đã trưởng thành, người xuôi Nam, trở thành quan chức ngoại giao chính phủ Việt Nam Cộng hòa (Lê Khắc Hoài), người ngược ra Việt Bắc, trở thành quan chức thuế vụ hàng đầu của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Lê Khắc Diệm), người ở lại, giám đốc cảnh sát Trung phần - Trung nguyên, từng đưa nhà tình lãnh chúa miền Trung Ngô Đình Cẩn (Lê Khắc Duyệt). Những người con còn lại của Mẹ Lâm và Di Điện, từ chiến khu Bình Trị Thiên, chuyển dần ra vùng tự do

Thanh Hóa, sống với cuộc kháng chiến chín năm, rồi cuộc kháng chiến chống Mỹ, trở thành nông dân, công nhân, nhà giáo, kỹ sư, bác sỹ, nhà khoa học, bộ đội tình nguyện về giải phóng quê hương. Đau đớn nhất là Di Điện. Năm 1953, đời sống quá khó khăn, di quyết định cùng Khôi, người con trai lớn mười sáu tuổi, về Huế, hy vọng gặp mẹ là Công nữ Kỳ Vân xin tiền mang ra Thanh Hóa nuôi các con. Chuyển đi vô vọng vượt núi, lội suối trong bom đạn, gian nguy không kể xiết, hai mẹ con vĩnh viễn nằm lại cửa ngõ Hương Trà. Ba người con còn lại, Duy, Kháng, Lượng, cùng người chị nuôi Nguyễn Thị Kỳ trứng gà trứng vịt nuôi nhau, có thời gian khó khăn quá, phải chia nhau đi ở đợ, lưu tán giữa vùng thượng nguồn sông Chu, sông Mã. Năm 1966, Lê Khắc Lượng, rồi Lê Khắc Kháng lên đường về Nam chiến đấu, đi suốt ba cuộc chiến tranh. Lê Khắc Duy vào thanh niên xung phong. Các con út của ngài Văn Phổ sống cuộc đời người lính như hết thầy hàng triệu những người lính Trường Sơn bất tử...

Tác phẩm thuộc loại truyện ký, ký sự tư liệu, kết cấu theo thời gian, theo nhóm nhân vật, nhưng vẫn có mối liên kết xuyên suốt. Tác giả triển khai theo diện, rồi tập trung vào điểm, làm rõ nét những nhân vật chính. Nổi bật nhất là các chương *Oan hồn người hận*, *Dấn thân*, *Họa vô đơn chí*, *Một bà mẹ chưa được vinh phong*, *Kháng*, *Chuyện ông chú út hai lần cầm vàng mà lội qua sông*, *Vị võ quan tử đẳng thị vệ và người con trai tư duy sáng tạo khoa học đa ngành*, *Hai cô gái tộc Lê luân lạc v.v...* Nhiều nhân vật được tác giả khắc họa như những nhân vật điển hình, với vóc dáng sừng sững, tính cách nổi bật, số phận éo le đầy chất tiểu thuyết, như Mẹ Lâm, Di Điện, Lê Khắc Kháng, Lê Khắc Lượng, Lê Khắc Tinh, thầy giáo Văn Khê, vợ chồng Báu - Luân, kỹ sư Lê Khắc Linh, hai anh em ruột Lê Khắc Hiến, Lê Khắc Thành, bác sỹ Lê Khắc Quyển, nhà báo Nguyễn Thị Kim Thu, Trần Thực Hà v.v...

Người đọc khó cầm nổi nước mắt khi đọc nhiều chương (Cái chết của hai mẹ con Di Điện; Cuộc tình éo le của Khê - Vân, Luân - Báu; Cuộc vượt biển của ba chị em Trần Thực Hà...), đặc biệt là chương VI: *Một người mẹ chưa được vinh phong*, người mẹ của tác giả. Đó là bà hai Nguyễn Thị Lâm, từ một tiểu thư khuê các con quan nhất phẩm triều đình và bà quận chúa, người mẹ góa bụa, chân yếu tay mềm vậy mà mang một đàn con gà con vịt tám đứa bước vào một cuộc ly tán khốc liệt. Mẹ chính là hình ảnh bà cụ Huệ, "điều thuốc sâu kèn to bằng ngón tay cái vắt vẻo trên môi, đôi vai hẹp và gầy chúi về phía trước, mái tóc bạc phơ như phủ đầy sương trắng rung rung sau gáy..." (tr 100), ngày ngày quẩy gánh hàng xén ở vùng Hậu Lộc, Hoàng Hóa xứ Thanh tần tảo nuôi con, đi theo kháng chiến. Đó chính là hình mẫu bà mẹ trong truyện ngắn *Chân trời xa xôi*, trong truyện vừa *Mái trường thân yêu* của tác giả. Một người mẹ chưa được vinh phong, nhưng xứng đáng là một bà mẹ anh hùng, hơn cả một nữ anh hùng.

Đọc phả chí, nhưng đọc giả tưởng

minh đang đọc tiểu thuyết, một cuốn tiểu thuyết giàu chất sử thi. Tác giả, Văn Trí, với nhiệm vụ người dẫn chuyện, nhân vật chính của tác phẩm, bản thân đã là một số phận nhiều biến cố, lại là một người duyên nợ với văn chương, ông đưa người đọc đi hết từ tình huống này đến tình huống khác, gặp các nhân vật điển hình, chứng kiến đủ những cảnh ngộ ái, ố, hi, nộ. Bút lực của ông, khi như một anh chàng "Trương Ba" siêu thủ, bằng con dao bầu, éc một tiếng đã trình làng một phần thịt với thủ, giò, ba chỉ, tim, cật, lòng, dổi, tiết canh..., khi lại như một nghệ nhân kỳ tài, trạm trổ từng cánh tù, từng bức hoành phi câu đối. Ấy là khi ngọn bút của ông luôn lách đặc tả một bi kịch, một khúc nhồi đời người (chuyện gia đình Khê - Vân), lúc dựng lại một hình thái văn hóa tâm linh đầy Liều Trai, mê hoặc (cảnh cầu cơ tìm hài cốt Di Điện), khi đưa người đọc vượt sông Đà bay bổng cheo leo lên tới ngôi trường của người Hà Nhi ở vùng cao Pá Chải, Mường Tè, Lai Châu (cảnh thầy giáo Văn Khê đi cắm bản), lúc lại chen chúc, lặn ngụp trên suốt con tàu xuyên Việt bão táp vửa ra khỏi cuộc chiến (Văn Trí đi "buôn" trên tàu Bắc - Nam)... Sự thật khốc liệt, đau đớn, bi hùng được dẫn dụ bằng một ngòi bút có sức khái quát cao, khéo chọn lọc các chi tiết đời sống điển hình, các tình huống có vấn đề... chính vì thế mà câu chuyện một gia đình, một dòng họ lại bao chứa nhiều câu chuyện của nhiều gia đình, nhiều dòng tộc.

Câu chuyện của trăm năm, nhưng chừng như vẫn còn một phần ba chặng đường phía trước. Ly đã đến cùng, mà hợp còn mong mãi. Lòng người dẫu muốn, nhưng còn chinh thế, thời cuộc (!) Bao nhiêu số phận của dòng họ Lê Khắc còn khuất lấp, còn chưa được chinh danh vì... lý do kỹ thuật (!). Để viết hết về sự thật một dòng tộc, một đất nước, đâu phải chuyện dễ. Hàng nghìn con mắt Lê Khắc, trong nước và hải ngoại đang chú mục nhìn vào xem ông Văn Trí có đứng về bên nào không? Có "lật áo cho người xem lưng" không? Đến như nhà văn Nguyễn Công Hoan trước đây, viết truyện ngắn, tiểu thuyết mà còn bị bao nhiêu người kiện tụng, huống chi đây là ký sự, là gia phả?

Gấp cuốn sách lại, nhiều người sẽ bảo rằng: Họ Trần, họ Nguyễn, họ Phạm, họ Hoàng, họ Trương... nhà mình, nếu viết, cũng phong phú, ly kỳ như thế này. Vâng, đó chính là thành công của Lê Khắc Hoan và *Trăm năm ly hợp*. Lê Khắc Hoan không chủ viết vì văn chương. Ông viết vì mục đích tự thân, vì sự kỷ thác cho con cháu dòng tộc. Và nền văn học, đôi khi được thụ hưởng như một tình cờ. Nếu có thêm những gia phả chí như *Trăm năm ly hợp*, hậu sinh sau này chắc chắn sẽ có những bức tranh toàn cảnh sống động và chân thật về cuộc hành trình bi tráng, khốc liệt, thấm đẫm máu, nước mắt, hạnh phúc và đau khổ, nối tiếp các thế hệ trên con đường hình thành một nước Việt chim nổi và mến yêu của hôm nay và mai sau. ■

DIỄN ĐÀN LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH VĂN HỌC

NGUYỄN PHAN QUẾ MAI VÀ NHỮNG BÀI THƠ VỀ CHIẾN TRANH

NGUYỄN THANH TRUYỀN

BẮT đầu bằng những bài thơ tình yêu, Nguyễn Phan Quế Mai sớm mở rộng đề tài sang những xúc cảm về quê hương, đất nước, về số phận con người. Tạo nên sức hấp dẫn rất riêng là mảng thơ về chiến tranh chiếm số lượng không nhỏ trong số tác phẩm chị đã viết.

Trong một lần văn, Nguyễn Phan Quế Mai nói về những ám ảnh của chiến tranh trong tâm hồn của chị: kí ức về bà mẹ của hai liệt sĩ kiếm sống bằng nghề bán khoai lang luộc, hình ảnh một người bạn hơn 20 năm lận lộn khắp nơi tìm mộ người cha hi sinh trong kháng chiến chống Mỹ, màu trắng nhũn nhủn của nghĩa trang Trường Sơn, giọt nước mắt và những lời thổn thức của những người nông dân chất gạo tiền nông thuê xe thuê người sang Lào để tìm mộ người thân...

Sinh ra và lớn lên sau chiến tranh, có tuổi thơ không ít nhọc nhằn lam lũ, học rộng đi nhiều, trải nghiệm nhiều nên văn hóa, luôn mang trong mình niềm tự hào về những giá trị văn hóa dân tộc mình, Nguyễn Phan Quế Mai nhìn về quá khứ của quê hương đất nước sâu sắc, giàu ân nghĩa.

Với thế hệ nhà thơ lớn lên sau 1975, mượn cách nói của Phó Giáo sư - Tiến sĩ Nguyễn Đăng Điệp, chiến tranh không còn là hiện thực được "nhìn thấy" mà chủ yếu hiện lên trong kí ức, là thứ hiện thực "tự cảm thấy". "Với một khoảng cách thẩm mĩ như thế, chiến tranh không chỉ được nhìn từ mặt trước mà còn được nhìn từ phía sau với bao nỗi đau trĩu nặng, bao nhức nhối khó lành". Các nhà thơ trẻ hiện nay, trong đó có Nguyễn Phan Quế Mai, "nhìn thấy" và "tự cảm thấy" chiến tranh theo cách riêng của thế hệ mình, trong cái dòng mạch chung của văn học dân tộc.

Tôi vượt đống cỏ trở về Ninh Bình/ Đạn bom bỏ nhào khi tôi vừa sinh (Mẹ tôi). Khi về lại bằng thơ những hồi ức, những giấc mơ trong trẻo, nữ thi sĩ Quế Mai không quên những mảng màu có dáng nét của chiến tranh. Bởi vì cùng với nắng hạn, bão mưa, lũ lụt, chiến tranh có sức tàn phá ghê gớm. Trong những dòng thơ về nguồn, sau bóng dáng quê hương vẫn còn đó những ám ảnh: Quê nội vạt ngô dậy thì con gái ngày Cha bé dại/ Đợi Bà về vạt cỏ triển dề/ Quê nội mây chiều ngủ mê Ông ta thổi lửa nắng về tựa cửa mướt vàng bờ ao/ Chuẩn chuẩn bay cao cào cào bay thấp giăng khơi trong vạt gọi mưa bay về/ Chiến tranh ập tới trai làng ra đi bóng người về lác đác nỗi đau trắng tạc trên tóc người già/ Tuổi thơ của Cha lớn cùng bom đạn sau mùa nắng hạn lũ lụt tràn về (Quê nội). Khi ngồi sau lưng của một người lính già làm nghề lái xe ôm, nghe những kí ức chiến tranh, nhà thơ đồng thời cũng đã "nghe" được những điều thâm sâu từ tâm cảm: Lắng nghe ông kể chuyện/ Nghe gió Trường Sơn thổi về từ mái tóc bóng điểm bạc/ Nghe nắng miền Trung hát trên đôi vai gầy guộc/ Nghe tiếng súng xuyên về từ ngày tôi chưa sinh (Thời gian trắng). Dù không trực tiếp chứng kiến chiến tranh khốc liệt nhưng lớp trẻ lớn lên sau chiến tranh vẫn cảm nhận được rất rõ những dư âm, dư ảnh của nó.

Chiến tranh không chỉ là kí ức mà còn là những vết thương chưa lành, còn đồng hành với chúng ta. Sự hi sinh của mười cô gái ở ngã ba Đồng Lộc là bản hòa ca bi tráng. Nghiêng mình trước anh lính các chị, Nguyễn Phan Quế Mai lắng nghe "mười tuổi tóc mười tiếng đàn ngân hắt", trân trọng và cảm phục sự hi sinh của các chị, đồng thời không kìm nén được: Mười dải mềm nổi một dải Trường Sơn/ Mười ánh mắt đã thành ánh sáng// Hoa không ngăn nổi mình hòa dòng tang trắng/ Chảy về trời trong tiếng hát chị tôi (Đồng Lộc). Cũng như Đồng Lộc, địa danh Quảng Trị gợi nhớ về chiến trường một thời ác liệt. Với Quế Mai: Quảng Trị - vết thương chưa lành. Chứng kiến cảnh người mẹ "nắng héo đôi vai/ xác xơ tóc trắng" gào tên chống và hai đứa con từ "trần hai hốc mắt", "lồm sồm lồm ngục", nhà thơ đau: Trời sập nắng kéo lê tôi trên những quãng đường chỉ chít hố bom mắt người chết toang hoác máu/ những ruộng đồng nề khô



Nguyễn Phan Quế Mai trong lễ ra mắt Từ tuyết đến mặt trời tại T.p Hồ Chí Minh

thời thóp thỏ// Hoa phượng loang tươi đỏ những con đường/ Còn sâu hoắm vết thương/ Quảng Trị (Quảng Trị).

Chiến tranh làm những thế hệ "lạc nhau" đến triệu dặm đường, nghìn thế kỉ, đến hai nẻo trời và đất: Tráng trời những ngôi mộ vô danh/ Tráng đất những người con đi tìm một bố/ ... Những đứa con chưa biết mặt cha/ Những người cha không thể trở về nhà/ Tiếng gọi "con" còn chôn sâu trong ngục/ Tiếng gọi "cha" hơn 30 năm thao thức (Hai nẻo trời và đất). Những câu thơ thức dậy những suy ngẫm sâu sắc. Khi đặt mỗi bước chân trên đất nước của chúng ta, đừng quên dưới đất nâu còn biết "bao nhiêu thân thể lạnh khỏi hương" và trong đất nâu thắm đẫm biết bao nhiêu nước mắt của những con người "lạc nhau".

Chiến tranh là câu chuyện của số phận con người, của những giá trị con người. Trong thơ Nguyễn Phan Quế Mai viết về chiến tranh, chúng ta gặp "những câu hỏi vẫn trùng trùng mở mắt". Gợi thật nhiều trần trở là hình tượng một cựu chiến binh làm nghề xe ôm "kiên nhẫn đứng như một chấm than giữa phố phường lũ lượt còi xe", trong một cuộc chiến mới - cuộc chiến mưu sinh: Ông một mình/ Lặng lẽ/ Nhỏ bé/ Thời gian chảy qua hai bàn tay. Sao mà đơn lẻ và bất lực đến thế, trái ngược với chính tầm vóc của ông trong cuộc chiến khốc liệt năm xưa! Người lính già chạy xe ôm đã: Đem giọt mưa xa đặt vào mắt tôi/ Giọt mưa mang vị ngọt chiến thắng, vị đắng cuộc chiến đã xa ông vĩnh viễn ghi tên mình vào nó/ Vị mặn tràn trở - "rồi có ai còn nhớ tôi Trường Sơn"? Và, vị cay của cuộc sống đời thường tấp nập chảy quanh tôi/ như chỉ biết vươn mình về phía trước/ về phía trước/ phía trước...(Thời gian trắng).

Chúng ta nhận về mình những câu hỏi/ những bài toán mà để trả lời được cần phải có những khoảnh khắc lắng lại, nhìn thẳng vào những chua xót, đớn đau để bước chân vươn lên phía trước không vô tình. Những người trẻ nghe "những điệu nhạc ọc từ quán bar/... tiếng còi xe người người bắn vào nhau như đang ở trong cuộc chiến", đừng quên nghe những câu chuyện của ngày hôm qua rất "cần được kể".

Câu chuyện quá khứ "cần được kể", cũng như những

vấn đề bức thiết trước mắt rất cần được quan tâm. Chiến dịch Không vận Cỏ nhĩ (Operation Babylift) của Mỹ trong những ngày cuối cùng của Chiến tranh Việt Nam đã chuyển bằng đường hàng không ra khỏi Việt Nam hơn 30.000 em nhỏ - không phải tất cả đều là cỏ nhĩ; các em được nhận làm con nuôi ở Mỹ và một số nước khác. Nhiều người đã trở về Việt Nam tìm lại cha mẹ với rất ít hy vọng. Họ đã về. Tóc không vàng. Da không trắng. Miệng không tiếng Việt/ Không bơ sữa nào có thể trả lời cho câu hỏi dài hơn 35 năm, sâu hơn 12.775 ngày/ "Tôi là ai?"/ Không vòng tay cưu mang nào ươm vừa vòng tay cha mẹ/ Không xét nghiệm DNA nào có thể nối họ với cội nguồn/ Mái tóc đen không nghĩ bằng tiếng Việt// Babylift/ Lật 12.775 tờ lịch bằng nước mắt/ Đi qua 35 năm bằng nỗi đau/ Những câu hỏi vẫn trùng trùng mở mắt (Babylift).

Một thi ảnh xuất hiện với tần suất khá cao trong thơ Nguyễn Phan Quế Mai, đặc biệt trong mảng thơ về chiến tranh này, là những hình ảnh có màu sắc trắng hết sức ám ảnh: thời gian trắng qua đôi bàn tay, màu trắng của những đám tang, trắng trời những ngôi mộ vô danh, trắng đất những người con đi tìm mộ bố, nỗi đau trắng tạc trên tóc người già, xác xơ tóc trắng, Mẹ trái đất oan mình khăn tang trắng... Và, phải chăng hình ảnh chúng ta đang đối diện những câu hỏi vẫn trùng trùng mở mắt kia cũng là câu - hỏi - trắng?!

Sự đổi mới quan niệm về đề tài chiến tranh từ các thế hệ cha anh được các nhà văn trẻ tiếp nối. Trên tinh thần lấy con người làm hệ quy chiếu, thơ Nguyễn Phan Quế Mai đề cập đề tài chiến tranh bằng cái nhìn rất mới, từ đó, tiếp tục nêu lên những câu hỏi nhức nhối. Trước bức tường Chiến tranh Việt Nam ở thủ đô Washington, chị đã viết: ... Bức tường đen/ 58.267 cái tên không quen biết// 58.267 tên người đã nã súng vào trí nhớ tôi/ Mùi giày họ còn loang vết máu/ Tôi muốn chôn họ thêm lần nữa/ (Bức tường chiến tranh Việt Nam). Từ sự cảm nhận, Quế Mai bắt gặp nhìn thấy những nỗi đau ở bên kia chiến tuyến: Chợt một đóa hồng nhỏ thấp lèn, đau nhói/ Bức thư nhòa lệ một người còn sống viết cho cái tên đã chết: "Cha ơi, hôm nay là ngày sinh nhật con gái con. Ước gì cha ở đây để cùng cháu thổi nến mừng tuổi mới. Không ngày nào con không nghĩ đến cha. Tại sao cha đi? Tại sao cha phải đến Việt Nam, tại sao cha phải chết... (Bức tường chiến tranh Việt Nam).

Nỗi đau chiến tranh không của riêng ai. Từ những phát hiện ấy, gặp một cảnh tượng đẹp trong bài Với một cựu binh Mỹ: Chúng tôi đối diện với nhau/ Màn sương hận thù được thay bằng làn khói phở bốc hơi nghi ngút. Với tình hữu nghị, sự sẻ chia, Nguyễn Phan Quế Mai cũng hiểu những ám ảnh của hội chứng chiến tranh Việt Nam: Chiến tranh chưa bao giờ bị bỏ quên/ Chiến tranh chưa bao giờ chấm dứt/ Hàng đêm ông vẫn phải sống sót những giấc mơ (Với một cựu binh Mỹ).

Vẫn lấy giá trị con người làm trung tâm, với tầm nhận thức của một người trẻ đầy trách nhiệm, thơ Nguyễn Phan Quế Mai nói tiếng nói của tinh thần dân tộc thiêng liêng, của lòng yêu nước, của niềm khao khát hòa bình. Bài thơ Tổ quốc gọi tên của chị đã tạo được sự đồng cảm mạnh mẽ: Đêm qua tôi nghe Tổ quốc gọi tên mình/ Bằng tiếng sóng Trường Sa, Hoàng Sa dội vào ghềnh đá/... Đó là những dòng thơ đầy tính thời sự, tiếp nối mạnh mẽ nguồn cảm hứng yêu nước trong nền văn học dân tộc. Những tội ác man rợ của chiến tranh luôn có nguy cơ sống lại trong dĩ vãng của những thế lực chống lại loài người. Nguyễn Phan Quế Mai đã cất lên những lời cảnh báo bằng thơ: Trên màn hình TV, một cuộc chiến tranh đang sống dậy/ Cách chúng tôi một gang tay, cái chết đang há miệng ngậm lấy/ nuốt chửng những số phận// Cách chúng tôi chỉ một gang tay. (Với một cựu binh Mỹ). Chiến tranh với những ám ảnh kinh hoàng của tiếng thét, tiếng bom dội, tiếng khóc, tiếng người ngã xuống được chị gọi là ác mộng: Những cơn ác mộng sẽ tiếp diễn trong Chiến tranh thế giới III?/ Mẹ trái đất oán mình khăn tang trắng?/ Sẽ ôa khóc bế xác những đứa con?/ Những đứa con, những đứa con của Mẹ!... à ơi?/ Mẹ ru cho sóng biển Đông lắng xuống/... Hãy lắng nghe tiếng Mẹ, tiếng Mẹ tôi! (Mẹ Trái Đất).

Đi vào một mảng hiện thực cuộc sống khá bế bộn, mặc dù không có được nhiều trải nghiệm trực tiếp từ chiến tranh, Nguyễn Phan Quế Mai ghi dấu ấn của một nhà thơ trẻ dám dấn thân, đầy trách nhiệm với lịch sử, với cộng đồng, với nghệ thuật. Đứng như chia sẻ của nhà thơ với người viết bài này: Viết về chiến tranh không bao giờ đủ, vì chiến tranh gắn liền với số phận con người. Khi nào con người còn đau thì người cầm bút còn cần phải viết. ■

ĐỌC SÁCH

PHẬN NGƯỜI TRONG THƠ

(Đọc *Mưa tanh*, thơ Lê Hường, Nxb Hội Nhà văn, 2012)

PHẠM HỌC

ĐỌC thơ Lê Hường, một điều dễ nhận ra, là nỗi trăn trở về thân phận con người. Ông mở đầu tập thơ tình *Rượu chết* (Nxb Thanh niên - 2011) của mình thế này: *Tình yêu/ như chén rượu đầy/ Ngọt ngào/ còn lẫn đắng cay/ phận người....* Mở đầu tập *Mưa tanh*: *Vừa chớp bể/ lại mưa nguồn/ Phận người mỏng mảnh cánh chuồn chênh chao....*

Đến những nhân vật như Nguyễn Trãi trước cơn ba đào lịch sử cũng bơ vơ: *Chao ơi!/ Bát nháo triều đình/ Ngai vàng nghiêng ngả/ dân tình lao đao/ Minh quân/ khuất nẻo nơi nào/ Có hay/ đại nghiệp rơi vào/ trò chơi (Côn Sơn mây trắng).*

Nhà thơ thấy tư tưởng nhân đạo của Nguyễn Trãi thật sâu sắc ở chỗ cụ Nguyễn đã hòa mình cùng lớp người đau khổ mà thương xót họ như chính thân mình chứ không phải kiểu bề trên nhìn xuống. Chọn điểm nhìn như vậy, Lê Hường có nhiều chiêm nghiệm về cuộc đời, về phận người rất thấu đáo.

Cái mà Lê Hường sợ nhất là sự "già" đi, sự khô cạn của tâm hồn. Khi đã trải qua bao đắng cay cõi người, nhà thơ nhận ra rằng, nơi bình yên nhất, nơi có thể nuôi dưỡng tâm hồn mình là mảnh vườn xưa có dấu chân và câu hát ru của mẹ.

Nhưng cũng ở chốn ấy, nhà thơ không thể tìm lại được hình ảnh yếm thâm, lựa hồng đi trầy hội: *Gái làng/ góa bụa ôm con/ Nén lòng/ đây mắt vẫn còn mưa rơi/ Xa trông hun hút trùng khơi/ Dẫu là đá/ cũng bồi bồi... nát gan!* (Hun hút trùng khơi). Lê Hường cũng có cái ước vọng dùng tình yêu để cứu chuộc



thân phận. Nhưng mãi miết trong cõi tình, nhiều lúc ông nuối tiếc khi một "Em" nào đấy bị cuốn chìm vào trong vòng danh lợi kim tiền. *Em ngồi đếm bạc đếm vàng/ Tôi đi nhặt chữ lang thang cõi người/ Bao nhiêu đắm đuối một thời/ Giờ đem tung cả lên trời gió bay (Gió bay).*

Nhân vật trữ tình trong thơ Lê Hường trở nên bơ vơ trong cuộc đời và trong cuộc tình. Buồn thay, anh đang làm một kẻ đợi nước gọi đò trên dòng sông cuộc đời mệnh mang vô tận. Tiếng gọi khắc khoải kia rồi cũng lọt thỏm vào trong khoảng không im lặng: *Gọi nhà - cửa đóng then cài/ Gọi giới - lác đác rơi vài*

hạt mưa/ Gọi em - không một tiếng thưa/ Gọi đò - đắm rước dâu vừa qua sông (Tiếng gọi). Nhân vật trữ tình như thế bị giam hãm trong một không gian nghệ thuật o bế, kín bưng. Nhân vật vùng vẫy tìm nơi bầu víu, tìm sợi dây liên hệ giữa mình với đời, với người nhưng vô vọng.

Một hình tượng nữa cũng được nhà thơ sử dụng nhiều lần và đầy ám gợi là "vọng phu", nhưng cảm nhận nỗi đau trong cái trạng thái vọng phu chưa hóa đá: *Mười năm/ Hai mươi năm/ Ba mươi năm... Người ra trận không về/ Tiếng đạn bom/ Vô nát trái tim/ người vợ! Bấy giờ/ dẫu đã bạc/ Mắt đã mờ/ Người chờ vẫn chờ/ không hóa đá... (Vọng phu).* Có những nỗi đau, sự kiên cường chịu đựng không thể diễn tả hết được bằng lời.

Viết về phận người, Lê Hường không mang đến cho thơ mình một cái nhìn siêu hình tôn giáo. Ông đau nỗi đau của những lớp người thấp bé trong xã hội, những người bán sức lao động ở chợ người, kẻ phải sống chui rúc trong khu ổ chuột, những cô gái tự bán mình đi lấy chồng Đài Loan... Nỗi niềm chất chứa trong mỗi câu thơ tuyệt nhiên không phải theo kiểu "thương vay khóc mướn" hời hợt bên ngoài.

Không phải chỉ viết về con người, thơ Lê Hường mới nặng mang nỗi niềm thân phận: *Xác cây xác còng/ Hòa kiếp bay xa/ Hồn sủi hồn vệt/ Lang thang không nhà/ Đêm đêm biển khóc/ Thương cây thương còng/ Thương sủi thương vệt/ Nước mắt.. quận lòng (Biển khóc).* Lê Hường đã đưa vào thơ một vấn đề rất thời sự: bảo vệ môi

trường. Nhưng ông đã giải quyết vấn đề ấy một cách nhuần nhị bằng hình tượng thơ. Viết về thân phận, thơ Lê Hường không siêu hình mà đậm hơi thở cuộc sống cũng là ở đó. Trong thơ Lê Hường, mọi sinh linh đều bình đẳng. Từ hình ảnh người diên trong khu ổ chuột, nhà thơ suy ngẫm về kiếp chuột và phận người: *Đêm mất điện/ mùi thức ăn thừa bốc lên chua loét/ Chuột chỉ chèo với chuột/ Chuột chỉ chèo với người/ Nước dãi của chuột/ Nước mắt của người/ ướt nhoét... Đêm mất điện/ đen thui một kiếp chuột/ tỉnh ra một phận người (Phận người).* Ở một bài thơ khác, ông lại thấy dù con đường của người và của chuột có ngoắt ngoéo khác nhau nhưng có lúc va chạm vào nhau, để rồi: *Cho đến một ngày/ Cuộc chạy maratông kết thúc/ Trong tiếng nỉ non của giun dế/ Người chuột nhìn nhau/ nghệt thở (Chuột và người).*

Khi viết về những thân phận, Lê Hường thích dùng những từ láy, đẩy sức gợi như: *chênh chao, mỏng mảnh, đắm đuối, đắng đót, chênh vênh, hun hút, bồi bồi, hun hút, nghiêng ngả, lao đao, gấp ghềnh, gieo neo v.v...* Điều đó có cái lý của nó. Thơ ông là tiếng lòng cất lên trước nhân tình thế thái. Đó là mảnh đất màu mỡ cho từ láy xuất hiện. Đó cũng là nguyên nhân lý giải hiện tượng ông lựa chọn hình thức câu thơ lục bát ngắt dòng, vắt dòng. Khi cảm xúc trào dâng thì câu thơ bung phá, vượt ra khỏi giới hạn thông thường.

Đọc thơ Lê Hường thấy phảng phất một nỗi buồn. Nỗi buồn tâm hồn thêm lớn.

GIỮA HAI BỜ SÁNG-TỐI

(Đọc *Đoàn khúc*, thơ Fan Tuấn Anh, Nxb Văn học, 2013)

HOÀNG THỤY ANH

FAN Tuấn Anh là một trong số ít những nhà thơ trẻ (thế hệ 8x) có xu hướng phản ánh cuộc sống hiện tồn với đủ những mặt ưu và nhược của nó. *Đoàn khúc* là tập thơ thứ hai của Fan Tuấn Anh, cũng khai thác đề tài tình yêu nhưng nhìn dưới góc độ khác: sự chiêm nghiệm, giải bày tình yêu gắn liền với hành trình đi tìm ý nghĩa cuộc đời, tìm bản thể, tìm bản nguyên thể giới.

Đoàn khúc gồm 35 bài. Hầu hết các bài đều quy vào mẫu số chung: *thế giới và em*. Thế giới song hành với em. Sự giải bày tình yêu với em được lồng ghép trong sự diễn giải, khám phá về thế giới. Bám vào sự giải bày của chàng trai với em, các câu chuyện được mở ra, thế giới được mở rộng hơn về không gian lẫn thời gian. Thế giới của Fan Tuấn Anh là thế giới: *"Không khách thể, vô chủ thể, phi thời gian, bất không gian"*. Thế giới chứa đựng đầy rẫy những mâu thuẫn, nghịch lý. Hiện hữu trong mối quan hệ giữa con người với con người chỉ là sự giả dối. Cuộc sống bao trùm sự chết chóc, thảm họa, bi thương... Không một ai tự vấn lấy nỗi đau về mình, không ai chúc phúc cho người khác, bởi con người đã "quá an lòng với những sự thân nhiên". Sự dửng dưng trở thành một đặc tính cố hữu. Hình dạng, gương mặt của thế giới được tác giả may và bằng đường chỉ trực ngôn, giàu tính triết lý. Nơi đó, tồn tại *"những con người mãi mê ăn thịt những con người"*, *"những con người không biết cách ngừng ăn thịt sự tử và cả đồng loại của chính mình"*. Xoay chuyển thế giới: *"cấm con người thói tàn ác và chiến tranh"* là việc làm vô lý, bởi không ai có thể giảm bớt những chuyện đau lòng giữa thời gian. Ngày, chiều rồi đến đêm,

thời gian vận hành liên tục bằng những bức tranh phản cảm: *"Ngày qua ngày, những người mẹ đi phá thai bởi đứa con sắp ra đời là bé gái/ Chiều qua chiều, đám đông bu đến để cười vui khi vào xem những tai nạn bên vệ đường/ Đêm qua đêm, những người đàn ông cô đơn đang ngủ, làm tình và yêu những con búp bê/ Ai cũng thấy trong nỗi khổ đau của người khác có một trò hề"* (Đoàn khúc số 93). "Giấc mơ rã rời" về "sự sám hối, nỗi bi tuyệt và những vết thương" của một "thế giới nhiễm phen đau thương từ chân tóc của những điều giản dị mà mọi người vẫn vô tư và hồn nhiên mỗi ngày đem lên" là độc âm của "Đoàn khúc".

Fan Tuấn Anh nói với em, với người đọc, thế giới mà anh giải bày chỉ là thế giới của giấc mơ, của sự tưởng tượng mà thôi. Song thực ra, sự hư cấu, tưởng tượng chỉ là cái cớ, tấm bình phong để anh kéo bộ mặt cuộc sống trở về đúng nguyên bản của nó. Thế giới tưởng tượng của anh là sự đi về, chông chênh giữa cái phi lý - hữu lý; hư - thực; quá khứ - hiện tại; hữu hạn - vô hạn; sáng - tối; tốt - xấu; sống - chết... Nhờ tư duy đối lập, anh khéo léo tránh được sự dầy thò nặng nề và chỉ ra được những vùng hoen ố tâm hồn. Fan Tuấn Anh thiết lập, tạo nên thế giới của riêng mình nhưng anh cũng biết phản lại vấn đề mà mình đã nêu bằng các câu trúc: *"không thấy... chỉ thấy"*, *"phải làm gì để... nhưng"*; *"không tin... tin"*... Nhờ đó, vấn đề mà anh đưa ra luôn được lật đi lật lại, sâu sắc, triết luận. Thế giới ấy đánh mất niềm tin, lẽ sống, khiến con người luôn sống trong sự hoài nghi. Có khi Fan Tuấn Anh nhận ra được vùng tối, góc khuất của thế giới, nhưng

cũng có lúc anh băn khoăn, hoài nghi chính cái thế giới mà mình đang sống. *"Thế giới của anh đang sống là thế giới nào?"* mà những điều cứ ngỡ phi lý nhưng lại rất hữu lý: *"Những quái thai có hai đầu, những đất nước có hai thủ đô, những hòn đảo có hai tên gọi, những cuộc hôn nhân có hơn một vợ, một chồng/ Nơi tất cả đều xác lập sự sở hữu của mình bằng những cuộc giành giật đấu tranh (đã từ lâu thế giới không còn là một thực thể nguyên lành...)"* (Đoàn khúc số 96). Sự nguyên lành của thế giới là điều không tưởng, không ai có thể dự đoán, toan tính trong cuộc sống hiện tại khi nỗi đau không ngừng chống chất: Holocausts, 11 tháng 9, Fukushima...

Đoàn khúc viết nhiều về cái chết. Khi Fan Tuấn Anh phát hiện sự mục rỗng, không nguyên vẹn của thế giới, cũng là lúc anh nghĩ nhiều về cái chết của chính mình. Những từ ngữ mang sắc thái buồn đau xuất hiện với mật độ dày ở tất cả các *Đoàn khúc*. Riêng từ "chết" xuất hiện đến 105 lần/ 35 bài thơ. *"Tất cả đã dừng lại, tha hóa đi và hành trình về cái chết"* (Đoàn khúc số 29). Vấn đề, đúng để cái chết đánh mất bản ngã, mà phải biết bất chấp cái chết, không một chút nao núng, sợ hãi để sống thật có ý nghĩa: *"Với anh, mỗi ngày trôi qua, cái chết là một niềm vui"* (Đoàn khúc số 33), *"cái chết là điều duy nhất anh để dành cho riêng mình"* (Đoàn khúc số 38), *"Vết thương là niềm vui và cái chết là một điều tốt lành nho nhỏ"* (Đoàn khúc số 94), *"Anh giờ chỉ còn cái chết là tác phẩm cuối cùng cần nâng niu như vật báu"* (Đoàn khúc số 87)... Xem cái chết là niềm vui, Fan Tuấn Anh đã tìm thấy ý nghĩa của cuộc sống. Càng



đi dần về chốn hư vô, anh càng thấy quý mến, trân trọng những giá trị đích thực mà cuộc sống ban tặng cho loài người. Fan Tuấn Anh "đã thôi buồn, từ ngày biết cái chết cuối cùng cũng mang bản mệnh như sự sống/ Nếu cuộc sống là một hành trình, thì chết ở trên đời cũng là một quá trình không thể nào khác hơn" (Đoàn khúc số 98).

Thế giới tưởng tượng mà Fan Tuấn Anh đã "vẽ/ kể/ hát/ xây dựng/ đạo diễn/ điêu khắc..." quá nhiều "buồn bã, chết chóc và thảm họa", tình yêu chân thành cũng mang màu sắc tuyệt vọng, nhưng bức tường *Đoàn khúc* hết sức kiên cố. Bởi, khi chọn chất thể sự làm nền tảng, rồi tô trát bằng ngôn từ triết luận, *Đoàn khúc* luôn đòi hỏi người đọc vốn liếng để suy ngẫm, giải mã:

Vậy ta cần có cái chết, những vết thương sâu sắc hơn và sự dối lừa nhằm trốn chạy một niềm đau?

(Đoàn khúc số 61)

Sự day dứt, lo lắng, dằn vặt trước những bất ổn của thế giới, của tình yêu không ngừng tuôn chảy. Thế giới của *Đoàn khúc* là thế giới của giấc mộng, giá như Fan Tuấn Anh đẩy người đọc vào giấc mộng ấy và để họ tự tìm đường ra thì cảm xúc thơ, tư tưởng thơ sẽ trọn vẹn hơn.

NGHỆ THUẬT

VỀ MỘT KHÍA CẠNH CỦA SÁNG TẠO

LÊ HUY QUANG

NHỚ lại từ giữa thập kỷ 70 của thế kỷ XX, khi cộng tác với các tác giả, biên đạo để thiết kế mỹ thuật một số tác phẩm múa (trong đó có cả các vở kịch múa, tổ khúc thơ múa về đề tài lịch sử và chiến tranh cách mạng), đã nảy sinh những ý kiến trao đổi với nhau trong khi làm việc- giữa tác giả, biên đạo, họa sĩ, nhạc sĩ - những quan niệm về hư cấu để tài lịch sử, các nhân vật lịch sử và hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Tất nhiên, về cơ bản, ai cũng cho rằng nghệ thuật là phải hư cấu, nhưng hư cấu như thế nào, mức độ đến đâu... là tùy thuộc nhận thức của từng cá nhân nghệ sĩ. Cũng bởi, thời gian đó, công tác phê bình, lý luận hình như chưa có điều kiện quan tâm đến lĩnh vực này (về tất cả các thể loại văn học, nghệ thuật, trong đó có múa) - bằng chứng là mãi đến nay, các Hội VHNT chuyên ngành của Trung ương mới tổ chức các Hội thảo chuyên đề. Không biết có phải là quá muộn, hay vẫn còn là kịp thời, trong khi thế giới đã tồn tại khá nhiều giấy mực để tranh luận về hư cấu hay không hư cấu để tài lịch sử với văn học, nghệ thuật... đã hàng trăm năm nay.

Từ những tác phẩm múa về truyền thống quê hương, đất nước, biển cả của tác giả Nghiêm Chí, Xuân Định với một số đoàn Ca múa chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV năm 1976. Năm 1978, một chương trình tập huấn của Đoàn Ca múa Nghệ Tĩnh - Nghiêm Chí, Xuân Định dàn dựng - về đề tài truyền thống, đã tạo nên một số hiệu quả mới về nghệ thuật. Tháng 2 năm 1979, trong không khí chống quân Trung Quốc xâm lược biên giới phía Bắc, Đoàn Ca múa Công an Nhân dân Vũ trang (nay là Đoàn Bộ đội Biên phòng), đã xây dựng một chương trình mang chủ đề lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc và hình ảnh người chiến sĩ bộ đội biên phòng, do hai biên đạo Lê Cung, Khắc Tuế sáng tác và dàn dựng. Ngoài một số tiết mục múa ngắn hiện đại, thì tổ khúc thơ múa về vùng đất lịch sử Mê Linh với hình tượng hai nữ anh hùng Trưng Trắc, Trưng Nhị, đã thực sự cuốn hút khán giả bằng sự chặt chẽ về cấu trúc kịch bản, dàn dựng, tính trung thực của lịch sử được phản ánh một cách sáng tạo. Cùng chủ đề đó, tác giả Kim Tiến đã dàn dựng cho Đoàn Ca múa Quân Khu II, Đoàn Ca múa Quân đội, Đoàn Ca múa Quân khu I, Đoàn Ca múa Dân gian Việt Bắc... các tác phẩm đề tài hiện đại, truyền thống, dân gian và lịch sử, phục vụ kịp thời đông đảo khán giả trong và ngoài quân đội và các tỉnh biên giới phía Bắc. Những giai đoạn tiếp theo, là kịch múa về một giai đoạn kháng chiến chống Pháp của Xuân Định (Đoàn Ca múa Thanh Hóa), đã gây nên những ấn tượng về chiến khu Ngọc Trạo nổi tiếng xứ Thanh. Chương trình nghệ thuật Chăm - dân gian và hiện đại của Đặng Hùng (Đoàn Ca múa Thuận Hải); kịch múa về đề tài kháng chiến chống Pháp của Hoàng Thọ, Lê Ngọc Cường - chào mừng Đại hội Đảng VI - 1986 (Đoàn Ca múa Nghệ Tĩnh); *Kiểu* của Phùng Nhạn (Trường Múa Việt Nam); chương trình nghệ thuật *Quê hương*

Dưới sự chỉ đạo của Ban Tuyên giáo Trung ương, thực hiện chủ trương chung của Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật TƯ; thời gian qua, các Hội Văn học, Nghệ thuật chuyên ngành của Trung ương đã tổ chức Hội thảo chuyên đề các sáng tác về đề tài lịch sử. Trên tinh thần đó, ngày 4-4-2013 vừa qua, tại hội trường khách sạn Công Đoàn - Quảng Bá - Hà Nội, Hội Nghệ sĩ Múa Việt Nam đã tổ chức Hội thảo Sáng tác múa với đề tài lịch sử, nhằm mục đích nhìn nhận và đánh giá một cách khách quan, khoa học những thành tựu đã đạt được; đồng thời gợi ra những cách tiếp cận, góc nhìn mới trong sáng tác thời gian tới. 24 tham luận của nhiều nhà nghiên cứu, phê bình và Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú tâm huyết với ngành Múa Việt Nam đã tập trung nhìn lại chặng đường sáng tác Múa về những sự kiện, danh nhân, địa danh văn hoá lịch sử, tiếp tục khẳng định lịch sử dân tộc luôn là nguồn cảm hứng lớn đối với nghệ sĩ sáng tác và biểu diễn múa.

Trong bài phát biểu tại Hội thảo, PGS.TS Đào Duy Quát, Phó Chủ tịch Hội đồng LLPB VHNT Trung ương đã đề cập khá nhiều đến vấn đề giáo dục lịch sử cho thế hệ trẻ hiện nay, liên quan đến hoạt động sáng tạo Văn học nghệ thuật về đề tài lịch sử. Theo ông: "Giáo dục lịch sử là cách tốt nhất để giáo dục lòng yêu nước, chủ nghĩa yêu nước. Nhưng giáo dục lịch sử bằng tác phẩm VHNT thì nó có tác dụng sâu xa hơn. Thông qua các tác phẩm VHNT về đề tài lịch sử giúp chúng ta giáo dục, khơi dậy sâu sắc chủ nghĩa yêu nước, lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự lực tự cường, tinh thần lao động sáng tạo, ý chí xả thân bảo vệ Tổ quốc. Thông qua tác phẩm VHNT; nó có tác dụng sâu xa trong nuôi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách trong mỗi con người. Chính vì thế mà thông qua những việc quảng bá giáo dục tác phẩm VHNT, góp phần giáo dục xây dựng những yếu tố cơ bản của nền tảng tinh thần xã hội, nền tảng đạo đức xã hội. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay rất cần khơi dậy lòng yêu nước, ý chí tự lực tự cường, tinh thần lao động sáng tạo, đạo đức, chủ nghĩa nhân văn...". Chính vì vậy mà trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay, rất cần có sự nỗ lực đóng góp của các văn nghệ sĩ cũng như trách nhiệm của các nhà Lãnh đạo văn nghệ để có thêm nhiều nhiều tác phẩm có giá trị cao về đề tài lịch sử.

Nhân dịp này, Văn nghệ trân trọng giới thiệu bản Tham luận của NSND. Họa sĩ Lê Huy Quang trình bày tại Hội thảo.



Đạp bằng sóng gió - một tiết mục về đề tài lịch sử của Nhà hát ca múa nhạc Quân đội.

đất nước của biên đạo Chu Thúy Quỳnh (Nhà hát Ca múa nhạc Việt Nam); cùng các kịch múa về Điện Biên Phủ của Ứng Duy Thịnh (Đoàn Ca múa Quân đội); kịch múa về hình tượng người cộng sản Nguyễn Ái Quốc trong *Nhật ký trong tù* do Công Nhạc và lớp biên đạo Trường Đại học Văn hóa nghệ thuật Quân đội dàn dựng; cho đến gần đây là kịch múa *Mùa hoa ban Điện Biên*, của Thái Phiến, Xuân Định (Đoàn Ca múa Lai Châu); kịch múa *Một thời và mãi mãi* về anh hùng liệt sĩ Đặng Thùy Trâm - của nhóm tác giả, biên đạo Lê Huân, Bá Thái, Hồng Hà (Đoàn Ca múa Quân khu V, Nhà hát Tuổi Trẻ Nguyễn Hiền Dĩnh) - đã mang lại nhiều xúc cảm và những tìm tòi mới mẻ về hình thức thể hiện.

Nếu chỉ nhìn nhận một cách tổng quát dưới góc nhìn của một họa sĩ trong một số vở kịch múa, tổ khúc thơ múa cũng như hàng trăm sáng tác múa ngắn khác; chúng tôi có thể khẳng định rằng: những

hiện thực của lịch sử đã được minh chứng từ trước đến nay, cũng như những không gian đa chiều, huyền ảo, nhiều tầng, nhiều lớp, đa dạng, đầy chất bi hùng của hàng ngàn năm lịch sử... đã được các nhà sáng tác, biên đạo múa hết sức tôn trọng, trong quá trình sáng tạo, hư cấu, để thể hiện bằng các thủ pháp của nghệ thuật múa. Cũng một góc nhìn như thế với các tác phẩm về đề tài chiến tranh cách mạng - hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ - đã được xây dựng trên một cái nền chung là nhân dân và lịch sử của Tổ quốc: lãng mạn, trữ tình, đầy chất anh hùng ca, trung thực, gần gũi với cuộc sống, nhưng lại không sa vào minh họa một cách giản đơn, sơ lược. Bằng chứng là trong các tác phẩm đã nói ở trên (và còn rất nhiều sáng tác múa khác mà chúng tôi không có điều kiện để đề cập), đã nhận được rất nhiều Giải thưởng, Huy chương Vàng, Bạc,... cho các tác giả, biên đạo, họa sĩ, nhạc sĩ,

nghệ sĩ biểu diễn, cũng như Giải thưởng cho cả chương trình nghệ thuật, tại các Liên hoan, Hội diễn Ca múa nhạc chuyên nghiệp toàn quốc, trong suốt 40 năm qua.

Cuối cùng, chúng ta cần nhìn nhận rằng, thiết kế trang trí, trang phục và đạo cụ cho một số tác phẩm múa về đề tài lịch sử và chiến tranh cách mạng trong thời gian qua, đã có những đóng góp nhất định cho nghệ thuật múa. Các biên đạo đã thành danh, cùng không ít gương mặt biên đạo trẻ, đã có những tìm tòi nhất định: hiện đại, táo bạo, tràn đầy cảm xúc tươi mới trong ý đồ cùng với họa sĩ thiết kế mỹ thuật. Tuy nhiên, bên cạnh những thành công đó, còn không ít ý kiến vẫn cho rằng trang trí sân khấu còn rườm rà, tham lam nhiều đạo cụ như các giải lụa, các loại giấy chằng chịt, các loại mặt nạ, các quả chuông chùa lớn bé, các loại lưới giăng mắc, rồi đuốc của Tuồng, quạt của Chèo, nón lá, nón quai thao treo đầy sân khấu... Trang phục của các Triều đại còn lẫn lộn, lai căng tích Tầu, La Mã đâu đó của nước ngoài, màu sắc lòe loẹt, kim sa, kim tuyến lấp lánh lộn xộn, kiểu dáng có lúc hở hang, khêu gợi, tùy tiện, không ăn nhập vào nội dung vở diễn. Ngay cả các trang phục dân gian, truyền thống, tà áo tứ thân, cũng bị biến dạng, còn trang phục hiện đại lại nghèo nàn về kiểu dáng, màu sắc... Ánh sáng thì kết hợp thiếu nhuần nhuyễn, lạm dụng khói, hương, đèn, nến làm cho sân khấu thiếu đi sự bay bổng, thanh thoát, lãng mạn, trữ tình... vốn là sức mạnh hấp dẫn tuyệt vời của nghệ thuật múa.

Trở lên trên, chúng tôi đã có một vài suy nghĩ nhỏ về mỹ thuật qua các tác phẩm múa về đề tài lịch sử và chiến tranh cách mạng. Nghĩ cho cùng, hư cấu trong sáng tạo văn học nghệ thuật là quyền, nhưng cũng chính là trách nhiệm của mỗi người cầm bút, mỗi nghệ sĩ trước xã hội. Nhưng hư cấu không có nghĩa là tùy tiện xuyên tạc, bịa đặt, bóp méo, bôi đen hay cả việc tô hồng lịch sử- mà nó phải dựa trên những cứ liệu của lịch sử đã được kiểm chứng, khẳng định- để sáng tạo nên những hình tượng nghệ thuật chân thực có sức lay động mạnh mẽ tâm hồn và thuyết phục được đông đảo công chúng. Ngược lại, cũng không nên trung thành tuyệt đối với lịch sử một cách máy móc, khô cứng, giáo điều, sơ lược. Bởi hư cấu hay không hư cấu, thì cũng phải đạt tới những giá trị nghệ thuật đích thực nhất định là hay, đẹp, hấp dẫn khán giả. Bởi chúng ta có thể tự tin để khẳng định rằng: Nghệ thuật Múa đương đại Việt Nam nói chung, cùng với những sáng tác về đề tài lịch sử, nhân vật lịch sử và chiến tranh cách mạng- trong quá trình hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước, cũng như trên một thế kỷ của hai cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc để giành lại Tổ quốc Việt Nam - như những ngọn lửa diệu kỳ, sẽ có những bước phát triển mới, trong giai đoạn đổi mới và hội nhập toàn cầu đầy thuận lợi và thách thức của đất nước!■

Những dấu chân tuổi trẻ em qua
Hoa cũng sẽ vì em mà thắm...

TÔI tưởng tượng ra dấu chân nơi em từng đi qua còn in lại hình những chiếc thuyền độc mộc. Mà ở đó tràn ngập sắc nắng hương hoa được thả trên chõng chênh xúc cảm. Tâm hồn tôi từng neo đậu ở đó những tháng ngày dài để ước ao, nuôi tiếc dù tôi và em chẳng thân thiết nhau là mấy. Em học dưới tôi vài lớp, khi tôi tốt nghiệp thì em đi du học nước ngoài. Em chọn Pháp là nơi kí gửi một phần tuổi trẻ với những làng hoa, những con sông, những cánh đồng đẹp như cổ tích. Còn tôi đã chọn em để gửi giấc mơ thầm kín của mình. Giấc mơ vượt thoát khỏi căn phòng chưa đầy mười mét vuông giữa nơi chỉ thấy tắc đường, thực phẩm độc hại và giá đất ảo đến xa xăm mặt mày.

Em có cái tên đẹp như thơ và gọi nhiều hoài niệm nhưng tôi thích gọi em là V. Giống như một mã giấc mơ mà tôi đang giấu kín. Em không đẹp nhưng em mang khuôn mặt của một kẻ lãng du bụi bặm sương gió dặm trường. Chỉ nụ cười là đủ ấm áp cho những mùa đông lạnh giá ở xứ người. Tôi cũng có một nụ cười như em nhưng đường như nó được dính sẵn trên môi để làm vật trang trí cho vui mắt người đời. Bởi tôi chỉ giữ lại cho mình niềm khắc khoải khôn nguôi trong đôi mắt. Người ta gọi tôi là Rêu, giống như cách người ta gọi em là Cá, gọi một vài sắc trẻ là Mực, là Keng, là Gió... Những thanh âm ấy rơi xuống giữa vơi vơi đời sống để rồi rất dễ bị chìm ngấm, bị nuốt trọn trong cái xô bồ. Tôi cũng bị rơi như thế, bỏ lại vài cái sùi sùi rồi chìm hẳn. Tôi mừng vì em đã ngoi lên, bơi về phía đại dương một mình một bóng cá chim trời. Vừa thông dong vừa nỗ lực. Nhỏ nhoi nhưng đầy kiêu hãnh...

Tôi ngủ trong giấc mơ của V khi lần đầu tiên em đặt chân đến làng Beuvron-en-Auge. Đó là một trong những ngôi làng xinh đẹp nhất vùng Normandy nước Pháp mà tôi mới chỉ biết qua sách báo. Tôi thích những giỏ hoa được treo ở khắp nơi trong làng, từ hiên nhà, balcon, dọc hai bên hè đường, thậm chí hoa lá lơ lửng treo dọc bờ các dòng kênh. Kiến trúc cổ kính với mái ngói màu rêu, những ô cửa sổ nhỏ kẻ nhau bên ống khói nhỏ lên bầu trời xanh thẳm. Em bước đến đó đứng lẫn trong trong một thế giới sắc sỡ sắc hoa. Đã có lúc tôi giật mình vì tưởng đã mất dấu em trong một thảm hoa nào

GIẤC MƠ ĐỘC MỘC...

Truyện ngắn của VŨ THỊ HUYỀN TRANG

đó. Giống như tôi đã từng mất dấu đứa em gái út của mình cách đây mười năm trước...

Em gái út của tôi cũng bằng tuổi V, có đôi mắt trong tựa nước hồ thu. Khi út ba tuổi, út hay nhìn lên mỗi khi tôi ngồi đan cọt. Khi út sáu tuổi, sáng nào tỉnh giấc tôi cũng thấy em nằm im nhìn tôi chăm chú chớp chớp hàng mi cong vút. Tôi bảo:

- Sao út cứ nhìn chị mãi vậy?

Út nhoeo cười lộ hai núm đồng tiền xinh xắn, rúc đầu vào nách chị tỏ vẻ khiến tôi phải bật cười.

- Vì chị bé đẹp.

Cả nhà cười út sáu tuổi mà biết khen chị đẹp. Út cũng cười bảo "thương chị bé nhất nhà". Những ngón tay út mềm và đẹp thường nghịch ngợm mái tóc dài của tôi. Tôi thích mỗi lần út dụi mặt vào mái tóc tôi rồi cười sặc sụa. Út khen tóc chị bé mượt đen gọi là hương nhu thơm mát. Những lúc không quần quýt tôi như một chú mèo con, út thường lên đi chơi đầu đó nhiều hôm quên cả đường về. Khi thì là cánh đồng mùa cạn, dọc những bờ cỏ xanh non là bạt ngàn hoa dại li ti nở, li ti thắm, li ti ngát hương trời. Út thích nhất hoa me cạn tím ngắt, em nhảy chân sáo hát liu lo, thì thoảng lại dừng lại chạm những ngón măng xinh vuốt ve một bông hoa.

Vào mùa hè em thường trốn lên rừng thoát ẩn thoát hiện trong những bụi hoa mua tím. Chơi chán út nằm xuống cỏ ngủ quên, để mỗi lần tôi tìm thấy em đều ngỡ ngàng trước một cảnh tượng rất đổi êm đềm. Trông út giống như một cô công chúa nhỏ hồn nhiên ngủ giữa rừng hoa. Cảnh tượng đó gợi cho tôi niềm xúc động, là nỗi an ủi vô về tôi qua những ngày tháng vất vả, nhọc nhằn khi đó.

Giữa những khuôn mặt người lăm lăm lúc nào cũng chỉ nghĩ đến việc làm sao thoát khỏi cái đói, làm sao kiếm được miếng ăn, làm thế nào để trả được nợ đọng lãi cao. Thì út giống như một thanh âm trong trẻo vút lên khỏi cái nền âm ảm ấy.

Năm tôi mười ba tuổi, tôi bắt đầu nghĩ về những chuyến đi. Kỉ niệm rõ rệt nhất còn đọng lại trong tâm trí tôi là sân ga lúc chiều tàn tôi vẫn thường ra chờ đón hàng bố gửi từ miền xuôi lên. Nghề đan cọt không đủ nuôi sống cả gia đình nên bố phải đi bốc vác cho các bến xe, nhà ga dưới thành phố. Sau này nhờ quen các mối hàng, bố lấy hàng khô gửi về cho mẹ mở thêm quán tạp hóa nhỏ xíu bán kiếm đồng ra đồng vào còn lo ăn học cho cả một đàn con. Thế là cứ cuối tuần tôi lại ra sân ga ngồi nhìn những chuyến tàu xuôi ngược. Âm thanh tiếng còi tàu va vào kí ức vang vọng, hun hút, xa xăm... Tôi cũng thích những ô cửa sổ của đoàn tàu, qua tấm lưới sắt là nhiều đôi mắt đang dõi nhìn về phía sân ga. Tôi tưởng tượng họ đến từ một thế giới xa xôi nào đó, nơi mà tôi chưa từng biết đến. Tôi nhìn theo đoàn tàu xinh xịch trôi xa, nhìn những con người ngồi trên đó với ánh mắt thêm muốn và ngưỡng mộ. Tàu đi rồi chỉ còn lại sân ga buồn, lá bàng rơi đỏ thắm cả chiều tàn...

Út có theo tôi một vài lần ra sân ga chờ hàng của bố. Em hỏi tôi:

- Nếu mình lên tàu thì tàu sẽ chở mình đến tận đâu chị bé ơi?

- Xa lắm!

- Thế bố cũng ở đó đúng không chị bé? Mà ở đấy chắc là đẹp lắm... Mai này lớn lên nhất định em sẽ đến đó. Chị bé có muốn em cho đi cùng không?

Tôi cười, công út nhảy tênh tênh trên

sân ga. Đó là những buổi chiều đẹp và chúng tôi thường trở về nhà khá muộn. Mẹ đôi khi quở trách vài câu nhưng không hời hợt nhiều. Mẹ không biết rằng trong khi mình đầu tắt mặt tối lo xoay sở kiếm sống thì trong đầu đứa con gái lớn đang loay hoay tìm cách chạm vào những chuyến đi...

V bắt đầu những chuyến đi xa hơn cả nước Pháp hoa lệ, bỏ lại kinh đô ánh sáng sau lưng. Nhờ hiệp ước tự do đi lại của một số nước châu Âu, V bắt đầu đi tham quan nhiều nước trong khu vực Schengen. Sau những ngày làm việc mệt mỏi, tôi trở về phòng trọ lạng lẽ theo dõi từng cập nhật của V trên facebook. Tôi có cảm giác như mình đã đặt mua một vé tàu điện ngầm từ Paris đến thủ đô Amsterdam của Hà Lan. Tôi tưởng tượng ra mình đang ngồi vào chiếc ghế trống ngay bên cạnh V giống như người vô hình. Khi tàu chạy dưới đường hầm, V ngồi dựa người vào ghế, nhắm mắt thư thái nghe nhạc. Tôi sẽ ngắm nhìn thật kĩ khuôn mặt em, tưởng tượng ra từng đường nét của gió, của mây, của sắc màu nghìn hoa nơi em qua đều in dấu trên khuôn mặt ấy. Tôi rất muốn nắm lấy bàn tay bé nhỏ của em, những ngón măng nâu màu nắng gió, như xưa từng nắm lấy bàn tay của út. Có lẽ em đã ngủ, một bản sonate buồn nào đó đã đưa em bước vào mảnh đất xa lạ trong những giấc mơ. Tôi cũng ngồi ngả người, nhắm mắt im nghe từng hơi thở nhẹ như dấu chân của gió của em... Và lúc này tôi tưởng như ngồi bên tôi là út. Giống như ngày xưa út hứa, khi lên tàu đi bất kì đâu út cũng sẽ mang tôi đi cùng. Chúng tôi đang đến Amsterdam, có lẽ út thích được ngồi du thuyền lạng lẽ ngắm thành phố cổ lịch sử đồ sộ nhất châu Âu đang hiện ra dọc hai bên bờ sông thơ mộng.

Tôi cảm nhận rất rõ nước mắt mình đang rơi khi tôi thấy bàn tay nhỏ nhắn của út đã tan chảy trong bàn tay tôi lạnh buốt. Giống như ngày nhỏ, trời mưa đá tôi đã lao ra sân cỏ cầm chặt một viên đá trắng muốt để giữ nó mãi mãi cho riêng mình. Nhưng rồi viên đá ấy đã nửa dần trong tay tôi đến khi chỉ còn là vệt nước lan khắp các kẽ tay. Đây là lần đầu tiên tôi khóc vì cảm giác mất mát, hụt hẫng cứ tràn ngập trong lòng. Khi đó tôi đã bắt đầu mơ hồ cảm nhận được rằng không phải thứ gì mình thích cũng có thể nắm chặt được. Khi đó lần đầu tiên tôi biết rằng đá cũng có thể tan chảy được. Cuộc sống khi nó mang đến một khám phá thú vị thì cũng đồng nghĩa nó đang dạy ta chưa chỗ cho những khoảng trống vốn không thể lấp đầy...

Tôi để tuột tay út vào ngày tôi trốn nhà lên tàu đi tìm bố. Thực ra việc đi tìm bố chỉ là cái cớ giúp tôi đủ mạnh mẽ rời khỏi sân ga chiều muộn để bước lên tàu. Trí tưởng tượng về những chuyến đi đã thôi thúc bước chân tôi đi hoang. Cuộc sống nghèo nàn, đơn điệu mỗi ngày ở miền quê bé nhỏ khiến tâm hồn thơ dại của tôi căng cựa. Hằng đêm tôi hay ngồi một mình ngoài hiên, thấy mẹ đi qua lại miệng lầm bầm tính từng đồng lỗ lãi mà thêm mẹ dừng lại quở mắng tôi một câu cho đỡ tui. Nhưng dường như một bờ vai gầy coi sóc bốn đứa con đã làm mẹ mệt mỏi. Nên chỉ cần chúng mạnh khỏe và được đến trường là mẹ vui rồi còn chúng nghĩ suy những gì mẹ không thể biết. Thiếu đi sự chở che của bố, cái vỗ về của mẹ cùng những buổi chiều muộn ngồi đợi tàu trong sân ga. Tôi đã bắt đầu cho một chuyến đi dài của cuộc đời mà chưa biết khi nào mới thực sự kết thúc...

Chuyến đi hôm ấy giống như một giấc ngủ dài nhiều mộng mị mà tôi ước mình đừng bao giờ tỉnh giấc. Tôi không nghĩ mình phải trả giá nhiều đến thế. Khi tôi còn chưa kịp biết gì về vùng đất mới nơi vừa đặt chân đến thì tôi đã đánh mất linh hồn mình trong đôi bàn chân bé nhỏ của út. Tôi đi, út một mình ra sân ga tìm chị. Không biết có phải tại những bông hoa me cạn nở tím tái sân ga. Hay tại vì em mơ màng tưởng thấy hình ảnh tôi lấp lóa trên những toa tàu khiến đôi bàn



Minh họa của PHAM MINH HẢI

chân bé nhỏ ấy lúu rúu không kịp tránh đoàn tàu đang vào ga. Út bị tàu hất tung ra, tai nạn khủng khiếp ấy cướp đi đôi chân của út còn đầu óc thì lúc tỉnh lúc điên. Tôi trở về sau chuyến đi hoang ấy và bắt đầu những tháng ngày dài sống trong nỗi giày vò căm lặng...

Những lúc tỉnh táo út thường hỏi tôi:
- Điểm dừng cuối cùng của chuyến tàu ấy là ở đâu?
- Xa lắm!
- Ở đó chắc là nhiều hoa đẹp lắm phải không chị bé?
- Chị đã không nhìn thấy bông hoa nào ở đó.

Út nghiêng nghiêng nhìn tôi như thể không muốn tin rằng ở một vùng đất mới xa xôi lại chẳng có điều gì thú vị. Tôi nhìn vào đôi mắt đen láy hồn nhiên của út cảm giác như đang bị hút xoáy vào một thế giới khác. Thế giới của những giấc hoa tràn ngập sắc màu. Cho đến khi út chớp hàng mi cong, khép lại đôi mắt đen láy và trả tôi về với thế giới thực tại thì những cánh hoa bay vùn vụt ảnh hưởng suy nghĩ của tôi. Út dần lớn lên bằng những buổi chiều ngồi trong nhà ngóng hoàng hôn qua cửa sổ. Tôi đã trồng rất nhiều hoa trong vườn, để lúc nào út cũng thấy một cảnh tượng tươi đẹp đang ngập tràn xung quanh em. Nhưng có lần út bảo em không thể nào chạm vào những bông hoa ấy được, mỗi lần em chạm tay vào thì sắc hoa đều tan chảy. Sau này tôi hay bắt gặp út ngồi ngó hường ra cửa sổ và nhắm chặt mắt. Em bảo chỉ có cách đấy mới giúp em có thể chạm vào thế giới các loài hoa, ngửi thấy mùi hương thơm lan tỏa trong nắng mới. Thì thoảng em lại mở mắt hoảng hốt gọi "chị ơi!" như thể em sợ tôi lại bỏ rơi em thêm lần nữa...

Đêm. Khi chúng tôi nằm bên nhau, út hay nói về những giấc mơ. Mơ thấy mình mặc bộ váy trắng bay lên nền trời xanh thẳm. Trên trời gió rất mát, dưới đất cỏ rất xanh, em lướt qua từ vùng đất này đến vùng đất khác, từ bình minh đến hoàng hôn. Tôi hỏi út nhìn thấy những gì? Em bảo nhìn thấy con tàu mà chị từng đi. Thấy ánh mắt chị lấp lánh niềm vui. Tôi lại hỏi út còn nhìn thấy thêm điều gì nữa? Em cười ồ ồ bảo còn nhìn thấy chính em chiều đó ngồi chờ chị ngoài ngõ đến tối mịt. Tôi hỏi em có khóc không? Em không trả lời, dụi mặt vào lòng tôi như con mèo nhỏ. Nhưng tôi thì biết mình đang khóc...

Năm mười sáu tuổi, sau một đêm út bảo "Chị có thể mang em đi xa được không?" rồi nằm im trong vòng tay tôi ngủ ngon lành. Sáng ra em không tỉnh lại để ngắm xác hoa rụng rơi ngoài cửa sổ. Đêm trước bảo to gió lớn những hàng hoa đã tan hoang. Bão cũng đã quật tã tôi trái tim tôi suốt những mùa dài khi không còn em bên đời nữa. Từ đó tôi bắt đầu rơi vào trạng thái chệnh vênh, sống co mình trong chiếc kén buồn đau mà không cách nào thoát khỏi. Trong cái kén ấy, tôi loay hoay nhìn xung quanh mình và bắt đầu cảm thấy sợ hãi nếu một ngày nào đó bên cạnh tôi không còn ai thân thương nữa. Nó cũng giống như những tia sáng lấp ló cuối cùng đang chiếu vào chiếc kén ấy bỗng dưng vụt tắt. Sẽ là một thế giới tối tăm không lối thoát. Tôi bắt đầu vùng vẫy, căng cựa để nắm chặt thứ ánh sáng diệu vợi ấy. Đến lúc này tôi mới biết mình yêu gia đình nhiều đến nhường nào. Tôi không bao giờ còn muốn bước chân lên bất cứ chuyến tàu nào để phải rời xa họ nữa. Tôi không còn dám nghĩ về những chuyến đi... cho đến khi tôi gặp được V.

Gần đây nhất, tôi gặp V đang lang thang trên cánh đồng hoa lavender ở vùng Luberon nước Pháp. Em đi đôi giày vải, mặc một bộ váy trắng, trên đầu đội chiếc mũ rộng vành nhiều màu sắc. Trông em giống một cây nấm nhỏ di động đang bước chậm rãi, ngửa cổ hít thật sâu bầu không khí của miền quê trong lành nơi đây. Tôi đã từng nghe nhiều về những ngôi làng một nghìn năm tuổi đầy mộc mạc, tĩnh tế với sức hút diệu kì. Với những con đường màu nâu vàng nhạt, những vách đá màu đỏ, những vườn cây ăn trái

NGUYỄN NGUYỄN PHƯỢNG

Bên hồ Con Rùa

Ngu ngơ màu hoa hè phố
Sài Gòn tháng Chạp xanh se
Một chút hanh hao lá cỏ
Giọt đắng từng giọt gọi về.

Lắng hương nhà ai mấy đoá
Tường vi vừa độ hé tình
Run run gió mơn gì lạ
Áo mùa chớm sắc lung linh.

Buông tay vàng rơi chiếc cuối
Chênh chao cát bụi phố phường
Như ta một đời chìm nổi
Nhọc nhằn giấc mộng hoài hương.

Tàn năm phố dài đêm bóng
Em giờ xa lắc bến xưa
Ngàn sau biển hôn chao sóng
Để vàng kỉ niệm gió mưa!

Thả dài ưu tư dấu khói
Vương vương sợi nắng thị thành
Tháng Chạp, chiều ơi đừng vội
Tình nồng thuở ấy còn xanh.

PHẠM XUÂN CẦN

Trái cau hoa

Vườn xưa rụng trái cau hoa
Tuổi thơ ta nhạt mẹ ta tèm trấu
Mẹ ta chân đất áo nâu
Miếng trấu cánh phượng là câu xa vời
Gió Lào hát ngược nồm cời
Nắng mưa một mảnh áo tôi phập phồng
Đồng xa, gánh nặng, lưng còng
Mẹ như một mảnh liềm cong cuối ngày
Ấm lòng một miếng trấu cay
Mượn vôi, mượn thuốc, mà say, mà nồng...

Chiều nay khói trắng, hương cong
Trấu cau cúng mẹ, trên đồng sương sa
Củi đầu trầu những xưa xa
Lòng nghe rụng trái cau hoa thuở nào...

NGUYỄN ANH QUỐC

Cốc buồn

Thời tăng ga chóng mặt
Mây còn ngồi làm thơ
Cốc xưa không chữ
Đã chết ai bao giờ?

Nhà chỉ sách là sách
Mãi vô tuyến hai màu
Cổ lẽ mây hăm thật
Hay định xuống Cầu Cau*?

Cái A. giờ giâm đốc
H. chủ tịch từ lâu
Tờ... đất dầm suốt phố
Dành cho thằng tí nhau

Nào lên Mercedes
Đi nhà hàng tổ bao

Hai thằng hai ý nghĩ
Gỗ cốc buồn vào nhau.

*: Trại tâm thần Thái Bình.

TÔ THI VÂN

Vô đề

Yên tĩnh bấy chim sà tận hiên
cành mai nhún nhảy bước chim chuyển
người chợt lặng im như đá tảng
e động
thiên nhiên
riu cánh mềm.

Bạn

Nhà bạn sức mùi thuốc bắc
tháng hai với nửa mùa xuân
chuyện hão vãn ngày được mất
ngõ chiều hun hút cổ nhân.

sum suê và góc chợ quê bán đầy hoa lavender khô bó thành từng bó nhỏ. Trong một quãng đời nào đó của tuổi trẻ, tôi đã từng ao ước giá có một cơn gió, một phép màu nào đó thổi cuốn tôi đi rồi thả xuống giữa cánh đồng hoa lavender biếc tím.

Tôi cứ đi theo V lặng lẽ như một chiếc bóng. Rồi đứng lại trên sườn đồi một ngôi làng nhỏ. Tại đây tôi ngồi dựa vào một gốc cây, mãi miết ngắm nhìn V đang ùa xuống cánh đồng hoa tím bằng tất cả niềm vui sướng, thỏa thuê và nồng nức. Bấy giờ đang là cuối tháng tám, những cánh đồng hoa lavender đồng loạt khoác lên mình chiếc váy dịu dàng màu tím. Giữa bạt ngàn sắc tím đó tôi như thấy lấp lánh nụ cười của út trôi vào tiềm thức. Tôi ngồi đợi út ngủ một giấc rất dài trên cánh đồng hoa. V đã mang tôi đến đây giống như ngày nhỏ út từng hứa sẽ mang tôi đến bất cứ vùng đất mới nào mà em được đi qua. Hôm nay út mặc váy màu trắng, đi đôi giày vải và đội một chiếc mũ rộng vành... Hoa lavender tím đến tận tận lòng...

Sau những chuyến đi trong tương tượng ấy. Tôi trở về với cuộc sống thường nhật trong một phòng trọ chật hẹp giữa lòng thành phố. Nhà ông bà chủ có nuôi một con gà trống, đêm nào nó cũng gáy khàn cổ rất lâu mà không một tiếng gáy nào đáp lại. Những lúc ấy tôi hay nghĩ về út, về những chuyến đi. Nhưng tôi có cha mẹ già cần phải chăm sóc. Tôi có những âm ảnh khôn nguôi của thuở đầu đời kim hãm bước chân tôi. Chỉ khi chạm vào thế giới của V tôi mới thấy mình thật sự được giải thoát. Giống như V cũng vịn vào chuyến đi để phóng sinh cho những lo sợ hạn hẹp của đời người.

V rất biết cách sống chậm lại sau một chuyến đi dài. Như thế khi tôi tỉnh dậy ở

phòng trọ chật chội này thì ở một đất nước xa xôi em đang mở toang cửa sổ đón nắng mới tràn vào. Một lọ hoa nhỏ được đặt bên cửa sổ, dường như hoa là thứ không bao giờ thiếu trong ngôi nhà nhỏ của em. Hoa V mang về rong ruổi đường dài cho bớt nhớ những dấu chân. Tôi thích hình ảnh em ngồi bó gối ngoài cửa nghiêng mắt nhìn nắng nhảy nhót trên bức tường rêu. Em bé nhỏ thế thôi mà gieo vào lòng tôi cảm giác bình yên đến lạ. Lần gần đây nhất chúng tôi nói chuyện với nhau, V kêu nhớ trường lớp cũ và những con người Hà Nội. V hỏi tôi:

- Mọi thứ có thay đổi nhiều không chị?
- Cũng như em thôi. Em cũng đổi thay nhiều. Hà Nội chật chội hơn rồi, không biết khi trở về em còn có thể yêu nó hay không nữa...

- Em được sinh ra và lớn lên ở đó nên chắc sẽ tìm được lý do để mà thương yêu nó. À! Mẹ mới viết thư sang hỏi em ra trường rồi đã xin được việc chưa? Nếu không xin được việc thì về nước. Em chỉ muốn xin một công việc bình thường ở đây để dành thời gian khám phá những vùng đất mới. Em còn nhiều nơi muốn đến, nhiều con người em muốn gặp.

Đấy là lần đầu tiên chúng tôi nói chuyện với nhau gần gũi thế. Tôi bất chợt nhớ về chuyến đi hoang của mình năm mười ba tuổi đầy khờ dại. Nên không dừng được lòng mình mới hỏi V:

- Vì sao ngày đó đang học dang dở bên này em lại tính đến chuyện đi du học một cách bất ngờ như vậy?

V cười bảo:

- Lúc ấy em đi vì muốn quên một cơn "say nắng". Nhưng bây giờ em đi chỉ đơn giản vì lòng còn muốn đi, chân còn muốn

bước.

- Chứ không phải vì một người đàn ông luôn giấu mặt đằng sau những bức hình lung linh đó hay sao?

- À! Chị thấy đấy, em cũng rất khôn khéo khi biết gói ghém thật kĩ báu vật của đời mình đấy chứ. Anh ấy là một món quà mà cuộc sống đã mang lại cho em từ những chuyến đi. Khi nào về thăm nhà, em sẽ mang anh ấy về cùng.

Chúng tôi kết thúc câu chuyện vào mùa thu. Những giấc thu êm đềm ngủ trên môi V cười lịm ngọt. Tôi về quê ra thăm mộ út, thấy những bụi cây cũng đại cũng đã nở vàng hiu hắt cả một góc nghĩa trang. Tôi khẽ gọi tên út trong niềm hy vọng rằng em chỉ đang chạy chơi quanh quẩn đâu đây thôi. Nếu nghe được tiếng chị gọi em sẽ vội vã chạy ùa vào lòng tôi như lúc bé thơ. Mặc dù tôi biết có thể em đang mặc bộ váy trắng, bay trên nền trời xanh thẳm lướt qua từ vùng đất này đến vùng đất khác như giấc mơ của em năm nào. Mà ở thế giới xa xôi ấy đôi chân của em mang hình hài của gió. Như lúc này gió đang lướt qua các kẽ tay tôi...

Tôi trở về tỉnh nhà nhận công tác để tiện chăm sóc cho bố mẹ lúc tuổi già. Sau một khoảng thời gian khá dài bận bịu để tập thích nghi với công việc mới. Một hôm tôi qua thăm thì thấy V đã đóng cửa facebook chẳng hiểu vì lý do gì. Điều đó có thể sẽ khiến những chuyến đi tương tượng của tôi dần khép lại nhưng tôi biết sẽ chẳng bao giờ là kết thúc cho những chặng đường thơm hương sắc mà em sắp đi qua...■

TỪ THAN ĐẾN KÍNH...

C HỮU tịch hội đồng quản trị Đỗ Thành Trung - biệt hiệu "Trung Con", đã từ lâu nổi tiếng trong giới doanh nhân cả nước về biệt tài làm kinh tế từ thời đất nước mới mở cửa hợp tác với đối tác nước ngoài vào những năm 90 thế kỷ trước. Ngày ấy ai mà ngờ "Trung Con" từ một chàng trai quê Ninh Bình ra làm than trên đất mỏ Quảng Ninh lại có được ý tưởng táo bạo, dám làm cả kính xây dựng, lại gây được dấu ấn nhiều nhất về quyết sách xây dựng thành công một lò thiêu xác hiện đại nhất Đông Nam Á - Một công trình mang tính nhân đạo hơn là kinh tế...

Chính nguồn cảm hứng từ thành công của Đỗ Thành Trung về An Lạc Viên, về nhà máy kính Cẩm Phả ngày ấy đã thôi thúc chúng tôi quyết lặn lội một chuyến để được thấy tận mắt "Trung Con" của nhà máy kính Cẩm Phả Quảng Ninh xưa và Đỗ Thành Trung của Kính nổi Chu Lai hôm nay làm ăn ra sao.

TỚI CHUYẾN ĐI NỬA CHIỀU DÀI ĐẤT NƯỚC

Nhận lời mời của Đỗ Thành Trung, đoàn chúng tôi đã vượt hàng ngàn cây số từ đất mỏ Quảng Ninh, mang

Chúng tôi thấy mình hạnh phúc được may mắn trở lại nơi đây, xúc động trước sự hy sinh lớn lao của đồng đội mình, xúc động trước sự đổi thay của một vùng đất đầy thương đau khắc nghiệt của chiến tranh, lại vừa luôn phải hứng chịu những cơn bão lũ tàn phá.

Buổi chiều đầu tiên, vừa đặt chân đến cổng Công ty Kính Nổi Chu Lai, điều bất ngờ hiện lên trước mắt chúng tôi là những dòng chữ đỏ hồng sáng rực chạy trên bảng điện tử "Kính chào quý khách đến thăm..." làm ấm lòng người đến và mát lòng người đi. Và những câu đánh ngôn nổi tiếng được trang trọng trưng bày trong khuôn viên: "Đất nước càng có nhiều nhân tài - đất nước càng hưng thịnh" của Mạc Tử; "Vàng bạc không quý bằng lòng trung tín" của Lễ Kỳ; "Đừng đợi cơ hội thuận tiện, phải biết sáng tạo ra nó" của PSMARDEN và câu: "Thời gian là vàng bạc - để thời gian đi tức là huỷ hoại mình" của DEMOSTHENES. Tôi cảm vui vui. Chủ nhà đã rất am tường, rất coi trọng giá trị văn hoá, tri thức của nhân loại. Cảm phục về lối tư duy rất sâu sắc của những nhà doanh nghiệp thời nay. Họ đâu chỉ lo tính về kinh tế đơn thuần. Quan sát và suy tính kỹ về địa hình địa thế, về thiên thời địa lợi, xem ra Đỗ Thành Trung, ông chủ cảm

thành phần hợp chất từ nổi nấu khổng lồ đỏ rực này. Tôi cảm nhận đây là giây phút quan trọng nhất trong toàn bộ quy trình nung chảy tiến hoá từ "cát - sang kính". Tôi hình dung ra các hợp chất đang trải qua cơn thử lửa rèn luyện để đổi đời. Chúng đang sôi lên sùng sục, tan chảy nhào quện, kết dính tạo thành dung dịch thuỷ tinh trong suốt và tinh khiết. Dung dịch thuỷ tinh được tạo hình trên bề mặt thiếc nóng chảy để tạo thành dây chuyển kính. Mục đích của bề thiếc là tạo mặt phẳng của kính. Tất cả mọi công đoạn đều được tự động hoá qua màn hình trong phòng điều tiết lưu lượng, phòng điều khiển trung tâm. Dung dịch thuỷ tinh được tạo mặt phẳng trên bề mặt thiếc qua quá trình hạ nhiệt, được tuôn ra liên tục, liên tục hết ngày này sang ngày khác, hết tháng này sang tháng khác, hết năm này năm khác. Và cứ thế tuôn chảy đều đều với công suất 900 tấn/ngày - lớn nhất Đông Nam Á, khiến cả đoàn phải chột thốt lên: Thật phi thường và kỳ diệu. Chúng tôi cứ đứng ngây nhìn những sản phẩm kính được tự động cắt những đường thẳng tắp. Chỉ "xoẹt" một cái ngọt mịn, kính được tách rời từng tấm, tự động đưa ra cho các robot đóng gói giống như ta đang xem phim hoạt hình. Chúng tôi ai cũng xuýt xoa nhìn tấm kính bày mẫu có khổ lớn kỷ lục 4.876mm x 6.000mm x 12mm mà ngưỡng mộ. Tôi cao hứng nắm chặt tay hai chàng trai trẻ Vũ Chí Công, Vũ Chí Thanh thốt lên: Kính tế đất nước tiến lên theo con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá chính là đây, cơm áo, gạo tiền là đây. Dân giàu nước mạnh cũng là đây. Phải biết nắm bắt khai thác triệt để công nghệ tiên tiến của nhân loại.

VÀ SỨC VÓC, TÂM THỂ CỦA CFG

Đỗ Thành Trung đã có một quyết sách táo bạo mang tính đột phá của người chèo lái. Bởi ngành sản xuất kính nổi chứa đầy sự rủi ro từng ngày từng giờ. Nếu chỉ một sơ xuất nhỏ cũng dẫn đến hậu quả khôn lường. Để có được sản phẩm kính đạt chất lượng cao, có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế, đòi hỏi nhà sản xuất phải thực hiện nghiêm ngặt mọi quy trình một cách chính xác tuyệt đối. Nhà máy đã đi vào hoạt động, ít nhất phải liên tục trong 10 năm liền không được phép mất điện quá 20 giây. Nuôi được cái lò nấu thuỷ tinh công suất 400 tấn/ngày phải tốn tới 130 tấn dầu/ ngày đốt bức xạ nhiệt và phải luôn giữ được nhiệt độ cao 1.600°C. Nếu lò nấu ngưng hoạt động, để khởi động lại phải chi phí tới 300 tỷ đồng. Để đối phó với trường hợp mất điện, công ty đã phải trang bị tới 3 máy phát điện có nguồn điện thay thế. Nhìn 3 cái máy phát điện công suất lớn luôn nằm thường trực kia, nếu hoạt động, mỗi giờ ngốn tới 12 triệu tiền dầu.

Qua vài lần được chủ tịch hội đồng quản trị Đỗ Thành Trung và Tổng giám đốc Đỗ Thành Phương tiếp cơm thân mật và sau đó lại gặp gỡ đối thoại trực tiếp với trợ lý Tổng giám đốc Phạm Văn Quang, Phó Tổng giám đốc Nguyễn Văn Dũng, đoàn chúng tôi mới nhận ra đầy đủ sức vóc và tâm thể của một công ty cổ phần hoạt động có hiệu quả trong lĩnh vực kinh doanh mặt hàng kính xây dựng hiện nay. Một loạt câu hỏi được chúng tôi đặt ra: Tại sao lại chọn kinh doanh mặt hàng kính? Tại sao lại chọn đất này làm nhà máy? Qua một năm sản xuất, công ty đã gặp khó khăn thuận lợi gì? Đời sống công nhân?... vân và vân vân. Tất thảy mọi câu hỏi đều được giải đáp thấu đáo, khoa học, đầy sức thuyết phục. Càng hiểu rõ về ngành kính, chúng tôi càng nhận ra đầu tư vào kính giống như người nhảy vào lửa, chơi với lửa. Nó chứa đầy rủi ro. Chỉ sơ xuất nhỏ, lửa sẽ thiêu trụi. Cũng chừng ấy đồng vốn, muốn an toàn, chắc ăn, sao không kinh doanh nhà nghỉ khách sạn, tha hồ ăn chơi nhẩy múa? Còn kinh doanh kính phải lo tính từng giờ. Câu hỏi này vẫn được chủ nhà thần nhiên trả lời: Nếu ai cũng chọn kinh doanh "sung sướng" thì lấy đâu ra kính để xây khách sạn, nhà nghỉ. Để có được những thành công bước đầu như hôm nay, đội ngũ quân tướng từ Chủ tịch hội đồng quản trị Đỗ Thành Trung, Tổng giám đốc Đỗ Thành Phương đến đội ngũ trợ lý, giúp việc đã phải vất vả ngày đêm lăn lộn với hàng núi công việc. Ngay từ ngày đầu quân tướng cùng nhau gồng gánh từ Quảng Ninh vào đây chưa quen với mọi sinh hoạt thời tiết khí hậu tập tục địa phương, lại xa nhà, xa người thân. Có

NHỮNG NGƯỜI CHƠI VỚI LỬA

Bút ký của DƯƠNG HƯƠNG - MAI PHƯƠNG

theo hương vị mặn nồng của vịnh Hạ Long vào với miền đất Quảng Nam bạt ngàn những cồn cát trắng tinh khôi. Bầu trời miền Trung lồng lộng nắng và gió. Thời tiết đầu hè với cái nắng chứa chan tình người xứ Quảng, nơi đây không biết tự bao giờ đã nổi tiếng với câu ca *Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm/ Rượu hồng đào chưa ngấm đã say...* Chúng tôi ngỡ ngàng xúc động. Đất trời bỗng sáng bừng lên từ khu công nghiệp mở Chu Lai đang từng ngày, từng giờ làm đổi thay vóc dáng miền đất này bắt đầu từ những dự án táo bạo của những nhà đầu tư có nhiệt huyết, có tầm nhìn chiến lược về dải đất dang dặc khúc ruột miền Trung này.

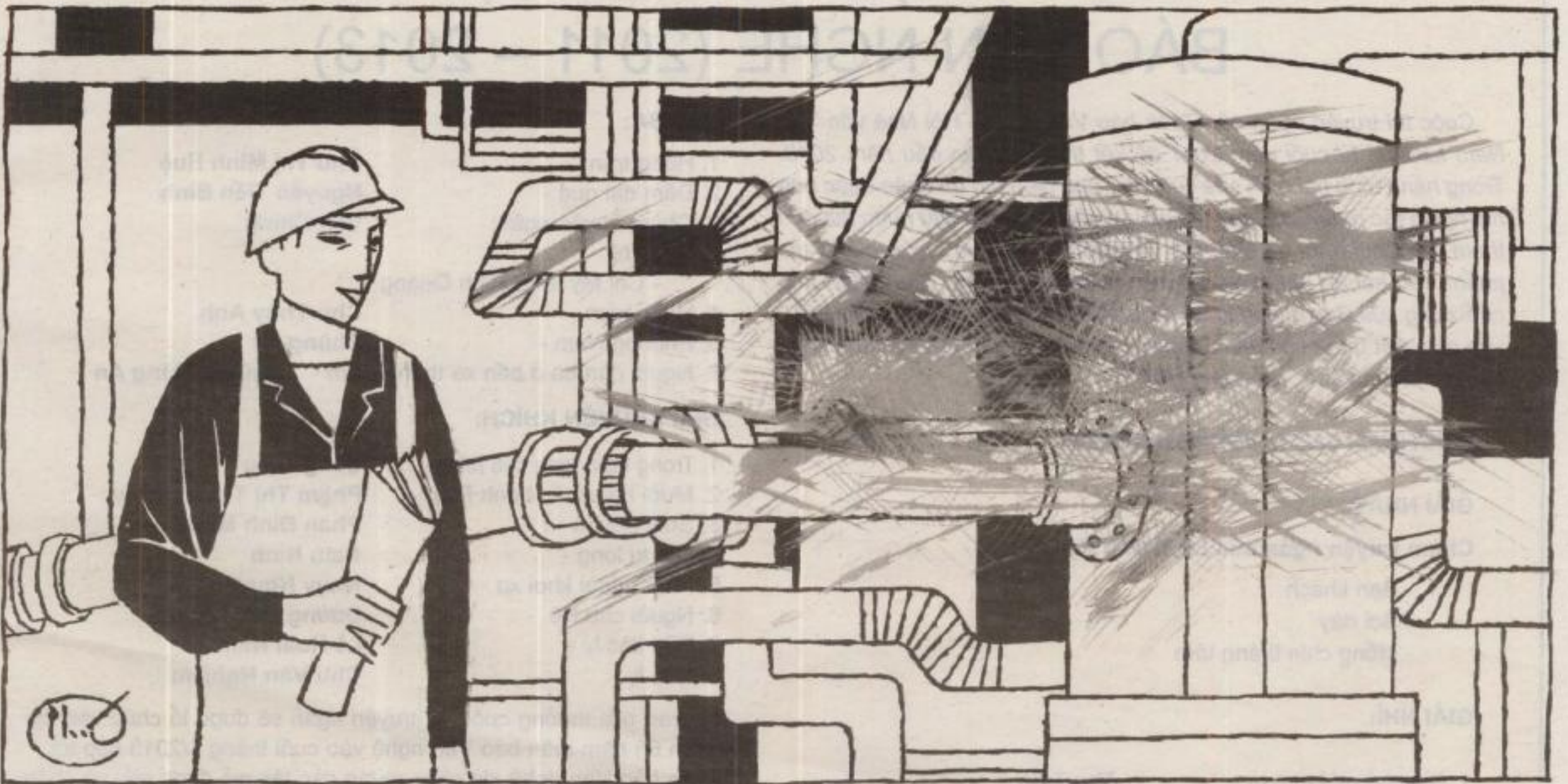
Ấn tượng đầu tiên khi chúng tôi đặt chân tới xã Tam Hiệp, nhìn lên ống khói của nhà máy Kính Nổi Chu Lai với cái logo thương mại CFG lồng lộng trời xanh. Đó chính là nơi chúng tôi cần đến trong chuyến đi đã được định trước, hy vọng sẽ nói được điều gì đó bằng tiếng nói trung thực với công chúng hôm nay về những con người một thời họ đã từng dạn dày kinh nghiệm lăn lộn với than, với kính ở Quảng Ninh. Giờ đây họ đã cùng nhau gồng gánh vào đất này lập nghiệp. Cũng vẫn những con người đó, vẫn "bầu đoàn quân tướng" đó, nay đã có được cái cơ ngơi lộng lẫy bề thế mang tên Công ty cổ phần kính nổi Chu Lai - INDESCO kiêu hãnh nằm trong khu công nghiệp Bắc Chu Lai, thuộc địa phận xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Suốt hai ngày liền, vượt chặng đường hàng ngàn cây số vào đây, chúng tôi đều có chung tâm trạng của người lính được trở lại vùng "chiến khu xưa" (Hai nhà văn Dương Hương và Nguyễn Trác, một thành viên trong đoàn, đều đã từng công tác và chiến đấu tại nơi này trong những năm chiến tranh). Nơi đây vào những năm 70-75 của thế kỷ trước, ai mà ngờ giữa bạt ngàn cát trắng trùng điệp, chỉ có phi lao và cỏ, nay đã mọc lên khang trang một khu công nghiệp rộng lớn, bề thế đến vậy. Chúng tôi bàng hoàng. Chính nơi này, chính những cồn cát trắng tinh khôi kia, năm xưa đã từng thấm máu, đã từng in dấu chân của những người lính chúng tôi ngày đêm cầm súng chiến đấu giành độc lập, thống nhất hai miền Nam- Bắc. Không ít đồng đội tôi đã nằm xuống mãi mãi gửi lại tuổi thanh xuân cho mảnh đất này.

cần này mực nơi đây đã có con mắt tinh tường nhìn xa nhìn sâu và trải đời lắm. Quan điểm "trọng tài nặng đức độ" thể hiện rất rõ trong khâu tổ chức tuyển chọn được một đội ngũ "Quân hùng tướng mạnh" "Tâm đầu ý hợp" xây dựng được một cơ ngơi bề thế trên đất này quả đáng nể. Nhìn vào đội ngũ kỹ thuật của công ty, toàn những gương mặt trẻ, đẹp trai, mắt sáng nhanh nhẹn, bằng cấp chính quy. Từ cán bộ kỹ thuật Vũ Chí Công, Vũ Chí Thanh đến trợ lý tổng giám đốc Phạm Văn Quang, phó tổng giám đốc Nguyễn Văn Dũng đã vừa điều hành công việc chuyên môn, vừa tiếp đón chúng tôi tận tình trong suốt hai ngày liền.

DÒNG THUỶ TINH TUÔN CHẢY...

Hai chàng trai trẻ, Vũ Chí Công và Vũ Chí Thanh đã thể hiện năng lực trình độ của mình ngay từ buổi sáng đầu tiên, ân cần giảng giải hướng dẫn đoàn chúng tôi đi thăm kho nguyên liệu rộng mênh mông, chứa cả những núi cát trắng mịn đã qua sàng tuyển; thăm phòng nổi hơi khổng lồ và cả hệ thống lọc nước sạch (làm mềm nước); thăm phòng điều khiển trung tâm xử lý nguyên liệu, kho dầu, kho chứa thành phẩm và công ty gỗ đóng kiện Ba Đôn. Đặc biệt nhất khi cả đoàn bước vào thăm lò nấu thuỷ tinh đang toả ra hơi nóng rừng rực. Hoá ra chúng tôi lâu nay chỉ hiểu đơn giản theo cách làm đồ thuỷ tinh của "nông dân" theo kiểu phùng mang trộn mắt thổi bóng đèn hay chai lọ ở các lò thủ công mà ngày bé tôi đã được nhìn thấy. Khi được chứng kiến hai chàng trai Vũ Chí Công, Vũ Chí Thanh phân tích kỹ càng về mặt hàng sản phẩm kính nổi, chúng tôi mới hiểu hết tầm quan trọng trong đầu tư kinh tế cho kính ngày nay - giữa cái được và mất nó mong manh đến thế nào. Qua các cửa nhỏ chỉ bằng miệng chiếc bát nhìn vào trong lò là cả một khối lửa đỏ lừ cứ rừng rực phi phi như con quái vật khổng lồ trong phim thần thoại đang gồng mình lên khắc lửa chiến đấu với quân thù. Cuộc chiến đấu của nhiệt lượng để nấu chảy thật quyết liệt dữ dội, vừa dẻo dai, vừa dồn dập, liên tục, liên tục để đạt được nhiệt độ lên tới 1.600°C quả là phi thường. Hơi nóng toả ra rất rát mà tôi vẫn muốn nán lại mãi để được nhìn lâu hơn hình ảnh sinh động nhất trong tiến trình tiến hoá của các



Minh họa của NGUYỄN ĐĂNG PHÚ

cặp vợ chồng phải chống nỡ vợ nể Bắc Nam xa cách, đi lại tốn kém. Cán bộ công nhân của công ty, người ngoài Bắc vào đây chiếm 50%. Ngày đầu tuyển dụng được số công nhân lao động tại địa phương vào làm việc, còn hạn chế về năng lực, lễ lối, tác phong lao động kiểu nông dân quen tự do tùy tiện. Để rèn cặp công nhân dần đi vào nền nếp chính quy, tác phong công nghiệp, chấp hành nghiêm ngặt về giờ giấc, cán bộ lãnh đạo công ty phải trải qua quá trình kiên nhẫn chỉ bảo kèm cặp, động viên khích lệ về cả tinh thần lẫn vật chất, quan tâm tới nơi ăn chốn ở sao cho phù hợp với hoàn cảnh từng người. Giờ đây công ty đã có dãy nhà tập thể cho cán bộ, công nhân khang trang sạch đẹp nằm cạnh nhà máy rất thuận tiện cho sinh hoạt và lao động. Ít có nơi nào lại có được cái nhà ăn rộng rãi như nơi này, công ty đã phải chi tới 10 tỷ đồng, có đầy đủ từ nhà bếp, căng tin, phòng ăn tập thể, phòng ăn VIP sang trọng. Tối giờ vào ca, đội hình từ cán bộ đến công nhân nom rất oách, rất "comlê": Mũ, giày, quần áo đồng phục bảo hộ lao động thể hiện ý chí tinh thần kỷ luật rất cao. "CFG" xứng đáng là đơn vị điển hình cho phong cách làm ăn lớn, với tác phong công nghiệp.

BẮT NGỜ VỀ MỘT ĐỀ ÁN TÁO BẠO

Buổi làm việc đầu tiên với trợ lý Tổng giám đốc Phạm Văn Quang. Lại vẫn là một chàng đẹp trai thông minh, chưa vợ, say mê năng động, ham học hỏi. Phạm Văn Quang đã thành công trong sáng kiến cải tiến kỹ thuật (cắt ba tấm cho dây chuyền kính nổi Chu Lai 900 T/D). Sáng kiến đã mang lại lợi nhuận kinh tế cao cho công ty mà Phạm Văn Quang vừa là chủ nhiệm đề án, vừa là trưởng ban CN-SX. Chia sẻ niềm vui với chúng tôi, Phạm Văn Quang đã nói lên tâm huyết, trách nhiệm của mình trước công ty về tính cấp thiết của đề án. Kể từ khi ra tấm kính vào ngày 3/4/2010, dây chuyền sản xuất kính cơ bản vẫn hoạt động tốt, ổn định, nhưng hiệu quả kinh tế chưa cao do một số nguyên nhân thuộc phạm vi công nghệ của thiết bị. Để phù hợp với nhu cầu thị trường Việt Nam, đề án cải tiến cắt bằng kính thành 3 tấm theo chiều ngang (trước đây chỉ cắt được 2 tấm). Phạm Văn Quang vừa thuyết trình, vừa đưa ra tập đề án. Với tập đề án dày hơn chục trang, Phạm Văn Quang đã đưa ra nhiều phương án thực hiện, phân tích rất chi tiết, khoa học từng ưu, nhược điểm của từng phương án. Các cách thực hiện từng bước, hướng dẫn theo sơ đồ phân tích rất sâu và rất bài bản, thể hiện rõ tài năng và sự công phu, lòng nhiệt tình của người làm đề án. Kết

quả đề án tuyệt vời này đã rất xứng đáng được nhận bằng sáng kiến, làm rạng danh cho công ty và đã được cả tập thể cán bộ và công nhân quý trọng. Qua cuộc tiếp xúc với Phạm Văn Quang, chúng tôi đều thần phục chàng trai trẻ đã làm được những việc mà đến chuyên gia nước ngoài chưa chắc đã dám làm. Và càng cảm phục hơn ở Đỗ Thành Trung, đã có con mắt tinh tường nhìn ra quân tướng của mình và biết cách khai thác năng lực sáng tạo của từng cá thể để phục vụ cho lợi ích công ty, lợi ích cộng đồng.

CUỘC ĐỐI THOẠI VỚI PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN VĂN DŨNG

Buổi làm việc cuối cùng với Phó Tổng giám đốc Nguyễn Văn Dũng thật thú vị bởi tính cách Dũng rất giản dị, thẳng thắn, dứt khoát, mà thân tình. Tối hôm trước cả đoàn được anh Lê Minh Hào, Phó Tổng giám đốc dẫn sang khu tập thể thăm căn hộ riêng của Nguyễn Văn Dũng. Chúng tôi vừa chuyện trò vừa chén hết veo đĩa ổi do chính tay anh Nguyễn Văn Dũng gọt mời rất tình cảm.

Nguyễn Văn Dũng năm nay 35 tuổi, vợ là Nguyễn Thị Huyền, đã sinh một cháu gái. Quan điểm của Dũng: Làm cái người ta chưa làm - Đã làm phải làm được. Xuất phát từ người lính, năm 1999 ra quân gặp Đỗ Thành Trung. Từ công nhân làm than chuyển sang lắp máy công nghiệp. Vừa làm vừa học. Năm 2001 phó giám đốc, sang Trung Quốc học làm kính về xây nhà máy kính Cẩm Phả. Từ 2002 đến 2008 làm quản lý điều hành. Đầu năm 2008 Nguyễn Văn Dũng là người đầu tiên được tin tưởng giao nhiệm vụ vào đây đóng cọc xây dựng nhà máy kính Chu Lai. Lúc đầu chỉ có 12 người, đến nay quân số cán bộ, công nhân trong công ty đã lên đến 700.

Dưới đây là cuộc chuyện trò rất bổ ích giữa chúng tôi và anh Nguyễn Văn Dũng.

- Anh là người được Chủ tịch hội đồng quản trị Đỗ Thành Trung tin tưởng, là cánh tay phải đắc lực, anh học được những gì của Đỗ Thành Trung?

- Đỗ Thành Trung là người biết lắng nghe và quyết đoán. Tôi học được nhiều điều: Làm hết mình và phải có bản lĩnh bảo vệ cái đúng đến cùng. Tôi còn được học hỏi nhiều từ các bậc đàn anh khác nữa, được các anh chỉ bảo tận tình ngay từ ngày đầu khó khăn. Đặc biệt anh Dũng, biệt danh là "Dũng Khàn" hiện anh đang cho thi công xây dựng nhà máy Sô Đa với tổng vốn đầu tư lên đến 2600 tỷ đồng. Sô Đa cách đây chỉ hơn cây số, hết

năm nay sẽ đi vào hoạt động, sản phẩm Sô Đa sẽ lại cung cấp cho Kính Nổi Chu Lai, không phải nhập từ nước ngoài nữa.

- Từ ngày Kính Nổi Chu Lai tách khỏi Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam, công ty gặp khó khăn gì?

- Nếu không tách khỏi tập đoàn Than - Khoáng sản thì Kính Nổi Chu Lai chưa chắc đã được như ngày nay! (cười) Bởi nếu còn tập đoàn chỉ hợp để thống nhất được với nhau cũng mệt. Cơ chế tập thể phải thế. Thế mới biết cử đích đến tập đoàn, tập thể, nhà nước quản lý là nảy sinh vô vàn hạn chế...Điều này ai cũng biết, nhưng ai cũng ngại...(lại cùng cười)

- Xuất phát từ đâu, công ty lại "nhóm ngó" tới đất này để làm kính?

- Tầm nhìn sự phát triển một vùng đất- cần phải có vật liệu kính xây dựng- Chu Lai nhiều ưu đãi nguyên liệu, nhân lực...có cảng Kỳ Hà để xuất khẩu. Và cảng Tiên Sa của Đà Nẵng cũng không xa.

- Hiện nay khu công nghiệp mở Chu Lai đang được dư luận cả nước và giới đầu tư quan tâm, ngoài GFA đã có bao nhiêu đơn vị khác nữa?

- Bắc Chu Lai có Công ty TNHH Linh Kiện Điện Tử, Dăm Gỗ Đài Loan/ Việt Khánh (tay cửa). Phía Nam Chu Lai có Ô tô Trường Hải/ Thức ăn gia súc/ Sàng tuyển xuất khẩu cát. Chúng tôi dự kiến phát triển dây chuyền đến năm 2015 sẽ đạt 2500 tấn kính thành phẩm, đáp ứng thị trường không phải nhập khẩu. Sang năm chúng tôi có sản phẩm kính mạ màu (kính phản quang). Hiện nay Kính Nổi Chu Lai đã tới thị trường nước ngoài như Hàn Quốc, Nhật Bản, Lào, Campuchia...

Nghe những lời thoại của Nguyễn Văn Dũng cứ thấy vang lên không khí hoạt động của cả một vùng đất rộng lớn trong khu công nghiệp mở Chu Lai nói chung và công ty kính nổi Chu Lai nói riêng.

Trước lúc chia tay, tôi chợt nghĩ về Đỗ Thành Trung. Có rất nhiều yếu tố để làm nên sự nghiệp - nào là tài năng, bản lĩnh, hội tụ được sức mạnh tổng hợp từ quân tướng của mình, tới sức mạnh của các nhà lãnh đạo cao cấp trong chính phủ... nhưng tôi lại tin còn một yếu tố nữa vô cùng quan trọng. Đó chính là tâm thế muốn mở mang miền cát trắng cồn cỗi này thành ngàn vạn tấm kính sáng trong cho cả mọi miền đất nước...

Tạm biệt Chu Lai, bắt gặp tôi nhìn lên ba chữ viết tắt "CFG" trên ống khói nhà máy cao ngất trời xanh - đó chính là Logo thương mại, thể hiện sức mạnh của công ty cổ phần kính nổi Chu Lai.■

THÔNG BÁO

KẾT QUẢ CUỘC THI TRUYỆN NGẮN

BÁO VĂN NGHỆ (2011 – 2013)

Cuộc thi truyện ngắn của Tuần báo Văn nghệ - Hội Nhà văn Việt Nam kéo dài từ cuối năm 2011 đã kết thúc vào dịp đầu năm 2013. Trong hành trình hai năm của cuộc thi, Ban biên tập đã nhận được hơn hai nghìn tác phẩm của các tác giả ở khắp mọi miền đất nước gửi đến tham dự. Chúng tôi đã biên tập và tuyển chọn, đưa in được 315 tác phẩm trên hai ấn phẩm Văn nghệ và Văn nghệ Trẻ. Sau phiên họp cuối cùng của Ban chung khảo được tiến hành vào ngày 15 - 4 - 2013 vừa qua, kết quả cuộc thi đã được thống nhất. Sau đây là danh sách các tác phẩm và tác giả trúng giải.

DANH SÁCH CÁC TÁC PHẨM ĐƯỢC GIẢI

GIẢI NHẤT:

Chùm truyện ngắn của Lê Thanh Kỳ

- Bạn khách
- Sợi dây
- Mồng chín tháng tám

GIẢI NHÌ:

1. Gia phả mùi rơm rạ -
2. Ma núi rần -
3. Lá bùa bỉ ngạn hoa -

Thu Trần
Nguyễn Đức Lợi
Vũ Thị Thanh Huyền

GIẢI BA:

1. Hồng trần -
2. Đêm dài qua -
3. Chùm truyện ngắn:
 - Thị
 - Chị Mỹ làng Minh Quang

Chu Thị Minh Huệ
Nguyễn Tiến Bình
Văn Chinh

4. Hàng xóm -
5. Phương Nam -
6. Người đàn bà ở bến xe thành Rôm -

Chu Thùy Anh
Phùng Hy

Nguyễn Đăng An

GIẢI KHUYẾN KHÍCH:

1. Trong đám tang của mình -
2. Mười hai chiếc bánh Flan -
3. Suối nguồn -
4. Đất tụ long -
5. Phật ngoài khơi xa -
6. Người chợ Kệ -
7. Bữa tiệc ly -
8. Seo ly -

Uông Triều
Phạm Thị Thanh Thúy
Phan Đình Minh
Nam Ninh
Nhụy Nguyễn
Dương Đức Khánh
Lê Hoài Nam
Chu Văn Nghiêm

Lễ trao giải thưởng cuộc thi truyện ngắn sẽ được tổ chức vào dịp kỷ niệm 65 năm tuần báo Văn nghệ vào cuối tháng 4/2013 sắp tới.

Tuần báo Văn nghệ xin chúc mừng các tác giả được giải và chân thành cảm ơn sự cộng tác của các tác giả đã góp phần làm nên sự thành công của cuộc thi

BAN BIÊN TẬP

MỘT CUỘC GẶP GỠ THÚ VỊ

(Tiếp theo trang 15)

không phải là thuyết hội tụ mà nên hiểu rằng những con người kiệt xuất ấy đều có những tình cảm yêu thương con người, tình cảm nhân văn đối với hàng triệu nhân dân lao động nghèo khổ, đối tượng mà Phật gọi là chúng sinh.

M.G: Nhân đề cập triết học, tôi nhớ đến Trần Đức Thảo một triết gia lỗi lạc mà chúng tôi vô cùng quý trọng.

N.V.L: Giáo sư Trần Đức Thảo mất là một tổn thất lớn đối với trí tuệ Việt Nam. Anh Thảo là một thiên tài. Thương quá, anh ấy chết trong cô đơn...

M.G: (tiếp liên theo) ...ghê gớm! (affreuse). Tôi được tin Trần Đức Thảo chết lúc tôi đang ở Bồ biển Ngà, một nước châu Phi, tôi vội bay về nhưng không kịp gặp anh lần cuối.

N.V.L: Tôi được gặp anh Thảo đôi lần ở Hà Nội những năm 56, 57. Tạp chí Nouvelles critiques (Phê bình mới - tạp chí lý luận của Đảng Cộng sản Pháp) nhiều lần trích dẫn Trần Đức Thảo. Anh Gaspard quen biết anh ấy nhiều không?

M.G: Khả thân, anh ấy là bạn của gia đình chúng tôi, tôi đang cộng tác với Trần Đức Thảo viết một phần trong công trình chung về triết học. Phần tôi đã xong, có thể xuất bản được vào giữa 1994. Lúc có sách, tôi sẽ xin gửi tặng anh. Cống hiến lớn của anh Trần Đức

Thảo có nhiều mặt, trong đó một lĩnh vực rất quan trọng là nghiên cứu về quan hệ không gian và thời gian trong triết học. Gần đây, một phát kiến mới của anh ấy: *Đưa thời gian vào thời gian* (Donner le temps au temps), môi trường không gian và ý thức con người có thể tạo nên những trạng thái thời gian không còn như cũ.

N.V.L: Vấn đề ấy có liên quan gì đến thuyết tương đối của Einstein không? Tôi chưa hiểu sâu về ý kiến của anh Thảo. Cảm thức cơ giãn về thời gian khi thì mang tính vật lý như trong các con tàu vũ trụ bay trong quỹ đạo quanh trái đất. Có khi lại là cảm thức triết học như trong các chuyện dân gian. Chuyện Từ Thức lên tiên, một năm ở cõi tiên bằng mấy kiếp người ở cõi trần. Trong thơ Nguyễn Du, một nhà thơ lớn của chúng tôi, cũng có sự biến dạng thời gian như thế trong lòng người: *Sầu đông càng lắc càng đầy/ Ba thu dọn lại một ngày dài ghê!*

Ngược lại, không gian cũng biến đổi trong thời gian xa cách như trong một câu thơ khác của Nguyễn Du: *Về non xa, tấm trăng gần ở chung. Núi láng giềng thì xa, trăng vũ trụ lại gần!* Điều ấy có vẻ

phi lý nhưng lại rất hiện thực trong quan hệ không gian triết học.

M.G: Trần Đức Thảo còn có cống hiến lớn lao hơn nữa nếu anh ấy có điều kiện thuận lợi hơn, có thời gian hữu ích trọn vẹn hơn.

N.V.L: Giáo sư Trần Đức Thảo là một nhân cách lớn. Qua bao nhiêu biến động trong cuộc đời anh, kể cả cuộc đời riêng, anh vẫn là anh với đầy đủ phẩm cách. Trần Đức Thảo từng đã chiến thắng bước ra từ cuộc giao tranh về triết học với J.P.Sartre, anh cũng chiến thắng bước ra từ cuộc giao tranh tâm lý của thời đại

anh. Đến phút cuối đời, Trần Đức Thảo vẫn là một nhà yêu nước.

(Nguồn: Tuyển tập Nguyễn Viết Lâm - 1997)

Sau cuộc đối thoại, trở về Paris, giáo sư M. Gaspard viết thư cho nhà thơ Nguyễn Viết Lâm, thư có đoạn viết: "... Trong cuộc đời, có những giây phút hạnh phúc xiết bao mà ta được sống! Đối với tôi, cuộc trò chuyện thân tình và phong phú này chính là những giây phút ấy, tôi dùng thì hiện tại vì nó luôn còn mãi mãi" (Thư viết ngày 30/8/1993).■

Nhà văn BẢO VŨ (giới thiệu)

(1) André Paul Guilleme Gide (1869-1951) được coi là nhà văn Pháp xuất chúng của thế kỷ 20, giải Nobel văn học 1947.

(2) "Anh chàng Mòn Lớn" được xếp thứ 9 trong 100 cuốn sách hay của thế kỷ 20.

(3) André Breton (1896-1966) nhà thơ Pháp với tác phẩm "Tuyên ngôn của chủ nghĩa Siêu thực" (Manifeste du surréalisme), năm 1924, được coi là người sáng lập Chủ nghĩa Siêu thực.

(4) Alain Robbe Grillet (1922 - 2008) nhà văn Pháp khởi xướng trào lưu Tiểu thuyết mới (Nouveau roman) với tác phẩm "Vi một tiểu thuyết mới" (Pour un nouveau roman), năm 1963, có giá trị như một bản tuyên ngôn văn học có ảnh hưởng mạnh mẽ với Văn học thế giới.

(5) Dương Chu, người thời Chiến Quốc, chủ trương thuyết "Vị ngã" cực đoan, cho rằng sinh mệnh mình là đáng quý trọng nhất, "tất cả cho bảo toàn sinh mệnh", tước vị Thiên tử cũng không bằng, "có lợi cho thiên hạ mà mất một sợi lông chân cũng không làm".

(6) Nguyễn Viết Lâm muốn nói đến thiên sư Quảng Nghiêm (1121-1191), người Hà Tây, đời Lý, tác giả của bài kệ nổi tiếng "Thị tật" (Cáo bệnh) có câu "Nam nhi tự hữu xung thiên chí / Hưu hường Như Lai hành xứ hành / Tài trái có chí xông trời thăm / Giẫm vết Như Lai lướt nhọc mình - Có những bản dịch khác nghĩa, thậm chí trái nghĩa; chúng tôi chọn bản dịch của nhà văn Ngô Tất Tố).

VĂN NGHỆ - TUẦN BÁO SÁNG TÁC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

● Tổng biên tập: NGUYỄN TRÍ HUÂN ● Phó tổng biên tập: THÀNH ĐỨC TRINH BẢO ● Phó tổng biên tập: KHUẤT QUANG THỤY

● Tòa soạn, Trại sự: 17 Trần Quốc Toàn - Hoàn Kiếm - Hà Nội. ● Điện thoại: Ban biên tập (04) 62702634; Trại sự: (04) 62702629; Kế toán (04) 62702642

● Email: thukybn@gmail.com; banthovn@gmail.com; banvanvn@gmail.com; lyluanphebinhvn@gmail.com; vanhocnuocngoai.vn@gmail.com; baninghetuatvn@gmail.com.

● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam: 43 Đồng Khởi, T.P Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 38298802 ● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Trung: Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa - Điện thoại: (037) 3851752 - 3853522; 292 Đường Hai Tháng Tư, TP. Nha Trang - Điện thoại/ Fax: (058) 3825867. ● In tại Công ty in Báo Nhân dân Hà Nội

● ISSN 0866 - 0815 ● MST: 0100784855; Tài khoản: 102010000018171 - Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng - Hà Nội ● Trình bày: PHẠM MINH HẢI

● Giá: 9.800 đồng.